

QUÝ
CHO CHÀNG
NHỮNG PHẢI TRỜI
KỂ LÀ ĐẤT TÁNH
TÁNH NGU TRĂM TÌNH
THIÊN THIẾT NGÔI NHƯỜNG
NHIÊN BỞI ĐÀ ẤY
HIỀN CHÍN VỐN
CHÍN LÀ TIÊN



THẦN TIÊN TRÍCH LỤC *phụ bản* CỬU THIÊN THẬP NHỊ KINH

THẦN
TIÊN
TRÍCH
LỤC

phụ bản
CỬU
THIÊN
THẬP
NHỊ
KINH

神仙摘錄



*Vạn điều lý sự
đều bởi hữu Duyên.*

神
仙
摘
錄

THẦN
TIÊN
TRÍCH
LỤC

phụ bản
CỬU
THIÊN
THẬP
NHỊ
KINH

Minh hoạ và trình bày bởi HUN



Lời tựa

Đã bao nhiêu lần chúng ta tự hỏi mình là ai và từ đâu xuất hiện? Sống hết một đời, rồi bỏ thân mạng sẽ đi đâu về đâu? Mất đi rồi, ta có còn tự chủ thể này không...

Hay ta lạc lõng giữa mông lung vô niệm?

Những câu hỏi ngỡ quá xa vời cuộc sống thường nhật, bất ngờ lại là những vấn đề gần gũi nhất. Nếu không giải đáp được, có lẽ ta thực sự vẫn chưa hiểu về chính mình, e sẽ chỉ mãi là một mảnh bèo nước, chơi vơi giữa lượng sóng trần, chẳng tìm được bến đỗ.

Thực sự biết về mình quả là điều vô cùng yếu trọng.

Những câu hỏi kia nay được giải bày nôm na, súc tích trong vài khổ thơ thất ngôn tuyệt diệu của ***“Cửu Thiên Thập Nhị Kinh”***. Bộ kinh gồm 12 bài thơ mộc mạc dễ hiểu, được các Đấng Thiêng Liêng giảng cơ dành tặng, kể về chuyến hành trình mỗi kẻ tìm về nguồn cội của mình, nơi xuất sinh ra vạn linh vạn loại khắp trong Vũ Trụ.

Đọc ***“Cửu Thiên Thập Nhị Kinh”*** bản chất là tạo lập một lối thông đạo. Con đường này dẫn chư linh vùng thoát trần hoàn, vệt ngút tầng mây, tiến nhập thẳng về quê xưa chốn cũ Cực Lạc Quốc, nơi cao xa trong Đất Trời.

Bởi lẽ theo luật xưa, vạn loại đều phải tự mình trải qua muôn kiếp tuần hoàn sinh-tử, phát triển linh hồn mới quay về được nơi mình xuất sinh này. Nhưng, hiện thế đã khác, Pháp nay đổi dời, lối về đã mở, hầu dẫn người Hiền cận kề với Tạo Hoá. Thực là một dịp gọi mời chư linh khắp nơi quy hồi về với Nguyên Linh, bất kể nghiệp tiền khiên còn đang nặng nợ vậy. Đấng Tạo Đao quả nhớ nhung con mình xiết đỗi, chỉ mong con cái Người quay về được sau muôn vắn năm lạc đường mờ mịt.

Bộ Kinh là một món quà quý. Tuy dễ dàng và ngọt ngon nhưng cũng cần điều kiện. Tuy không phải luân hồi thêm muôn kiếp, nhưng người truy cầu cũng phải biết sửa soạn lòng mình, tranh tay hành thiện, và trọng yếu là giữ giới chay tịnh. Việc buông bỏ nghiệp sát chỉ thuần túy có lợi cho chính mình, để không nhiễm thêm oán khí từ sát mạng trả vay. Có như thế, các Đấng Thiêng Liêng mới đủ khả năng dìu dắt kẻ thiện tín vậy.

Thế thì, xin mau tay sửa mình khi còn đang tại thế. Nếu để lỡ dịp, vẫn chưa bắt đầu, e là đáng tiếc lắm thay!

Đường về đã hiện, kẻ hữu duyên phải tự mình bước tới.

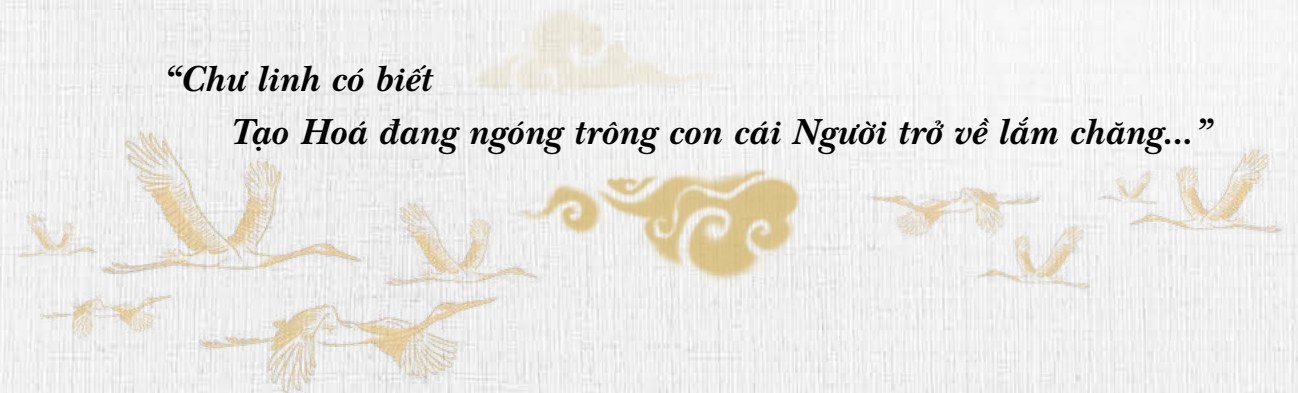
Ngày nay, để chung tay dẫn bước Hiền nhân trở về Cực Lạc, cuốn Thần Tiên Trích Lục được biên soạn và minh hoạ từng nhân vật được nhắc đến trong bộ ***“Cửu Thiên Thập Nhị Kinh”***, hầu làm sáng tỏ thêm ý vị của bộ kinh quý này vậy.

Mong kẻ hữu duyên nhìn rõ lối về, dạn chân bước tới trên con đường thoát tục tìm nhân, trở về quê xưa Cực Lạc.

Soạn quyển sách này, nguyện cùng Chư Vị một tay, níu con người rời biển trần mà bước lên thuyền từ Bát Nhã, cũng là đỡ chân cho hạc cũ về tòng vậy.

“Chư linh có biết

Tạo Hoá đang ngóng trông con cái Người trở về lắm chăng...”



MỤC LỤC

Kinh Khai Cử	6
Kinh Độ Nhất Cử	8
Nhất Nương Diêu Trì Cung	10
Kinh Độ Nhị Cử	14
Nhị Nương Diêu Trì Cung	16
Kinh Độ Tam Cử	20
Tam Nương Diêu Trì Cung	22
Tiên Hạc	26
Phụng Hoàng	30
Trúc Lâm Thất Hiền	34
Kinh Độ Tứ Cử	38
Tứ Nương Diêu Trì Cung	40
Long Thần	44
Kim Câu	48
Huyền Thiên Quân	52
Kinh Độ Ngũ Cử	56
Ngũ Nương Diêu Trì Cung	58
Hồng Quân Lão Tổ	62
Kinh Độ Lục Cử	66
Lục Nương Diêu Trì Cung	68
Không Tước Minh Vương	72

Kinh Độ Thất Cử	76
Thất Nương Diêu Trì Cung	78
Quan Thánh Đế Quân	82
Chuẩn Đề Đạo Nhân	86
Phổ Hiền Bồ Tát	90
Kinh Độ Bát Cử	94
Bát Nương Diêu Trì Cung	96
Kim Mao Hầu	100
Tự Tại Thiên Tử	102
Kinh Độ Cửu Cử	106
Cửu Nương Diêu Trì Cung	108
Diêu Trì Kim Mẫu	112
Kinh Tiểu Tường	118
A Di Đà Phật	120
Nhiên Đăng Cổ Phật	124
Kinh Đại Tường	128
Thích Ca Mâu Ni Văn Phật	130
Vì Đà Hộ Pháp	134
Di Lặc Vương Bồ Tát	138
Ngọc Hoàng Thượng Đế	142

– Chung –



*“Đã quá chín từng Trời đến vị
 Thần đặng an tình khí cũng an
 Tầng Trời gặng bước lên thang
 Trông mây nhìn lại cảnh nhàn buổi xưa.*

*Cõi thăm khổ đã vừa qua khỏi
 Quên trần ai mong mỏi Động Đào
 Ngó chi khổ hải sóng xao
 Đoạn tình yếm dục đặt vào cõi Thiên.*

*Giọt lụy của Cửu Huyền dầu đổ
 Chớ đau lòng thuận nợ trầm luân
 Năm cây Huệ Kiềm gương thân
 Dứt tan sự thế nợ trần từ đây.”*

Kinh Khai Cửu – Thường Cư Nam Hải Quán Âm Như Lai



“Vườn Ngạn Uyển sanh hoa đã héo
 Khôi hình hài đã chịu rã tan
 Bảy dây oan nghiệt hết ràng
 Bợn trần rửa sạch muôn ngàn đau thương.

Kìa Thiên cánh con đường vời vọi
 Ánh Hồng Quân đương chói Ngọc Lầu
 Cung Thiềm gặng bước cho mau
 Thoát ba Thần Phẩm đứng đầu tam thiên.

Khá tỉnh thức tiền duyên nhớ lại
 Đoạn cho rồi oan trái buổi sanh
 Dem mình nương bóng Chí Linh
 Định tâm chí Thánh mới gìn ngôi xưa.

Hồn định tỉnh đã vừa định tỉnh
 Phách anh linh ắt phải anh linh
 Quân bao thập ác lục hình
 Giải thi thoát khổ diệt hình đoạn căn.”

Kinh Đệ Nhất Cửu – Nhất Nương Diêu Trì Cung



NHẤT NƯƠNG ĐIỀU TRÌ CUNG

*“Hoa Tiên trở đẹp xinh Văn Miếu
Gót Tiên đưa yếu điệu nữ dung
Cung Diêu ghé mắt thư hùng
Reo tơ may gặp hội cùng tương tri.”*

(Nhất Nương giảng cơ ban thi)

Huỳnh Hoa Tiên Tử là Nhất Nương trong Cửu Vị Tiên Nương của Điều Trì Cung. Công việc chính của ngài là cai quản và gìn giữ vườn Ngạn Uyển nơi Tào Hóa Huyền Thiên. Thế nên ngài còn được biết đến với tôn danh là Ngạn Uyển Chương Hồn. Vườn Ngạn Uyển này là nơi gieo trồng các Chân Nguyên Hoa, cũng gọi là Sanh Hoa, tượng trưng cho sự sinh tồn, tinh tấn của chúng sinh khắp Tam Giới.

Huỳnh Hoa Tiên Tử thường thị hiện Hỷ Lạc Thiên Nữ dạng, toàn thân khoác Đạo bào màu trắng tinh khôi, điểm xuyết những đóa sen trắng ẩn hiện kim quang óng ánh. Xung quanh Ngài tỏa ra vàng minh khí dịu dàng như ánh nắng ban mai khiến cho những ai tiếp cận đều cảm thấy an lành, ấm áp.

Ngài thường mang theo bên mình chiếc Quyền Trọng chương quản Ngạn Uyển, là cây gậy gỗ mộc mạc đơn sơ, giản dị vô cùng. Khi Ngài gieo duyên trong Tam Giới, Quyền Trọng này hóa thành cây đàn tỳ bà tên gọi Hoa Âm Tỳ Bà, cùng Ngài đánh lên những giai điệu thiên biến vạn hoá, hòa tấu với chư vị Hỷ Lạc Thiên, xướng ngâm các bài Thần thi cổ chú vi diệu. Bất kì ai nghe qua cũng đều được an lạc thân tâm, phiền não tiêu tan. Các đóa Chân Nguyên Hoa thường được tưới tẩm nhờ nghe các giai điệu ấy.

Hễ có đóa hoa nào trở nên yếu ớt mà vẫn chưa đến hồi kết thúc thọ mạng, chư Hỷ Lạc Thiên nơi Ngạn Uyển sẽ dùng an lạc khí của mình để chăm sóc cho hoa ấy tươi tắn trở lại. Lúc đó, sinh linh ấy sẽ có thêm năng lượng tươi mới, yêu đời hơn, an lạc hơn, dễ rồi mau chóng phục hồi sinh lực. Khi đóa Sanh Hoa nơi ấy kết thúc thọ mạng, tàn héo rũ rượi tan rã vào hư không, tức thì lại biến hiện thành một đóa hoa khác, biểu thị sự chuyển sinh một kiếp mới của chơn hồn đó.

Khi một chơn hồn vừa thoát xác, thần thức thường bán loạn và bờ ngỡ. Những chấp niệm, những ham muốn được sống tiếp, được hoàn thành những gì dang dở, hưởng thụ



những gì chưa từng nếm trải, những níu kéo thương xót của thân tộc, tình duyên..., ấy đều là những mối dây oan nghiệt của thất tình lục dục trói buộc họ. Thế nên họ cần thời gian để tịnh tâm định trí, để chấp nhận hiện thực rồi mới có thể tiếp tục chuyển sinh theo nhân duyên nghiệp quả. Được như vậy là nhờ chư Hỷ Lạc Thiên dùng những âm thanh huyền nhiệm xoa dịu các đoá Sanh Hoa của họ nơi Ngạn Uyển đó vậy.

Riêng những chơn hồn có sự tu tập nhất định, biết giữ nét Thiên lương, làm lành lánh dữ và sống có ích cho đời, bất kể tôn giáo, tuy chưa trọn vẹn, cũng có thể đắc các quả Thần Vị, được chư Thánh độ duyên nhập vào Thượng Giới. Đó là con đường đi theo Cửu Thiên Thập Nhị Kinh. Qua đó, chư linh may duyên một dịp được thăm lại Từ Phụ và Từ Mẫu Thiêng Liêng trải bao sinh tử luân hồi vui dập của sóng trần.

Huỳnh Hoa Tiên Tử tính tình cương trực, lại ôn hòa, nhân từ đức độ vô cùng. Ngài lặng lẽ nhẫn nại chăm lo chu đáo cho sự biến chuyển liên tục của những đoá Chân Nguyên Hoa nơi Ngạn Uyển, cũng chính là sự tồn tại của mỗi sinh linh khắp Tam Giới.

Ngài nguyện dùng tất cả tâm tình và thời gian của mình chăm lo cho Ngạn Uyển, nơi gìn giữ bản mệnh của chơn hồn muôn linh khắp Tam Giới. Đây là việc vô cùng khó khăn vì các Chân Nguyên Hoa biến hóa ngày một đa dạng, lại tăng dần theo thời gian. Nếu Chân Nguyên Hoa bị tổn hại thì sinh linh ấy cũng bị tổn hại. Nếu Chân Nguyên Hoa bị tà quyền khống chế thì sinh linh ấy cũng chịu đau thương. Thế nên việc xâm nhập Ngạn Uyển để thao túng muôn sinh linh khắp Tam Giới vẫn là điều mà nhiều thế lực cường quyền tà linh luôn khát khao có được. Việc gìn giữ cho Ngạn Uyển được bình yên là việc khó khăn gian khổ vô cùng.

Khi Sanh Hoa vẫn còn nơi Ngạn Uyển, dù chuyển sinh bao nhiêu lần, chuyển kiếp bao nhiêu cõi, sinh linh ấy vẫn có ngày về được tới Cội Đạo. Thế nên Ngạn Uyển Chương Hồn mới chẳng quản công mà dành hết tâm huyết nơi ấy. Dưới sự chương quản của Ngài, từ thuở khai Thiên lập Địa đến nay, nơi này vẫn được bảo trọng bình yên. Mới thấy tài đức của Ngài vi diệu nhường nào.

Ngài từng có một kiếp giáng trần ở nước Đại Việt trong thân phận nữ tướng Hoàng Thiều Hoa thời Trung Nữ Vương, được sắc phong Đông Cung Công Chúa nhờ những chiến công hiển hách giúp dân tộc chống quân xâm lược nhà Hán.

•

Hoa Âm Tỳ Bà

Hoa Âm Tỳ Bà là cây đàn tỳ bà có hình quả lê bỏ đôi, căng bốn dây tơ dọc thân đàn. Phần đầu chạm khắc hình cảnh sen hàm tiếu, hai bên có gắn bốn trục lên dây, bầu đàn khảm hình bách hoa đồng khai nơi Ngạn Uyển. Bốn dây đàn tượng trưng cho Hòa, Ái, Thanh, Tịch. Ngũ âm đàn phát ra là Cung, Thương, Giốc, Chủy, Vũ, tượng trưng cho

Thái Cực, Thái Dương, Thái Âm, Thiếu Dương, Thiếu Âm, là khởi nguyên của vạn linh Tam Giới.

Đàn Tỳ Bà ấy mỗi khi ngân vang như cất lên tiếng tâm thanh tĩnh, mang hương thơm ngát của muôn hoa nơi Ngạn Uyển. Cũng đồng thời là tiếng gọi của cửa cội nguồn vạn linh, tiếng lòng tha thiết của Phụ Mẫu Thiêng Liêng trông chờ muôn sinh con cái trở về bên mình... Thế nên, hễ sinh linh nào nghe thấy âm thanh vi diệu ấy, tâm thức liền được hòa ái thanh tịch, tịnh lặng những phiền não của thế tục thường tình, có một mãnh lực vi tế từ tận sâu thẳm cõi lòng kêu gọi quay về Nguồn Đào quê cũ.

Việc nghe được âm thanh này rất quan trọng với các chơn hồn vừa thoát xác. Ngoại trừ những chơn hồn không có tu sửa bản thân, không màng đến luân hồi nhân quả, còn bám chấp vào thế gian hữu tình thì thường tự quyết định đầu thai chuyển kiếp nơi Hạ Giới trong lúc thần trí mê mẫn.

Còn các chơn hồn có tu tập, hiểu biết ít nhiều về nhân quả, ngán ngẫm luân hồi khổ hải nhưng chưa sống trọn theo lẽ Đạo sẽ sinh ra hoang loạn, không biết phải đi đâu về đâu. Khi nghe được tiếng đàn của Hoa Âm Tỳ Bà vọng về từ Ngạn Uyển, tâm thức họ may duyên được tịnh lặng, trí não quang minh. Từ đó mà minh bạch được các lý sự, nhân duyên rồi mới sáng suốt đưa ra quyết định. Lại nữa, nghe được các âm thanh vi diệu cùng an lạc khí sẽ khiến họ tự nhiên mong muốn trau dồi bản thân cho Chân Thiện Mỹ, để một ngày hưởng cảnh an lạc hằng sinh nơi Thượng Giới.

•

Thi văn, kinh điển

*“Hoa thu ử như màu thẹn nguyệt
Giữa thu ba e tuyết đông về
Non sông trải cánh Tiên lòe
Mượn câu thi hứng vui đề chào nhau.”*

*“Nhãng ngôi giữ huỳnh hoa Ngạn Uyển
Mà quên nghe đặng tiếng vịnh sanh
Dọn đường lều cỏ chời tranh
Tay nương cây gậy một mình trông vui.”*

*“Hoa ngào ngạt mùi hương tỏa kín
Cảm lòng thành điện Thánh nương về
Khuyên đời mau tỉnh giấc mê
Lo tu sau khỏi nẻo nề kiếp duyên.”*



“Tây Vương Mẫu vườn đào ướm chín
 Chén trường sinh có lệnh ngự ban
 Tiệc hồng đã dọn sẵn sàng
 Chờ thần khá đến hội hàng chư linh.

Đã thấy đủ Thiên Đình huyền pháp
 Cõi giác thân lên đạp Ngân Kiều
 Đẩu Tinh chiếu thấu Nguyên Tiêu
 Kim Quang Kiệu đỡ đến triều Ngọc Hư.

Khí trong trẻo dường như băng tuyết
 Thần im đềm dường nét thiều quang
 Xa chừng thế giới Địa Hoàn
 Cõi Thiên đẹp thấy nhẹ nhàng cao thẳng.”

Kinh Đệ Nhị Cửu – Nhị Nương Diêu Trì Cung

NHỊ NƯƠNG ĐIỀU TRỊ CUNG

*“Cầm Tú thi văn hà khách Đạo
Thi Thần tửu Thánh văn thùy nhân
Tuy mang lấy tiếng hồng quân
Cảnh Tiên còn mến côi trần anh thư.”*

(Nhị Nương giảng cơ ban thi)

Cầm Tú Tiên Tử là Nhị Nương trong số Cửu Vị Tiên Nương Điều Trị Cung. Ngài giữ trọng trách cai quản Vườn Đào Tiên nơi Tào Hóa Huyền Thiên nên còn được biết đến với tôn danh là Đào Viên Chương Quân. Khi phụ trách tuyển chọn chư anh linh phó Hội Bàn Đào, sửa soạn Hội Yến Điều Trị Cung thì Ngài được biết với tôn danh Hội Yến Đại Tế Tư.

Ngài từng có một kiếp giáng trần là nữ vương Jayavedi nhà nước Thủy Chân Lạp Campuchia xưa vào khoảng thế kỷ VII.

Ngài thường thị hiện hình dáng Hỷ Lạc Thiên Nữ Vương, toàn thân khoác Đạo bào trắng tinh thuần khiết, bên ngoài lại khoác thêm Tiên Y chín lớp long lanh như sương hoa cùng mây dải lụa trắng trong veo, bay phấp phới bên hai tay. Trên búi tóc của Ngài có cài một chiếc trâm hình đóa sen ngũ sắc mãn khai rực rỡ. Giữa đóa sen ấy có hình Tuệ Nhân tỏa ra ánh hào quang dịu dàng ấm áp, biểu trưng của sự Minh Triết.

Dưới chân Ngài mang thảo hài Vô Ưu được kết từ Vô Ưu Thảo hay Vong Ưu chi Huyền, một loại cỏ Tiên quý hiếm. Chỉ cần tiếp xúc với cỏ này, nghe tiếng cỏ này xào xạc trong gió đã có thể làm đầu óc thanh tịnh, quên đi những phiền não thường tình.

Ngài hay mang theo bên mình pháp bảo Ngọc Lư. Lư hương này tỏa ra Đạo Hương thuần khiết làm cho không gian xung quanh Ngài luôn thanh tịnh, trong lành, đầy hương thơm dịu dàng. Những ai hữu duyên được tận hưởng làn hương vi diệu ấy thì mọi vướng mắc liên tiêu tan, tâm thần an tịnh, dễ dàng hồi hướng nhập về các cảnh giới thanh tịnh, hướng về cội nguồn của mình là Đạo.

Tính tình Ngài nhân hậu thuần khiết, vừa ôn hòa nhã nhặn lại vừa trang nghiêm chững mực. Ngài cũng là bậc thượng thủ trong các món lễ nghi giao tiếp, văn hóa nghệ thuật thi thư, trà tửu, ca ngâm xướng họa.



Về Bàn Đào Yên Hội,

Nơi cõi Tào Hóa Huyền Thiên có một vườn Đào Tiên rộng lớn bao la vô cùng tận. Đào Viên này được Cẩm Tú Tiên Tử chăm quản. Ngài cùng chư Hỷ Lạc Thiên chăm sóc, tinh dưỡng cho cây tươi tốt và ra trái đều đặn. Các cây Đào ở đây mỗi năm đều ra hoa kết trái trĩu quả, chẳng phải mấy ngàn năm mới ra hoa và mấy ngàn năm mới kết trái như trong phim ảnh. Các quả Đào Tiên này sẽ được dành tặng cho chư Thiên, cho chư anh linh tu tập có công nghiệp nhất định nhưng còn vướng mắc chấp niệm vào sự khổ mà chưa hoàn toàn thanh tịnh. Đào Tiên Quả là một loại trân phẩm đặc trưng không thể thiếu của Hội Yên Diêu Trì Cung hàng năm. Những ai hữu duyên được ăn Đào Tiên Quả sẽ có được năng lượng thuần khiết dồi dào, giúp thần trí tỉnh tại, tránh được các phiền não thường tình, nhờ vậy mà thọ mạng trường tồn nơi cõi giới họ an trú.

Ngài là vị phụ trách tổ chức Hội Yên Diêu Trì Cung theo Thánh Ý của Đức Diêu Trì Kim Mẫu hay gọi thân quen là Đức Từ Mẫu của muôn linh. Hội Yên Diêu Trì Cung mỗi năm tổ chức một lần. Lúc bấy giờ, các chơn hồn đã thoát xác trong năm ấy khi có tu vi nhất định, công viên quả mãn nhưng vẫn còn vướng mắc ít nhiều khổ đau, sẽ được Cẩm Tú Tiên Tử cùng chư Hỷ Lạc Thiên tác pháp huyền vi xoa dịu nỗi đau, giải trừ mê chấp. Từ đó chư linh được tịnh hóa hoàn toàn, trở nên thanh khiết tịnh lặng, trở thành một anh linh có thể tham dự Hội Yên, cũng chính là bước vào hàng Thánh Tiên nơi Thượng Giới.

Ở Hội Yên này, chư Hỷ Lạc Thiên trao truyền cho chư linh những trân phẩm như Đào Tiên Quả, Tiên Tửu, Tiên Trà và Ngũ Hương thanh khiết. Các trân phẩm này giúp họ rửa sạch tạp niệm, định tâm tĩnh trí, hồi hướng về Chân Thiện Mỹ, bước những bước xa trên con đường hằng sinh trở về với Đạo. Đây lại cũng là bữa tiệc mừng chư anh linh trở về được cõi Thượng Giới, sửa soạn được gặp lại Đức Từ Mẫu thân thiết sau thời gian dài đằng đẵng lặn ngụp luân hồi khắp Tam Giới. Kể từ đây, chư linh sẽ bắt đầu một kiếp sinh tồn mới nơi cõi Thượng Giới, trường thọ, an lạc và thanh tịnh.

Trên con đường đi theo Cửu Thiên Thập Nhị Kinh

Bàn Đào Yên Hội trên thực tế lại diễn ra ở tận tầng Tào Hoá Huyền Thiên cao xa. Khi vừa thoát khỏi Địa Cầu, bước đến Cung Thiềm nơi Nguyệt Tinh, chư linh sẽ được trao cho Đào Tiên cùng Tiên Tửu đem xuống từ Tào Hoá Thiên.

Dùng trân phẩm của Bàn Đào Yên Hội giúp chư linh thêm tinh khiết thần khí, định tĩnh thân tâm mà bước lên được Ngân Kiều, vùng thoát khỏi bầu khí của Hạ Giới và Trung Giới mà đặt chân vào Thượng Giới. Xem như là dự một bữa tiệc nhỏ sửa soạn cho một chuyến hành trình lớn vậy.

Ngọc Lư

Ngọc Lư là chiếc lư hương được tinh luyện từ các loại trân châu, ngọc quý ở Diêu Trì nơi cõi Tào Hóa Huyền Thiên. Ngọc Lư này tượng trưng cho phần thân xác Tiên Phong Đạo Cốt quý báu của người hành giả chân chính đã đạt cảnh giới Tam Hoa Tụ Đỉnh, hợp nhất Tam Bảo Tinh Khí Thần.

Khi Cẩm Tú Tiên Tử tác pháp, từ trong Ngọc Lư này phát sinh những làn hương thơm vi diệu, tương ứng với các phẩm chất tốt đẹp thiện lành của một hành giả tu Đạo. Điển hình là Ngũ Hương như Trì Giới Hương, Định Tâm Hương, Thông Tuệ Hương, Trì Kiến Hương, Giải Thoát Hương. Ngoài năm loại hương ấy, Ngọc Lư còn phát xuất ra những làn hương vi diệu khác như Hồi Tâm Hương, An Túc Hương, Hỷ Lạc Hương, Bi Mẫn Hương, Vong Niệm Hương, Ly Tham Hương, Giác Thúc Hương, Hòa Ái Hương... Quả là một Pháp Bảo vi diệu vô cùng.

Thi văn, kinh điển

“Cắm tịch Diêu Cung Tiên vị đắc
Hạnh phùng vũ lộ sắc Thiên ban
Đầy vui vui hưởng kiếp nhân
Ngoảnh trần có khác chi tràng mộng xuân.”

“Cắm Tú giang san đổ máu đào
Vị dân nước Việt chẳng thương nhau
Càng nhìn càng thâm càng đau dạ
Hồi khách đơn tâm lấp lữ hào.”

Trích một đoạn trong trường thi Ngài giảng cơ:

“...Lữ hào ấy tay ai lập để
Cho dân Nam chẳng kể tình chung
Biết bao nhiêu mặt anh hùng
Sao không trở lối, ngại ngừng sao nên.

Phận nam nhi khá bền danh tiết
Lấy tình thương đặng diệt tàn hung
Kìa bao giông tố bão bùng
Vì chưng chẳng biết thương cùng với nhau.

Đỉnh chung thế cho màu Đạo Đức
Chỉ hơn thua đâu dứt tang du
Dấn thân vào chốn ao tù
Để làm nô lệ, vinh phù lấy thân.

Nếu là kẻ biết phân chơn giả
Khả đưa nhau khỏi ngã đọa đày
Kìa gương Khương Thượng còn dai
Văn Vương vẫn đó, khá hay cho tròn.

Đã biết Đạo đừng mong an hưởng
Cứu sanh linh giúp phước truy hôn
Nâu sông ngấm nẻo Côn Lôn
Tìm phương vớt kẻ dập dòn trái căn.

Tua giữ dạ cản ngăn lối quẹo
Giữ chơn thần ngấm nẻo từ bi
Lấy phương cứu giống Nam chi
Bớt cơn khỏi lửa lập vì Lạc Long...”



“Cõi Thanh Thiên lên miền Bồng Đảo
 Động Thiên Thai Bảy Lão đón đường
 Cam Lồ rưới giọt nhàn dương
 Thất tình lục dục như đường tiêu tan.

Cung Dấu Tốt nhất khoan tiếng nhạc
 Đế lệnh bài cánh Hạc đưa linh
 Tiêu Thiều lấp tiếng dục tình
 Bờ dương bóng Phụng đưa mình nâng thân.

Cung Như Ý Lão Quân tiếp khách
 Hội Thánh Minh giao sách Trường Xuân
 Thanh quang rõ rõ đòi ngàn
 Chơn hồn khoái lạc lên đàng vọng Thiên.”

Kinh Đế Tam Cửu – Tam Nương Diêu Trì Cung

TAM NƯƠNG ĐIỀU TRỊ CUNG

*“Tuyển kim đưa khách chưa hòa
Mượn gương bạch thố rọi nhà tri âm
Ngân Kiều cách bức bao lăm
Uớt buồng lời ngọc hỏi trần vui chưa?”*

(Tam Nương giảng cơ ban thi)

Kim Tuyển Tiên Tử là Tam Nương trong Cửu Vị Tiên Nương nơi Điều Trị Cung. Ngài được xem là hiện thân của những tia nắng ấm áp nơi đường chân trời vào lúc bình minh tươi đẹp, nên mới có tôn danh là Kim Tuyển Tiên Tử.

Ngài có phận sự chính là độ duyên cho những chơn hồn có tu tập nhưng còn vướng mắc các duyên nghiệp nhất định, còn nhiễm trược khí nơi mình, còn khiếm khuyết, nay đều hội đủ điều kiện để nhập vào Thượng Giới. Muôn sinh linh trong Tam Giới cũng xưng tán ngài là Độ Ách Nương Nương.

Ngài thường thị hiện hình dáng phu nhân có gương mặt ở độ tuổi trung niên, ánh mắt từ hòa, thanh tao thoát tục, đầy đủ nét Thiên lương. Toàn thân ngài khoác Đạo bào bạch y điểm xuyết những đường nét hoàng kim lấp lánh ẩn hiện, chiếu lên sắc vàng dịu nhẹ. Trên tay ngài cầm quạt thần Long Tu Phiến.

Trên con đường đi theo Cửu Thiên Thập Nhị Kinh

Ngài sử dụng huyền vi của Long Tu Phiến để tạo một lớp thanh khí bảo vệ cho chơn hồn còn vương mang trược khí được nhập vào Thượng Giới. Sau đó, chư vị Hộ Pháp, Liên Thần sẽ đưa họ đến các cõi giới khác nhau trong Cửu Trùng Thiên, giúp họ kết thêm duyên lành với chư vị cao trọng.

Các chơn hồn ấy được vân du Thiên Giới đến các cõi giới an lạc. Họ được học hỏi, lĩnh ngộ những lẽ huyền vi Thiên Địa, thấu suốt nhân duyên của bản thân, nhận thức được lẽ thiện ác, đúng sai mà mình từng kiến tạo từ nhiều đời nhiều kiếp. Từ đó, họ có thêm dũng khí để đối mặt với các sự khổ mình phải nhận theo nhân duyên nghiệp quả một



cách hoan hỷ, tự mình giải quyết triệt để rốt ráo, dứt sạch phiền não. Ý chí họ thêm kiên định trên bước đường tinh tấn, trở về Chân Thiện Mỹ.

Rồi đến lúc lớp thanh khí quanh họ tiêu biến, cũng là lúc chơn hồn ấy tự quyết định chuyển sinh thành dạng tồn tại nào trong Tam Giới cho phù hợp với ngộ tính và nguyện vọng của bản thân vậy. Tôn danh Đệ Ách Nương Nương hay Đệ Ách Thiên Tôn cũng do thiện hành từ thuở hồng hoang này của Ngài mà có.

•

Câu chuyện tiền duyên

Có sử sách biên chép về việc Ngài từng giáng trần tại nước Đại Việt đầu thời Chúa Nguyễn. Thời đó, thi thoảng xuất hiện trong vùng có một lão bà mặc Đạo bào trắng điểm tuyết những đường viền vàng óng ánh, tục gọi là Bà Kim Tuyến. Lúc Chúa Nguyễn Hoàng tìm về phương nam, Bà đã hiện thân chỉ đường lánh nạn. Bà lại trao cho Chúa Nguyễn Hoàng một nén hương, nói ông cứ đi đến khi nào hương tàn thì lấy nơi đó an cư lạc nghiệp. Khi hương tắt, cũng là lúc trước mắt ông hiện ra cảnh sắc tươi đẹp, núi sông hùng vĩ địa thế hài hòa để làm nơi đóng quân lánh nạn. Đó là vùng đất sông Hương núi Ngự ngày nay. Ở đấy về sau Chúa Nguyễn tưởng nhớ ơn nghĩa của bà lão bèn cho xây dựng ngôi chùa Thiên Mụ để cảm tạ ơn bà đã từ cõi Trời đến giúp mình tai qua nạn khỏi vậy. Bà Thiên Mụ ấy chính là hiện thân của Kim Tuyến Tiên Tử, Tam Nương nơi Diêu Trì Cung.

•

Long Tu Phiến – Quạt Râu Rồng

Long Tu Phiến là chiếc quạt được tinh chế từ râu của Thiên Long và lông vũ của Bạch Hạc Tiên Tử. Quạt có hình dáng giống quả táo bồ đôi, hai sợi Long Tu đi từ phần cán quạt ở giữa, rẽ ra hai bên viền cánh quạt, lại hội tụ về phía ngọn. Ấy là tượng trưng cho Đại Đạo Qui Nguyên, gồm Trung Đạo ở giữa và hai hướng Âm Dương, Hắc Bạch lưỡng Đạo lại đồng quy hồi về một mối vậy. Phần cánh quạt là 36 chiếc lông vũ trắng tinh của Bạch Hạc, tượng trưng cho Tam Thập Lục Thiên là 36 cõi Thiên Giới thuở ban sơ.

Vì được kết tinh từ những vật chất vi diệu của chư Thiên, quạt ấy có công năng chẳng thể nghĩ bàn. Khi vẩy nhẹ hướng lên, quạt tạo nên một lớp thanh khí bao bọc quanh các chơn hồn còn ô trược, khiến các chơn hồn ấy nhẹ nhàng thanh khiết muôn phần.

Cõi Thượng Giới vốn thanh nhẹ, nên những chơn hồn nặng trọc nhập vào ấy khó lòng di chuyển được. Đồng thời, trong bầu khí của Thượng Giới, điện dương quang phát xạ

khắp nơi. Chơn hồn khi nặng trọc lại mang điện âm quang nhiều, trở thành vật thu hút các luồng điện dương ấy, bị công kích và thanh tẩy đến mức tận thần, tan nát thành nhiều mảnh hồn rơi về Hạ Giới, hoá sinh thành vật chất đơn giản như sỏi đá, gió nước... Nhờ lớp thanh khí của Long Tu Phiến bao bọc mà các chơn hồn nặng trọc, tuy vốn chưa đủ thuần khiết nhưng cũng có thể nhập được vào Thượng Giới trong một khoảng thời gian nhất định, không bị các lần điện dương quang thanh tẩy tiêu trừ.

Khi quạt vẩy nhẹ hướng xuống sẽ phát ra một luồng lãnh khí cực mạnh, khiến cho các chơn hồn chạm phải liền trở nên nặng trĩu, bị đẩy rơi xuống các cõi Trung Giới và Hạ Giới trọng trọc.

Còn khi vẩy theo phương ngang, quạt đơn giản là thanh tịnh hoá và xua tan ám khí.

•

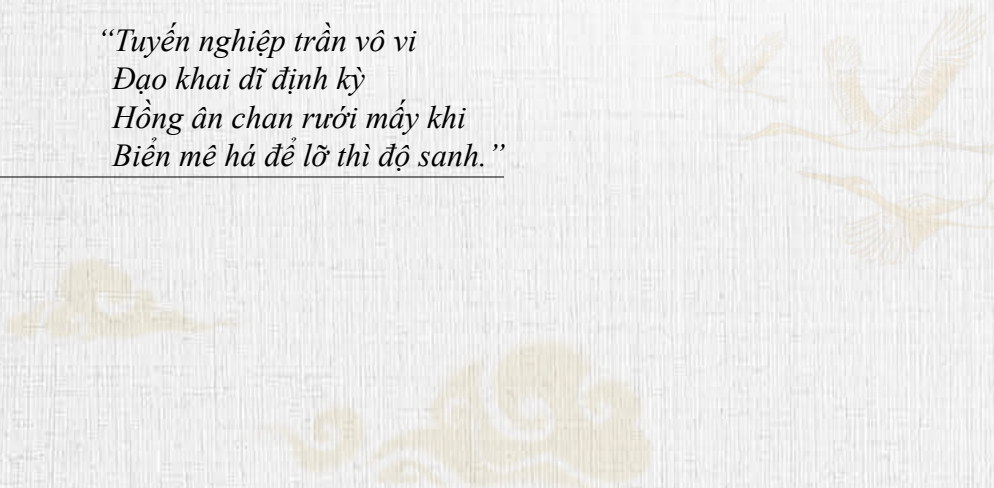
Thi văn, kinh điển

Một số bài thơ Ngài từng giáng cơ:

“Tưởng tròn phận tô xuê đánh Việt
Nương thuyền từ cứu tuyết trần ai
Đường quê nào thấy sanh nhai
Công trình lập trọn vân đài chí công.”

“Tuyển đức năng thành Đạo
Quảng trí đắc cao huyền
Biển mê lắt léo con thuyền
Chở che khách tục Cứu Tuyền ngăn sông.”

“Tuyển nghiệp trần vô vi
Đạo khai dĩ định kỳ
Hồng ân chan rưới mây khi
Biển mê há để lỡ thì độ sanh.”



TIÊN HẠC

*“Bụng trống thành thoi con hạc nội
Lúa đầy tưng tít phận gà lông...”*

(Nhân Âm Đạo Trưởng giảng cơ đề thi)

Hạc là loài chim có kích thước cao lớn, chân khỏe, cổ dài, mỏ nhọn, thường sống ở nơi sông núi, ao hồ vắng vẻ tĩnh mịch yên bình.

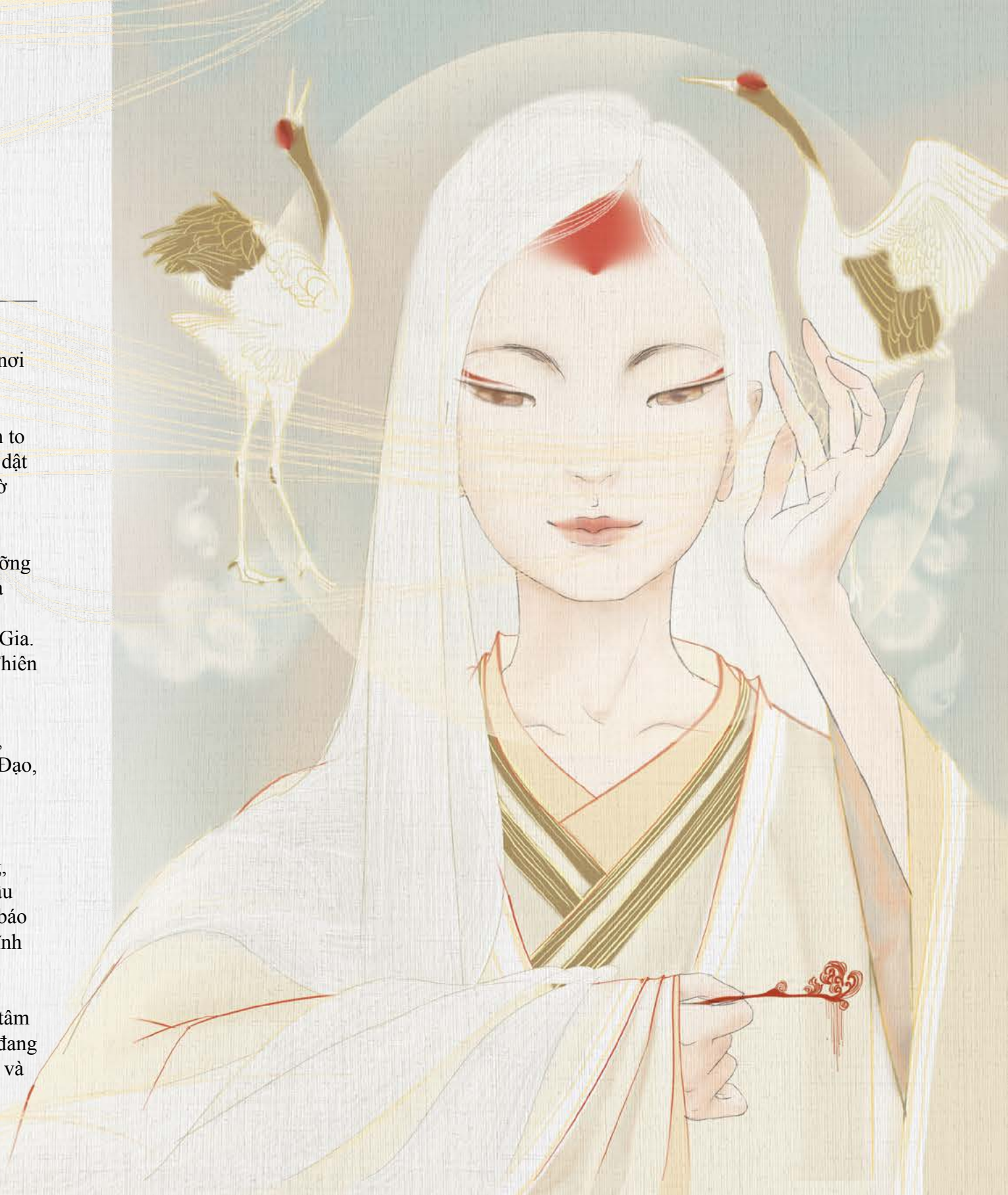
Chim Hạc có tánh linh cao, dễ hiểu tiếng người, thân thiện với muôn loài. Thân hình to lớn, sức khỏe dẻo dai, chịu được thời tiết khắc nghiệt, lại có thể sống trường thọ, ẩn dật thung dung giữa Đất Trời. Vì thế, từ thuở xa xưa, chư Tiên Nhân, Đạo Sĩ thường nhờ chim Hạc làm kỵ vật giúp việc di chuyển, truyền thư tín, đồ vật nhỏ gọn.

Những chú chim Hạc sống lâu năm, tự thân hấp thu linh khí của Trời Đất, tu tâm dưỡng tánh thì trở thành Tiên Hạc, có thần thông và có thể hóa hiện hình người, cũng gọi là Bạch Hạc Đồng Tử. Bạch Hạc Đồng Tử thường làm Liên Thần, tức sứ giả giao liên, truyền tống tin tức cho chư Tiên. Hay thấy nhất là qua các đàn cầu cơ Tiên của Đạo Gia. Tiên Hạc thuộc Linh Điều Tộc, thường hoạt động trong Liên Thần Bộ vốn cũng là Thiên Ca, Thiên Vũ trong Bộ Hỷ Lạc Thiên.

Chúng sinh yêu thích sự thanh tịnh, nhàn rỗi, tiêu dao tự tại giữa thiên không vô tận, chẳng màng tranh đấu, chẳng thích tham dục thường tình, lại có ý hướng muốn cầu Đạo, khi mất đi thân mạng, có thể chuyển sinh thành chim Hạc trong Tam Giới.

Hạc Tiên Tử hay Bạch Hạc Đồng Tử thường thị hiện thân ảnh thanh nam tú nữ dạng, toàn thân khoác Đạo bào bạch y, điểm tuyết họa tiết tường vân. Trong các đàn cơ cầu Tiên, Bạch Hạc Đồng Tử thường xuất hiện trước khi các vị cao trọng quang lâm để báo điềm lành và đề lời cho những người tham dự chỉnh trang pháp đàn, chỉnh y phục, tĩnh lặng thân tâm để tránh thất lễ.

Tiếng gáy và vũ điệu thanh tao của Hạc Tiên Tử có thể giúp người ở gần được bình tâm tĩnh trí an lạc, giúp tăng khả năng tịnh hóa và hồi phục thân tâm. Đối với chúng sinh đang bị tà tâm lấn át, hỗn loạn thì vũ điệu và tiếng gáy ấy có thể làm cho tà tâm bình lặng và chìm vào giấc ngủ yên, để tâm thức chúng sinh tỉnh táo trở lại.



Hình ảnh chim Hạc là một biểu tượng đặc biệt đối với Đạo Gia, biểu trưng của sự thanh tao thoát tục, chẳng luyến phồn hoa, thích nơi an tĩnh, bần cư lạc Đạo. Người thích nơi yên tĩnh, chuyên tu nghiêm túc, thích kết duyên với chư Tiên Gia thì có nhiều khả năng cận kề được với Bạch Hạc Tiên Tử trên bước đường tu tập của mình.

•

Trên con đường đi theo Cửu Thiên Thập Nhị Kinh

Tiên Hạc được nhắc đến khi chư linh tiến nhập vào tầng trời đầu tiên, là cõi Thanh Thiên. Tuy vậy, thực ra Tiên Hạc thấy ở khắp nơi trên Thượng Giới. Thường mang phận sự Liên Thân, lại hay gần kề chư vị cao trọng, nay chư Tiên Hạc ấy nhận lãnh nhiệm vụ đón rước chư linh vừa nhập vào đến Thượng Giới, đưa đi ngao du khắp nơi, bay qua các cung các động mà đến kề cận các vị Thiêng Liêng. Ngao du cùng Bạch Hạc Tiên Tử cũng chỉ là một trong số nhiều phương thức mà các chân linh đi chuyển suốt con đường về tới Cội Đạo Nguồn Đào.

•

Chim Hạc trong thi văn, kinh điển

*“Trời trọi mình không mới thiệt bần
Một nhành sen trắng nấu nướng thân
Ở nhà mượn đám mây xanh thăm
Đỡ gót nhờ con hạc trắng ngần
Bố hóa người đời gầy mới Đạo
Thi ân ra sức dựng nền Nhân
Chừng nào đất dậy Trời thay xác
Chư Phật Thánh Tiên xuống ở trần.”*
(Đức Đại Từ Phụ giảng cơ ban thi)

*“Tham lợi đồ danh mãi thế gian
Bất như bổ nạp đạo nhân nhân
Lung kê hữu thực oa thang cận
Đã hạc vô lương thiên địa khoan
Phú quý bách niên nan bảo thủ
Luân hồi lục đạo dịch tuần hoàn
Khuyến quân tảo hướng sanh tiền ngộ
Nhất thất nhân thân vạn kiếp nan.”*
(Đức Lý Thái Bạch giảng cơ ban thi)

*“Tùng lâm dã hạc chốn quê hương
Một cõi an cư rất đổi thường
Sớm tối qua ngày thanh tịnh rồi
Thảnh thơi tiêu sái khắp muôn phương.”*
(Tuyệt Liên Tử)

Thánh ngôn của Đức Đại Từ Phụ - Suru tầm trong kinh sách Cao Đài:

“Thấm thoát ngày tháng trôi đưa, bóng thiều quang nhật thức, sen tàn cúc rũ, đông mãn xuân về. Bước sanh ly đã lấm nhuộm màu sâu, mà con đường dực vọng chẳng còn biết đâu là nơi cùng tận.	hoang cô loạn, đồng trống sương gieo, thỏ lặn ác tà. Khách trần, nào ai lánh khỏi!
Lợi danh xạo xự, chung đỉnh mơ màng, cuộc vui vẻ chẳng là bao, mà chốn đọa đầy chen chẳng lẫn.	Đạo màu tìm đến, lấy hạnh đức giới tâm, mượn nâu sông lánh thế. Càng diu sanh chúng, càng bước, bước càng cao, lên tột mây xanh vệt ngút trông vào cảnh Cực Lạc an nhàn, non chiều hạc gáy, động tối qui châu, ấy là khách Tiên Gia lánh khỏi đọa luân hồi nơi cõi tục.
Nỗi đau thương bề ảm lạnh, nào tiếng khóc đến câu cười. Co duỗi duỗi co, dở bước đến cảnh sâu, thì thấy chẳng lạ chi hơn là mờ	Bước gắng tìm đường kéo rùng chiều bóng xế, chúng sanh khá biết cho.”

*“Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ
Thử địa không dư Hoàn Hạc Lâu
Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản
Bạch vân thiên tải không du du
Tình xuyên lịch lịch Hán Dương thụ
Phương thảo thê thê Anh Vũ châu
Nhật mộ hương quan hà xứ thị
Yên ba giang thượng sử nhân sầu.”*
(Hoàng Hạc Lâu - Thôi Hiệu)

*“Tâm thân lạc lối chốn quần sinh
Thức tỉnh hồi tâm chẳng lụy tình
An định thần tình hòa hiệp Khí
Lạc hồn hồi hướng hiệp Nguyên Linh
Chủ trì niệm đặc hồi Thiên các
Thiên Hạc reo mừng đặng tiếp nghinh
Hỷ lạc giao tình nơi Cội Đạo
Cung triều hòa ái tịnh ngâm kinh.”*
(Tâm Thức An Lạc Chú Thiên Hỷ Cung - Cửu Thiên Môn)



PHỤNG HOÀNG

*“Trời còn, sông biển đều còn
Khắp xem cõi dưới núi non đượm nhuần.
Thanh minh trong tiết vườn xuân
Phụng châu, hạc múa, gà rừng gáy reo...”*

(Bài thi Trời Còn)

Thời Hỗn Độn sơ khai, Khôỉ Thái Cực phân tách ra Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi lại phân thành Tứ Tượng, Tứ Tượng biến nên Bát Quái. Ánh lửa của Cung Ly trong Bát Quái thị hiện nên hình tướng Phụng Hoàng toàn thân sắc đỏ son. Phụng Hoàng ấy được xem là Phụng Hoàng đầu tiên thuộc đại tộc Phụng Hoàng.

Do hóa thân từ ngọn lửa thiêng, mang hỏa tính nơi mình, nên Phụng Hoàng ấy còn được gọi là Hỏa Điều, Đan Điều, Chu Tước, đều có nghĩa là chú chim màu đỏ son. Về sau có sự phân tán, kết hợp giữa các nguyên tố thiên nhiên với nhau nên xuất hiện thêm các chủng loài Phụng Hoàng mang tính Lôi, Phong, Địa, Âm, Thủy, Băng, Tuyết... Cho nên Phụng Hoàng thuở sơ khai mang tôn danh là Hỏa Phụng Hoàng để phân biệt với các chủng loài Phụng Hoàng khác trong đại tộc Phụng Hoàng.

Ngoài ra, Phụng Hoàng cũng có thể là hoá thân của chư vị trợn lành biến hiện nên khi thực hành Bồ Tát Đạo, độ duyên cho một số nhân duyên nhất định trong Tam Giới. Lại cũng có khi là một chú chim nhỏ đã thức tỉnh tánh linh, mang đức hy sinh và lòng từ bi rộng lớn, sẵn sàng quên mình mà cứu giúp muôn sinh. Chú chim ấy khi chết đi, liền hồi sinh từ thân xác đã chết, hiển hóa thành chú chim Phụng Hoàng vĩ đại bất diệt.

•

Phụng Hoàng to lớn, toàn thân sắc đỏ son, đỏ cam hoặc hoàng kim lấp lánh ánh sáng mặt trời. Lông đuôi dài, có thêm những sợi có khoan ngũ sắc giống với đuôi công. Xung quanh Phụng Hoàng tỏa ra nhiệt khí, hỏa quang âm áp tựa như ánh nắng Mặt Trời. Ánh sáng ấy có khả năng xoa dịu sự cô độc, nỗi đau khổ bị thương cả thể xác lẫn tinh thần của những ai tiếp cận. Từ điểm này, Phụng Hoàng được xem là biểu tượng của tình yêu thương hòa ái, phúc lạc, sự cứu giúp và chữa lành.

Phụng Hoàng khi mang thân xác hữu hình nơi Hạ Giới thì có thọ mệnh. Khi thọ mệnh kết thúc, từ xác thân hữu hoại đó xuất hiện một ánh lửa thiêng liêng bùng phát, Phụng Hoàng lại trỗi dậy tái sinh từ ngọn lửa ấy. Cho nên, Phụng Hoàng còn tượng trưng cho điềm lành, bất diệt, trường tồn vĩnh cửu. Sinh rồi diệt, diệt rồi lại sinh, tuần hoàn chẳng



bao giờ ngót. Người xưa xem hiện tượng Phụng Hoàng xuất hiện chính là báo hiệu điềm lành của Thánh Chúa ra đời, thái bình thịnh trị.

Phụng Hoàng là Linh Điều hiền lành, thánh thiện, ưa thích niềm an vui, chỉ ăn hoa quả và hấp thụ ánh nhật nguyệt quang để sinh tồn, lại có đức hy sinh xả thân cứu giúp. Tiếng hót của Phụng Hoàng là loại âm thanh vi diệu nơi cõi Thiên. Vậy nên ai hữu duyên nghe được là cả một niềm may mắn, lòng an lạc, nhẹ nhàng, vui sống hồn nhiên.

Phụng Hoàng thích an trú đơn độc ở những nơi hoang vu, thanh tĩnh, núi đá cheo leo hiểm trở, làm một vị Minh Vương cao quý của các loài chim. Mỗi một khu vực rộng lớn chỉ có một cá thể Phụng Hoàng mà thôi. Vì lẽ đó nên Phụng Hoàng rất hiếm gặp, các vị Linh Điều này sẽ ngao du thật xa để tìm được tri kỷ của mình. Nên, cổ nhân có câu:

“Phụng hê Phụng hê quy cố hương, ngao du tứ hải cầu kỳ Hoàng.”

Tạm dịch là:

“Phụng ơi, Phụng hỡi, về quê xưa, đi khắp bốn bể mong tìm Hoàng.”

Phụng là chim trống, chim mái là Hoàng. Ngoài ra, còn gọi Phụng Hoàng là chim trống, Thanh Loan là chim mái. Thanh Loan trông giống Phụng Hoàng nhưng toàn thân sắc xanh, tượng trưng cho Thủy. Thế nên Phụng Hoàng cũng là biểu tượng của tình duyên, tri âm tri kỷ, tìm thấy một nửa quý giá của mình, tìm được nhau giữa đời mênh mông.

Trên con đường đi theo Cửu Thiên Thập Nhị Kinh

Cùng Tiên Hạc và một số loài Linh Thú khác, Phụng Hoàng cũng giữ trọng trách đón đưa chư linh di chuyển khắp nơi Thượng Giới.

Câu kinh *“Bờ dương bóng Phụng đưa mình nâng thân”* lấy hình ảnh từ cổ ngôn *“Phụng hàm đơn chiếu đề dương bạn”*. Dương là loài cây họ tùng bách, xưa nay dùng ví von chỉ về Cội Đạo. Câu thơ ý rằng Phụng ngậm chiếu chỉ đem đến bờ dương, tức là chiếc Liễn Phụng của Tây Vương Mẫu gửi đi đòi mong một nền Đạo Đức khi đã phải thời. Cũng là hàm ý báo điềm lành đến lúc khai mở Đạo chân. Nay, hình ảnh Phụng đưa chư linh bay về phía bờ dương cũng hàm ý đưa chư linh về với Cội Đạo Nguồn Đào vậy.

Diễn tích “Chim Sẻ Hóa Phụng Hoàng”

Thuở xa xưa, loài người cùng muôn thú sống chung cùng nhau trong yên bình. Đến lúc khí hậu khắc nghiệt, băng tuyết lạnh lẽo bao phủ khắp nơi, chỉ có một ngọn lửa thiêng duy nhất nơi hang sâu núi thẳm kia là vẫn còn cháy sáng sưởi ấm muôn loài. Nhưng rồi ngọn lửa ấy cũng nhanh chóng yếu ớt đi. Vị Hỏa Thần của ngọn lửa bèn xuất hiện:

“Nguồn năng lượng của ta đã sắp cạn kiệt, không thể giữ nổi hơi ấm này cho mọi người nữa. Ta cần một ai đó hy sinh sự sống của mình để duy trì ngọn lửa cho những kẻ còn lại. Lửa của ta chẳng còn cháy được bao lâu nữa rồi...” - Nói xong, Ngài biến mất.

Các loài hoảng loạn, đùn đẩy nhau, chẳng loài nào muốn hy sinh. Ngọn lửa theo đó cứ

leo lét dần. Bỗng, từ trong đám đông nháo nhào hỗn độn, một chú chim sẻ nhỏ len qua tất cả mọi người. Bởi thương muôn sinh sắp rơi vào cảnh giá lạnh chết chóc, chú bèn đem mình lao vào đóm lửa thiêng đang tí tách những tia sáng cuối cùng. Đóm lửa tắt ngấm, đoạn bỗng nhiên lại bùng cháy lên rực rỡ. Vị Hỏa Thần hiện hiện và nói:

“Đây là một chú chim nhỏ bé nhưng có lòng thương vô cùng quảng đại, sẵn sàng từ bỏ thân mình đổi lấy sự tồn tại của những kẻ khác. Món quà ta dành tặng cho sinh vật cao quý như thế là sự bất tử, một sinh mệnh trường tồn như chính ngọn lửa của ta vậy.”

Ngọn lửa thiêng kia đột nhiên bùng cháy nên một cột lửa sáng. Từ trong ấy, một chú chim to lớn muôn trượng xuất hiện giữa không trung, toàn thân phát hỏa quang rực rỡ.

“Phụng Hoàng này sẽ là sứ giả đem hơi ấm của ta đến cho muôn loài ở khắp bốn phương.”, nói xong, Hỏa Thần biến mất vào ngọn lửa thiêng. Chim Phụng Hoàng vừa xuất hiện liền vỗ cánh mấy nhịp mạnh mẽ rồi vút bay khỏi hang núi ấy, bắt đầu chuyến hành trình của mình mang hơi ấm lửa thiêng đến khắp mọi nơi.

Chim sẻ để hóa thành Phụng Hoàng đã phải ném trái qua nổi thống khổ cùng cực, lại thấu cảm nỗi đau ấy trong mọi người mới khởi phát lòng từ bi to lớn và đức hy sinh vô ngại. Nhân sinh giữa đời cũng phải giống như chim sẻ hoá Phụng Hoàng như thế.

Những ai biết sống hòa đồng nhân ái giữa đời, biết hy sinh, sẵn sàng cứu giúp muôn loài, đến khi hữu sự gặp nguy nan, bệnh tật nguy hiểm tính mạng có thể cảm ứng cầu nguyện với vị Linh Thú Phụng Hoàng để xin trợ duyên giải nạn. Người được Phụng Hoàng bảo hộ sẽ có dòng khí lực ấm áp, luôn hoan hỷ với mọi người xung quanh, từ tâm cũng phát khởi mạnh mẽ, sẵn sàng vị tha quên mình.

Thi văn, kinh điển

Bài thơ Trời Còn:

*“Trời còn, sông biển đều còn
Khắp xem cõi dưới núi non đượm nhuần.
Thanh minh trong tiết vườn xuân
Phụng châu, hạc múa, gà rừng gáy reo.
Đường đi trên núi, dưới đèo
Lặng tìm cao thấp, ải trèo chông gai.
Phận làm con thảo há nài
Biết phương Tiên, Phật, Bồng Lai mà tìm.
Xem qua xét lại cổ kim
Một bầu Trời Đất thanh liêm chín mươi.
Vàng trau ngọc chuốt càng tươi
Bền lòng theo Phật cho người xét suy.
Thần Tiên vốn chẳng xa chi
Có lòng chiêm ngưỡng, nhất nhì giáng linh.”*

TRÚC LÂM THẮT HIỀN

*“Trước Lâm chưaặng Bảy Ông Hiền
Vì bỏ tục trần mến cảnh Tiên
Hồng cầu đã chui thân phải vậy
Hơn thua cười kẻ biết nơi tiên.”*

(Đại Từ Phụ giảng cơ ban thi)

Vào thời Tam Quốc bên Trung Hoa có bảy vị danh sĩ vì chán ngán triều đình thế sự mà ẩn cư nơi rừng trúc, gọi là Trúc Lâm Thất Hiền. Trúc Lâm lại chỉ về tính quân tử cương trực, xem nhẹ phù hoa thế tục của bậc danh sĩ hiền tài. Thất Hiền gồm bảy người, mỗi người lại có những phẩm cách tốt đẹp, thiện lương, tài năng bất phàm. Đa số họ sống theo tư tưởng Lão - Trang Đạo Giáo, một vài người khác thì dung hòa tư tưởng của cả Đạo Giáo và Nho Giáo.

Tương truyền họ thường tập hợp về rừng núi tĩnh Sơn Dương, ở đó uống rượu, ngâm thơ, đàn ca hát xướng quên thời loạn thế.

Vì có những điều không hợp ý triều đình đương thời mà có người thì bị bắt hành hình sát hại, có người phải giả điên, có người phải lưu lạc nơi khác để sinh tồn, cả nhóm tan rã.

Sau này khi kết thúc kiếp nhân sinh phù thế, Trúc Lâm Thất Hiền tiếp tục hội hiệp cùng nhau nơi Bồng Lai Sơn, Thiên Thai Động ở cõi Thiên Giới. Chư vị ấy tiếp dẫn chư linh vừa tiến nhập từ Trung Giới đến Thượng Giới được ngao du sơn thủy, tịnh hóa tâm ý duyên nghiệp để thanh tịnh trần trí, cũng chính là tinh tấn hơn, mà tiến nhập đến các cảnh giới cao hơn nơi Thiên Giới.

Thất Hiền thường thị hiện thân ảnh nam tử trung niên và lão niên, nên còn được gọi với tôn danh Thất Lão Thiên Thai Động, còn gọi là Bảy Ông Hiền, Bảy Lão. Tất cả chư vị đều khoác Đạo bào trắng tinh khôi, hay mang theo pháp bảo là những vật quen thuộc thường ngày của mình lúc còn sống nơi thế gian. Các Ngài luôn tỏa ra an lạc khí, khiến người ở gần cảm thấy an vui, thông dong tự tại.

Bảy vị gồm:

Nguyễn Tịch, Kê Khang, Nguyễn Hà, Hướng Tú, Sơn Đào, Lưu Linh, Vương Nhung.



Trên con đường đi theo Cửu Thiên Thập Nhị Kinh

Cõi trời Thanh Thiên nơi Thượng Giới có cảnh giới Bồng Lai Đảo tiếp giáp với Trung giới và cũng có thể xem là nơi đầu tiên chư linh đến được khi nhập vào bầu Thượng Giới. Bước đến Động Thiên Thai trong dãy Bồng Lai Đảo, chư linh liền được tiếp đón bởi Bảy Lão Thất Hiền.

Các Ngài tắm gội các chư linh bằng nước Cam Lộ Bồng Lai Nhược Thủy, giúp cho chân hồn họ thanh sạch, lại được nghe các Ngài xướng ngâm thi ca, đàn tấu, thuyết Pháp mà được tiêu trừ tạp niệm, tịnh hóa tâm thức, chính là Thánh Minh Hội đó vậy.

Sau đó, Trường Xuân Sách được trao truyền cho chư linh để tu dưỡng, luyện kỹ, sửa soạn tham gia các đợt thi nơi Thượng Giới để đỗ đạt tinh tấn. Về sau lại đủ tư chất tiến nhập được vào các cảnh giới cao hơn, gặp được Đức Thái Thượng Lão Quân đang ngóng chờ nơi Cung Như Ý.

Thi văn, kinh điển

1. Nguyễn Tịch (阮籍) - Tự Tông Tử, người ở Trần Lưu Nguyễn Thị.

Ông là danh sĩ nổi tiếng về thi phú văn chương, xuất thân trong gia đình quan văn. Đời sống thanh liêm, không thích chính trường, thích ngao du sơn thủy, tìm tòi kinh điển. Khi họ Tư Mã đoạt quyền họ Tào, có mời ông làm quan. Ông ra làm quan dưới triều Tư Mã nhưng lại bề quan, ít tham dự chính trường. Cuối cùng ông phải giả điên, thường say xỉn uống rượu nên còn có danh hiệu “Tửu Cuồng”, ca hát quên sầu để có thể tiếp tục sống giữa đời loạn thế.

Các tác phẩm tiêu biểu:

Vịnh Hoài Thi, Tỳu Thư Kinh Tịch Chí, Thanh Tư Phú, cầm khúc Tửu Cuồng...

2. Kê Khang (嵇康) - Thúc Dạ Tử, người ở Tiểu Quận Kê Thị.

Ông là danh sĩ nổi tiếng về văn học, âm nhạc, triết học, theo tư tưởng Lão Trang, thuận tự nhiên, trọng dưỡng sinh, nổi tiếng với cầm nghệ siêu phàm, thơ tứ ngôn tuyệt cú.

Các tác phẩm tiêu biểu:

Dưỡng Sinh Luận, Minh Đam Luận, U Phần Thi, Tặng Tú Tài Nhập Quân, Thanh Vô Ai Nhạc Luận, Quảng Lăng Tán, Cầm Phú.

Khi bị Tư Mã Chiêu xử tử, lúc lâm hình ông vẫn ung dung khái khúc Quảng Lăng Tán. Ông không dạy ai khúc này cả, khi ông mất cũng là lúc thất truyền. Sau này khúc Quảng Lăng Tán cổ cầm do đời sau biên soạn mượn âm hưởng điển tích của ông mà tạo nên.

Đại Thi Hào Nguyễn Du có bài “Kê Khang Cầm Đài” nhắc về tích này:

*“Cầm đài cổ tích ký Kê Khang
Nhân tử cầm vong đài diệc hoang
Văn vũ thất huyền chung tịch tịch
Đông tây lưỡng Tán diệc mang mang
Chí kim bất hủ duy đồng tính
Thử hậu hà nhân đảo túy hương
Thán tức Quảng Lăng huyền tuyệt hậu
Tì bà tân phổ bán Hồ Khương.”*

3. Nguyễn Hàm (阮咸) - Trọng Dung Tử, người ở Trần Lưu Nguyễn Thị.

Ông là cháu của Nguyễn Tịch, tinh thông âm luật đặc biệt là đàn tỳ bà. Ông được xưng tán là Diệu Đạt Bát Âm và Thần Giải. Tính tình phóng khoáng, cũng có phần hơi ngông giống với người chú Nguyễn Tịch.

Ông có đóng góp lớn cho nền âm nhạc chính là việc cải biên đàn Tỳ Bà thành Tàn Tỳ Bà, hay còn gọi là Nguyễn Hàm Tỳ Bà, hay đàn Nguyễn, với thùng đàn tròn, là tiền thân của Đàn Nguyệt, Đàn Kim.

4. Hướng Tú (向秀) - Tử Kỳ Tử, người ở Hà Nội Hướng Thị.

Ông là một văn học gia lỗi lạc, yêu thích tư tưởng Lão Trang, thích nghiên cứu huyền học và văn thơ. Tuy chơi thân với các bằng hữu là Nguyễn Tịch, Kê Khang, thường đàn ca hát xướng đàm Đạo nhưng ông không thích uống rượu. Mấy lúc Kê Khang đàn tấu thì ông thường làm thơ.

Sau khi Kê Khang bị sát hại, bị thương cùng cực, nghịch cảnh thống khổ ấy giúp ông chiêm nghiệm sâu sắc tư tưởng Trang Tử. Từ đó đại ngộ, tiến nhập cảnh giới u huyền của Lão Trang, biên chú hoàn tất các kinh điển uyên thâm của Trang Tử.

Các tác phẩm tiêu biểu:

Tư Cự Phú, Nan Kê Thúc Dạ Dưỡng Sinh Luận. Biên chú Nam Hoa Kinh và Trang Tử, Diệu Tích Kỳ Trí, Đại Sướng Huyền Phong, Thu Thủy, Chí Nhạc.

5. Sơn Đào (山濤) - Cự Nguyên Tử, người ở Hà Nội Sơn Thị.

Ông là một nhà chính trị yêu thích tư tưởng Đạo Giáo, văn chương thi phú. Ngài Vương Nhung trong nhóm Thất Hiền nói về ông:

“Nhu phác ngọc hồn kim, nhân giai khâm kỳ bảo, mạc tri danh kỳ khí.”

Tạm hiểu là:

“Nhu ngọc quý chưa mài vàng ròng chưa tôi luyện, vẫn còn nét chất phác mộc mạc, đó là tánh quý của vật chưa xuất thế.”

Các tác phẩm tiêu biểu:

Thị Trung Thiếp, Thượng Sơ Cáo Thối, Khải Sự, Đáp Chiêu Văn Khích Sơn Sự...

6. Lưu Linh (劉伶) - Bá Luân Tử, người ở Phái Quốc Lưu Thị

Ông là người phóng khoáng, tiêu sái, lối sống tự nhiên, theo tư tưởng Lão Trang. Ông mê rượu chẳng kém Nguyễn Tịch, Kê Khang, đời sống gắn với rượu có phần nhiều hơn. Tuy nhìn vào, có thể ông là quý tử, nhưng thực bên trong lại là tinh thần tự do, không chịu ràng buộc bởi lễ nghi thế tục. Về sau, để chỉ người nào mượn rượu giải sầu đến say mèm quên đời, người ta ví von kẻ ấy là đệ tử của Lưu Linh vậy.

Các tác phẩm tiêu biểu:

Tửu Đức Tụng, Bắc Mang Khách Xá.

7. Vương Nhung (王戎) - Tuấn Xung Tử, người ở Lang Da Vương Thị.

Ông là người dung hòa lễ nghi Nho Giáo và tư tưởng Đạo Giáo. Nhắc về Vương Nhung, người ta ca ngợi người hiểu tử. Tương truyền lúc thân mẫu của ông qua đời, ông ở cạnh linh cữu tiếp lễ thăm viếng, chẳng màng ăn uống, thân thể suy nhược đến nỗi đi đứng loạng choạng vẫn không muốn rời linh cữu. Người đời có câu:

“Hòa Kiệu sinh hiếu, Vương Nhung tử hiếu.”

Tác phẩm còn lưu lại: Hoa Lăng Thiếp.



“Sắc huỳnh chiếu roi vàng đường hạc
Cõi Huỳnh Thiên nhẹ thoát chơn Tiên
Năm Rồng đỡ nổi đầu thuyền
Vào Cung Tuyệt Khổ kiến Huyền Thiên Quân.

Trừ quái khí Roi Thân chớp nhoáng
Bộ Lôi Công giải tán trước quang
Cửa Lầu Bát Quái chun ngang
Hỏa Tinh Tam Muội thiêu tàn oan gia.

Đạp Thái Sơn nhảy qua Đẩu Suất
Vịn Kim Câu đến chực Thiên Môn
Chơn thần đã nhập Càn Khôn
Thâu quyền độ thế bảo tồn chúng sanh.

Kinh Đệ Tứ Cửu – Tứ Nương Diêu Trì Cung

TỬ NƯƠNG ĐIỀU TRÌ CUNG

*“Gấm lót ngõ chưa vừa gót ngọc
Vàng treo nhà ít học không ưa
Đội trông nho sĩ tài vừa
Đặng Giao khởi Phụng khó ngửa Tiên thi.”*

(Tứ Nương giảng cơ ban thi)

Điều Trì Cung Tứ Nương là một vị trong Cửu Vị Nữ Phật thường theo thị giả cho Đức Điều Trì Kim Mẫu. Điều Trì Cung Tứ Nương là vị giám khảo nơi cõi Thượng Giới trong các khoa thi tuyển chọn bậc anh linh có đầy đủ đức tài phụng sự cho muôn linh, bởi thế nên Ngài có tôn danh đặc trưng là Cửu Thiên Giám Khảo.

Ngài cũng thường giáo hóa về văn chương, Đạo Đức, trí thức tinh thần ở nhiều giảng đường, pháp đàn trong Tam Giới. Từng một kiếp giảng trần nơi miền Bắc đất Việt với danh hiệu Hồng Hà Nữ Sĩ, khi siêu thăng Ngài cũng còn được xưng tán với Đạo Hiệu là Hồng Hà Tiên Tử.

Ngài thường thị hiện thân ảnh nữ nhân độ chừng đôi mươi, tóc búi cao thành một quả đào, đuôi tóc xõa dài phía sau. Trên đầu giắt hoa sen mãn khai, trên đóa sen ẩn hiện biểu tượng Thiên Nhân quang mang ánh sáng âm áp. Toàn thân Ngài khoác Đạo bào trắng hoặc vàng, có mấy dải lụa mỏng quàng nơi cánh tay nhẹ nhàng tung bay trong gió. Trên Đạo bào có điểm xuyết hoa văn tinh xảo mây trời, hoa lá, chim muông, cầm thú...

Bên hông, Ngài giắt theo một chiếc túi gấm có thêu hình Bát Quái, chính là Bát Bửu Nang. Bát Bửu Nang này tượng trưng cho 8 tánh tốt của một người thuần lương là: Nhân, Hiếu, Đễ, Lễ, Trí, Tín, Liêm, Si. Người nào giữ được 8 phẩm chất ấy, tức là thành Nhân thực sự, là người đã vượt thoát được chữ “con” nơi mình, xứng đáng đứng giữa Thiên Địa trong Tam Tài “Thiên-Địa-Nhân” vậy. Tất nhiên, ai muốn đạt được đều cần phải tu sửa bản thân, phải học, phải rèn luyện tâm tánh, trau dồi hạnh đức, trí thức tinh thần cho đến tận thiện tận mỹ, trọn lành trong sạch.

Ngài thường mang theo Kim Bảng là một quyển trục Thiên Thư. Trên ấy đề tên của những người đắc quả vị Cửu Phẩm Thần Tiên trong thời kỳ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Ngài sở trường dùng văn chương thi phú độ duyên cho người tinh tấn trên đường trí thức tinh thần, giúp họ hướng về nẻo Chánh, tu tâm dưỡng tánh đạt thành Đạo Quả.



Trên con đường đi theo Cửu Thiên Thập Nhị Kinh

Vào thời Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tận độ chúng sinh, Đức Từ Phụ cùng Đức Từ Mẫu khai mở ra con đường về Cửu Trùng Thiên, giải tán Cửu Tuyền. Các chơn hồn có tu tâm dưỡng tánh, tùy mức độ khác nhau sẽ được dẫn lối về các cõi Trung Giới, Thượng Giới, tạm lánh vòng luân hồi đầu kiếp để học hỏi, để trả nghiệp oan khiên như trước. Trong đó, Tứ Nương phụ trách tiếp rước các chân hồn từ cõi Thanh Thiên vừa tiến nhập vào cõi Huỳnh Thiên. Sau khi dẫn độ họ qua các cảnh giới giúp họ tịnh hóa tâm thức, Ngài lại đưa tiễn họ lên tầng Xích Thiên kế đó.

Trong lịch sử truyền Kinh, Ngài giảng cơ ban cho Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo rất nhiều. Đặc biệt có một bài trường thi là “Nữ Trung Tùng Phận” với hơn 1400 câu, được diễn theo thể song thất lục bát. Trường thi này là áng văn chương dạy Đạo lần đời cho chung nam nữ, nhưng đặc biệt là phần nữ phái sống sao cho hợp đời cùng Đạo trong buổi Tam Kỳ Phổ Độ, theo đó mà các chân hồn phát triển bản thân mình thêm cao trọng.

Các câu chuyện tiền duyên

Ngài từng có hai kiếp chiết linh nhập trần ở đất nước Đại Việt được ghi chép lại trong Đạo Sử. Một kiếp là cô Lê Ngọc Gấm, sống vào thời Trịnh Nguyễn phân tranh. Cô Gấm mất sớm do loạn lạc chiến tranh, hồn phách cô nương tựa nơi đền Sòng ở đất Thanh Hóa, là nơi thờ Đức Thánh Mẫu Liễu Hạnh.

Đến năm 1705, cô chuyển sinh vào nhà họ Đoàn, là nữ sĩ Đoàn Thị Điểm vang danh thiên hạ với tài thi phú từ nhỏ. Có nhiều giai thoại kể về việc nữ sĩ Đoàn Thị Điểm đối đáp văn thơ, câu đố tài tình với nhiều bậc nam sĩ trí thức thời bấy giờ.

Năm 1748, nữ sĩ Đoàn Thị Điểm cùng phu quân mình ghé viếng Đền Sòng. Cảnh cũ năm xưa chân hồn cô Gấm từng tá túc nương tựa một thời gian khiến nữ sĩ động lòng trắc ẩn. Những ký ức tiền kiếp của cô Gấm được tái hiện trong tâm cảm nữ sĩ.

Nữ sĩ liền lâm bệnh nặng, rồi thoát xác đăng Tiên trong ít ngày sau đó. Đây là lúc mà chân hồn cô Gấm, nữ sĩ Đoàn Thị Điểm thức tỉnh, nhớ lại căn kiếp nguyên linh mình chính là Tứ Nương Diêu Trì Cung. Quá trình thức tỉnh này là nhờ có sự trợ duyên giúp đỡ của Ngũ Nương Diêu Trì Cung, vì Đền Sòng thờ phụng Thánh Mẫu Liễu Hạnh chính là Ngũ Nương đó vậy.

Nhưng mấy ai ngờ được, những duyên nghiệp trong kiếp sinh của nữ sĩ, những trở trở với thế sự khiến cho vị nữ sĩ tài ba ấy không thể siêu thoát, chưa hiệp căn trở lại với Tứ Nương là ngôi xưa vị cũ của mình.

Nữ sĩ Đoàn Thị Điểm đã phải ở Tịnh Tâm Điện nơi cõi Trung Giới gần 200 năm. Sau khi quán chiếu được các nhân duyên, trước tác nên tác phẩm “Nữ Trung Tùng Phận” truyền dạy Đạo Đức thì nữ sĩ đã an lòng, nhẹ nhàng siêu thoát, quy hồi cựu vị là Tứ Nương Diêu Trì Cung. Cũng có thể hiểu, đó chính là công nghiệp vĩ đại mà nữ sĩ Đoàn Thị Điểm đã lập nên công trạng mình sau khi đã nhập về Linh Giới.

Thi văn, kinh điển

Một số bài thơ Ngài từng giảng cơ:

*“Gấm thêu hoa càng nhìn càng đẹp
Đức thêm tài chẳng hẹp đường tu
Mặc người lên võng xuống dù
Lợi danh xạo xự thiên thu lỗ làng.”*

*“Gấm hiền trước vì vài câu nói
Dựa người hơn chẳng mỗi đường xa
Ngừa loan phải gọi phòng hòa
Trường hồng đã tạo mấy nhà tài văn.”*

*“Gấm tô huệ ngày xưa đề thăm
Nét Tiên hoa sâu đậm văn phong
Kìa thương những khách má hồng
Đẹp xinh tô đậm bụi nồng thế gian.”*

*“Học cho rộng giao thông tứ xứ
Học cho cùng xử sự ngoại lân
Học cho đúng bậc tài thần
Ưu quân ái quốc vua cần dân nghinh
Học cho thấu máy linh cơ tạo
Học cho toàn trí xảo văn minh
Thâu tài hay, nhập nước mình
Làm cho dân hưởng thái bình giàu sang.”*

LONG THẦN

*“Hương hoa đưa lại rất lòng thiên
Xe Hạc cỡi Rồng nhẹ gót Tiên
Năm sắc mây lành bay phới phới
Hào quang muôn trượng chiếu liên liên.”*

(Bài thi Đưa Tiên)

Rồng là loài vật linh thiêng, là một trong số các Linh Thú xuất hiện từ thời thượng cổ, mang năng lượng uy dũng, huy hoàng và bất tử, đem dương quang lan toả khắp muôn phương, là Chủng Tộc hay đứng vị trí thống lĩnh, đảm đương những trọng trách quan trọng, mang điềm lành tốt đẹp.

Bên cạnh những loài Rồng hiền lành còn có những loài ác Long thuộc thể lực tà quái, ác trược, thường nhiễu loạn cuộc sống của chúng sinh muôn loài. Đối với nhiều nơi ở phương Tây, người ta cho rằng Rồng là loài quái vật mang sức mạnh khổng lồ nhưng có phần hung bạo. Như thế, dữ hay không dữ còn tùy góc nhìn vậy.

•

Về cơ bản, Linh Thú trong linh giới tùy ý biến hiện theo tư chất của mình, kể cả mang hình người. Tuy nhiên đặc trưng của chư vị Long Thần khi thị hiện Linh Thú dạng mang những nét kinh điển là hình dáng thuần dài kiêu rần, óp vẩy cá chép, bốn chân như mãnh điệu với móng sắc bén nhọn, râu hàm mềm mại như tơ óng ánh, lại có hai sợi râu chính ở hai bên mũi dài to như kiêu cá trê. Quanh đầu có bờm rộng của sư tử phấp phới toả ra trong gió, sừng huy uy dũng đẹp đẽ. Lại có vây lưng là lông mao mọc trải dài đến đuôi như bờm ngựa, chân cũng phấp phới những đám lông toả ra sau tràn đầy năng lượng, đôi khi còn có đôi cánh to lớn vững chãi. Toàn thân toả ra bầu khí cuộn cuộn, dồi dào nhiệt huyết. Phương Tây cũng có miêu tả hình Rồng nhưng dáng dấp gần giống loài khủng long cổ xưa, với sừng, cánh, vây lưng kiêu dơ, lớp da sần hoặc óp vẩy rần chắc vũ khí bất xâm. Đây cũng là một kiểu thị hiện của chủng loại Long Tộc.

Hạ Giới về sau này càng mang bầu khí kém thanh khiết nên loài Rồng chỉ tồn tại trong các cõi vô hình của Trung Giới và Thượng Giới.

Rồng là Linh Thú mạnh mẽ uy nghiêm, hiện thân của linh khí thuần dương thanh khiết, thường xuất hiện cùng các vị cao trọng để hộ pháp, đỡ chân, đưa đón. Nhiệm vụ chính



của họ trong Tam Giới là hô phong hoán vũ điều hòa thời tiết cho mưa thuận gió hòa. Trong đó, mỗi chủng loài cũng có một số chức năng đặc trưng thiên liêng khác nhau tùy từng kiểu thị hiện:

Huỳnh Long đưa linh về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống, Cực Lạc Thế Giới.
Thanh Long hộ trì cho hành giả chống chọi với thể lực tà quái, ác trược.
Xích Long bảo vệ cho bí pháp, sự vận hành của Thiên Điều.
Hắc Long báo hiệu sự thay đổi, chuyển mình, khi loạn lạc, thiên tai, dịch bệnh...

Chư vị Long Thần cũng mang những đặc tính tương tự các nguyên tố trong tự nhiên, tùy theo ý nguyện của họ.

•

Trong Phật Giáo và Bà La Môn Giáo
Rồng là một trong Bát Bộ hộ trì Chánh Pháp, bao gồm: Chư Thiên (Deva), Long (Naga), Dạ Xoa (Yaksa), Càn Thát Bà (Gandhava), A Tu La (Asura), Khẩn Na La (Kinnara), Ca Lâu La (Garuda), Ma Hầu La Già (Mahoraga).

Trong lịch sử Đại Việt
Nhà Lý thời xưa lên ngôi trị vì, bứt khỏi sự quấy nhiễu của Bắc Quốc sau hàng thiên niên kỷ. Khi số Đại Việt quả đã bước vào thời kỳ nguyệt căn tiêu trừ mà vực dậy dân tộc. Lúc ấy, vua Lý Thái Tổ Lý Công Uẩn lên ngôi vua đi đâu. Dời đô từ Hoa Lư, đi đến thành Đại La, thấy Thiên Long trỗi dậy bay vệt ngút mây xanh chỉ điểm điềm lành mà đức vua chọn đây làm kinh đô mới, đặt tên Thăng Long theo ấn chứng được mạch bảo. Vốn xuất thân từ nhà chùa và được dạy nhân nghĩa từ bé, Ngài quả thực có nhân duyên lớn đưa dân tộc Đại Việt sang một bước ngoặt mới tươi sáng và an bình hơn. Trong thời Lý các tôn giáo đều được trân trọng và dung hoà tốt đẹp, lại đề cao việc học và phát triển Đạo Đức, văn chương, trí tuệ hiểu biết. Ngài quả thật xứng đáng được chư Thiên ủng hộ lập nên nhà nước nhân nghĩa kéo dài lâu đời nhất trong lịch sử nước Việt.

•

Trên con đường đi theo Cửu Thiên Thập Nhị Kinh

Trong số các cách di chuyển theo con đường này, có phương tiện gọi là Thuyền Bát Nhã. Thuyền Bát Nhã thường nghe là thuyền Rồng to lớn giúp chuyên chở khách Đạo, tức những kẻ có ý hướng tìm về Đạo chân, được chư vị Thiêng Liêng vớt khỏi biển khổ. Trong đó, các vị Long Thần giữ vai trò nâng đỡ và đưa thuyền bay khắp nơi, vùng thoát khỏi Hạ Giới, tiến nhập vào Trung Giới và xuyên qua các tầng Trời cõi Thượng Giới, về thẳng đến nơi Phụ Mẫu Thiêng Liêng đang an ngự.

•

Thi văn, kinh điển

Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế có đoạn:
“...Nhuộc thiệt nhược hư, bất ngôn nhi mặc tuyên đại hóa
Thị không thị sắc, vô vi nhi dịch sử quần linh
Thời thừa Lục Long du hành bất tức
Khí phân Tứ Tượng hoát truyền vô biên...”

Đoạn kinh miêu tả hộ giá cho Đức Từ Phụ có 6 vị Long Thần, mang khí chất thuần dương, nam tính, cũng chính là đờ Long Xa của Ngài du hành khắp Vũ Trụ Càn Khôn.

Bài Đưa Tiên:
“Hương hoa đưa lại rất lòng thiền
Xe Hạc cỡi Rồng nhẹ gót Tiên
Năm sắc mây lành bay phới phới
Hào quang muôn trượng chiếu liên liên.”



KIM CÂU

*“...Ngựa vàng ruổi vó thoi đưa sáng
Thỏ ngọc trau gương dặm về lâu...”*

(Lục Nương giáng cơ ban thi)

Kim Câu hay Kim Mã, tức Ngựa Vàng, là loài Linh Thú cư ngụ nơi Thượng Giới, được hình thành bởi ánh sáng Thái Dương kết tụ nên. Bởi thế, Kim Câu cũng chính là hiện thân của những tia nắng từ vàng dương tươi sáng. Đây là một phần tử thuộc Quang Bộ, Liên Thần Bộ, Kỳ Lân Tộc.

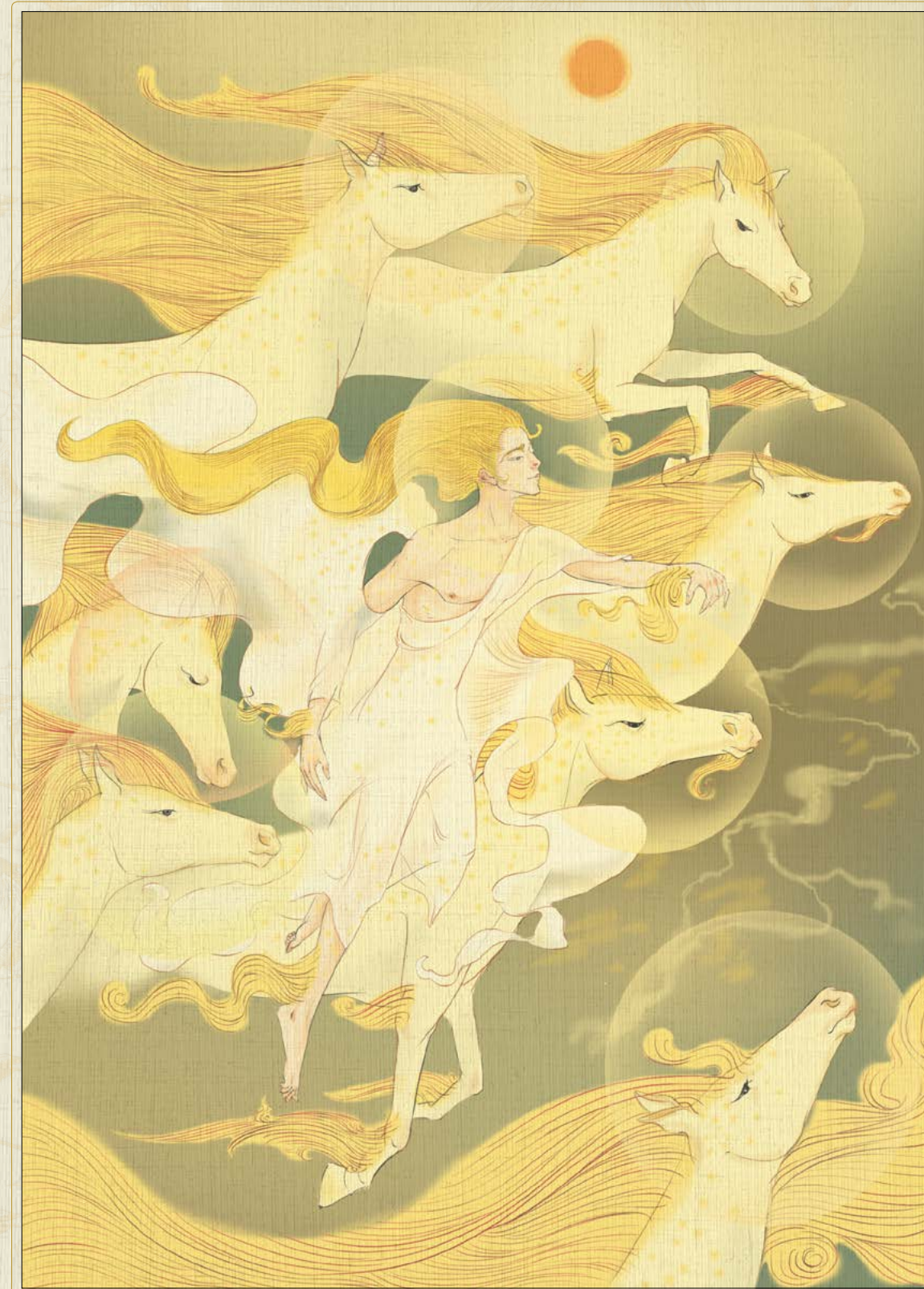
Có chúng sinh mang tâm tình thích ngao du khắp chốn, tiêu dao tự tại chẳng vương bận điều chi, lại tùy duyên gặp gỡ mà sẵn sàng làm lợi lạc cho muôn sinh khắp Tam Giới. Chúng sinh như thế, trong kiếp sinh của mình không bám chấp vào thất tình lục dục, khi mất đi thân mạng có thể chuyển sinh thành anh linh Kim Câu.

Kim Câu có hình dáng giống loài ngựa nơi Hạ Giới, nhưng thân hình to lớn khoảng vài thước. Đôi mắt sáng rực, toàn thân màu vàng tươi sáng như ánh ban mai, lan tỏa ánh kim quang, mang theo hơi ấm dịu nhẹ. Phần gáy cổ có lông bờm dài đến thân, đuôi dài, tứ chi gần móng guốc cũng có một chùm lông dài. Những sợi lông này mịn mình màng óng ánh, bông bành trong gió, lấp lánh sắc vàng.

Ngoài ra, Kim Câu cũng như các loài Linh Thú khác có thể thị hiện thân ảnh nhân dạng, Thiên Sứ dạng tùy theo nhân duyên cần thị hiện tiếp cận hóa độ. Khi thị hiện hình tướng phần nộ, Chiến Thần dạng, toàn thân Kim Câu chuyển sang màu vàng cam, bộc phát hỏa khí dữ dội, ánh mắt đỏ hồng như Thái Dương rực rỡ lúc hoàng hôn.

Kim Câu thích ngao du khắp nơi trong Tam Giới, thường đi các cõi Thượng Giới do các cõi này có không khí thanh tịnh, trong lành. Kim Câu có thể len qua các đám mây, băng qua sơn xuyên hà hải, thông dong tự tại. Mỗi khi đi qua nơi nào, sẽ để lại một vệt nắng sáng vi diệu.

Chúng sinh thường hay tắm nắng sớm lúc bình minh sẽ có nhiều cơ hội được kết duyên với Kim Câu, có được những lợi ích trong cuộc sống không thể nghĩ bàn.



Nhờ tiếp cận với Kim Câu hằng ngày, hấp thụ được khí quang âm áp như ánh nắng sớm này mà tâm thức chúng sinh ấy trở nên khoan thai dễ chịu, thân thể nhẹ nhàng, thần trí minh mẫn. Năng lượng tích cực, tiêu trừ ám khí tri tri u uất cùng với an lạc khí bao phủ khắp toàn thân người ấy, khiến họ tự nhiên cảm thấy hạnh phúc hưng phấn diệu kỳ, bất khả tư nghị.

Nhưng Kim Câu chẳng nán lại nơi nào lâu cả, mà thường di chuyển liên tục, nhanh như ánh nắng sớm lướt qua rừng cây. Thế nên chúng sinh mỗi lần tiếp xúc với Kim Câu chỉ nhận được những phần chân trong một thoáng chốc nhất định rồi lại nhanh chóng trôi qua, đợi đến nhân duyên gặp gỡ kế tiếp vậy.

Hiện tượng “Mặt trời ảo”

Khi Kim Quang Thân di chuyển bằng cỗ xe tứ mã ngang qua bầu trời, bốn chú Kim Câu và bản thân Kim Quang Thân nữa là năm, toả sáng giữa trời quang, giống như năm mặt trời vẩy quanh trên không trung cùng lúc. Trong khoa học gọi là “Mặt trời ảo”. Hiện tượng này xảy ra khi chư Thần có việc đi ngang qua, đón rước một vị cao trọng. Người ta xem rằng đó là điềm lành, nhưng cũng lại hiểu sự ra đi là điềm dữ.

Ngự Mã Thiên Quân

Đức Vi Đà Hộ Pháp cũng thường được biết đến với tôn danh Ngự Mã Thiên Quân, nghĩa là vị Thiên Quân ngự trên Kim Câu uy dũng. Ngài thường theo hộ giá, mở đường cho Ngọc Hoàng Thượng Đế chu du Tam Giới giáo hoá vạn linh.

Trên con đường đi theo Cửu Thiên Thập Nhị Kinh

Kim Câu xuất hiện khắp cõi Thượng Giới, nhưng sản sinh và hoạt động rất nhiều ở cõi Huỳnh Thiên, nơi có khí quang đặc trưng là sắc vàng óng ánh, thanh khí trong trẻo âm áp nhẹ nhàng.

Các chân hồn khi nhập vào cõi Huỳnh Thiên, còn đang bỡ ngỡ, chưa biết đi đâu đến đâu, nhờ Kim Câu dẫn đường, đón đưa mà họ đến được các cung các động học hỏi, tu luyện lòng mình cho tinh tấn, đợi một dịp siêu thăng lên các tầng Trời cao hơn.

Thi văn, kinh điển

Trong thi văn, kinh điển, hình ảnh Kim Câu, Ngựa Vàng tượng trưng cho vàng Mặt Trời, cho nắng ban mai, cho ánh hào quang vi diệu. Đối lập với đó là hình ảnh Thỏ Ngọc đại diện cho mặt trăng, cho ban đêm, cho khí quang tĩnh mặc, mát lạnh. Ở Hạ

Giới, Kim Câu cũng dùng để chỉ về giống ngựa tốt, có sức chạy nhanh, bền bỉ, lại có bộ lông óng ánh tuyệt đẹp.

“Im lìm cây cỏ vẫn in màu
Mờ một vườn xuân điểm sắc thu
Gió dậy xao trời mây cuốn ngọc
Sương lồng ướt đất liễu đeo châu
Ngựa vàng ruổi vó thoi đưa sáng
Thỏ ngọc trau gương đậm vẻ lâu
Non nước điều hui xuân vắng chúa
Nhìn quê cảnh ủa giục cơn sầu.”

(Lục Nương giảng cơ ban thi)

玄風變太古 | Huyền phong biến thái cổ
道喪無時還 | Đạo tang vô thì hoàn
擾擾季葉人 | Nhiễu nhiễu quý diệp nhân
雞鳴趨四關 | Kê minh xu tứ quan
但識金馬門 | Đãn thức Kim Mã môn
誰知蓬萊山 | Thùy tri Bồng Lai san
白首死羅綺 | Bạch thủ tử la y
笑歌無時閑 | Tiếu ca vô thời nhàn
綠酒晒丹液 | Lục tửu sắn đan dịch
青娥凋素顏 | Thanh nga điêu tố nhan
大儒揮金椎 | Đại nho huy kim truy
琢之詩禮間 | Trác chi thi lễ gian
蒼蒼三株樹 | Thương thương tam chu thụ
冥目焉能攀 | Minh mục yên năng phân.

(李白 - Lý Bạch)

Kim Mã môn (金馬門), gọi tắt Kim Môn, xuất phát từ cổ ngôn: “*Hán Vũ Đế sử học sĩ đãi chiếu Kim Mã môn* - 漢武帝使學士待詔馬門” (Vua Hán Vũ Đế sai những người có học trực ở cửa Kim Mã, đợi khi có chiếu chỉ của vua cần hỏi han). Từ đó, chữ Kim Mã được dùng để chỉ về nơi tiếp kẻ giỏi chữ, học rộng, tài hoa văn chương. Nguyễn Du trong Đoạn Trường Tân Thanh cũng có câu: “*Chẳng sân ngọc bội, thời phường kim môn*”, hay câu “*Bây giờ kim mã ngọc đường với ai?*”.

HUYỀN THIÊN QUÂN

*“Một tòa Thiên Các ngọc lâu lâu
Liên bắt cầu qua nhấp nhóa sao
Vạn trượng then gài ngăn Bắc Đẩu
Muôn trùng nhịp khâm hiệp Nam Tào
Chư Thần chóa mắt màu thường đối
Liệt Thánh kinh tâm phép vẫn cao
Dời đôi chớp giăng đoan đồ nổi
Vững bền vạn kiếp chẳng hề xao.”*

(Đức Từ Phụ giảng cơ ban kinh)

Huyền Thiên Quân là vị Chương Quân cõi Huỳnh Thiên trong số Cửu Trùng Thiên của Thượng Giới. Ngài ngự nơi Tuyệt Khổ Cung, là một cung điện lung linh mỹ miều với ánh hoàng kim rực rỡ. Đây cũng được xem là trung ương tổng đàn của Lôi Bộ, một cơ quan hành pháp quan trọng gìn giữ luật Thiên Điều giúp Tam Giới cân bằng, nghiêm ngặt trong vòng xoay của luân hồi nhân quả, hòa ái công bình.

Vì là vị Chương Quân cõi này, lại thống lĩnh Lôi Bộ, nên Ngài còn được biết đến với tôn danh “Cửu Thiên Cảm Ứng Lôi Thịnh Phổ Hóa Thiên Tôn”

Đức Huyền Thiên Quân thường thị hiện thân ảnh Đạo Sĩ trung niên, mái tóc đen dài búi quả đào gọn gàng. Toàn thân Ngài khoác Đạo bào đen tuyền, cưỡi trên lưng Hắc Kỳ Lân, tay cầm Kim Tiên.

Ngài tính tình cương trực, trung nghĩa, nghiêm minh, thường giúp hành giả vững lòng gìn giữ những chuẩn mực Đạo Đức khi đứng trước các cám dỗ của cường quyền tà quái, khỏi sa vào đường dữ.

Các vị Lôi Bộ Chánh Thần dưới quyền Ngài nắm giữ trọng trách không chế các thế lực cường quyền tà quái khi các thế lực này gây hại chúng sinh, ảnh hưởng đến trật tự của Tam Giới.



Câu chuyện tiền duyên

Đức Huyền Thiên Quân từng có một kiếp giáng sinh là Văn Thái Sư đời nhà Thương ở Trung Hoa khoảng năm 1000 trước Công Nguyên, là một vị trung thần lỗi lạc tài ba, mưu lược hơn người. Ngài tu Tiên Đạo, lại đi cùng linh thú Hắc Kỳ Lân và pháp bảo Kim Tiên tức Roi Vàng mà danh chấn thiên hạ. Chỉ cần nghe đến uy danh của Ngài, giới huyền môn thuật sĩ hay tà ma yêu quái đều kiêng dè nể trọng. Hắc Kỳ Lân có thể đi mây về gió trong chớp nhoáng còn Kim Tiên mỗi lần vung lên có thể tạo nên những luồng Lôi điện kim quang uy dũng vô cùng.

Thời bấy giờ, tại Tuyết Long Sơn Cốc, Ngài đã vui thân do không thể cãi lại số Trời. Khi số của nhà Thương đã tận do Trụ Vương mê đắm tử sắc, Ngài can ngăn không được cũng không thể làm phản, chỉ có thể tận trung báo quốc, vì dân mà tử chiến với nhà Châu. Tuy một thân Tiên gia Đạo sĩ cao tay mưu lược nhưng cũng chẳng thể đi ngược lại nhân quả đã định, nên chung cuộc cũng bại trận dưới tay nhà Châu. Sau khi đăng Tiên, Ngài trở về ngôi vị chủ quản Lôi Bộ là một trong số Bát Bộ Chánh Thần của Đạo Gia. Dưới quyền cai quản của Ngài còn có 24 vị Thiên Quân cùng chư Thần Thánh Tiên khác lo về thời tiết, sấm chớp...

•

Trên con đường đi theo Cửu Thiên Thập Nhị Kinh

Khi tiến nhập vào được tầng Huỳnh Thiên, các chân hồn sẽ đến nơi Tuyết Khổ Cung này và diện kiến Đức Huyền Thiên Quân. Với pháp khí Kim Tiên của mình, ngài dùng Lôi điện vi diệu đánh tan phần ám khí, trược khí còn vương mắc nơi các chơn hồn, giúp khí quang của họ thanh khiết nhiều phần.

Sau khi gặp được Huyền Thiên Quân, chư linh lại bước vào Lầu Bát Quái. Nơi đó, ngọn lửa Thánh Hoả của Bát Quái Trận Đồ phát khởi, luồng dương khí mãnh liệt của lửa thiêu ấy lại một lần nữa giúp thiêu trụi oan nghiệt, tà khí còn vương vẩn trong mỗi chơn hồn.

Có thể nói bước đến Cung Tuyết Khổ này, chư linh được trải qua một chuỗi các Pháp thanh tẩy nhờ Lôi điện và Thánh Hoả linh diệu, trở nên nhẹ nhàng thuần khiết hơn nhiều, nhờ vậy mà tương hợp với bầu khí Thiên Giới, thuận duyên di chuyển khắp chốn.

•

Thi văn, kinh điển

Thời xa xưa, Đức Huyền Thiên Quân có từng giáng cơ trao truyền bài chú “Kim Quang Thần Chú”, giúp hành giả hữu duyên tương thông cảm ứng với Ngài, giúp quá trình tu tập được thuận lợi.

Câu chú mang năng lượng quang minh của Lôi điện nên giúp người hành trì có thần trí sáng lạn, tỏ tường, lại có được tâm thái vững cảm và kiên định khi đối diện với mọi lý sự trên con đường phát triển bản thân. Khí quang quanh người hành giả cũng ẩn hiện Lôi điện, khiến tà khí bất xâm. Đặc biệt, lại kết được nhân duyên thiện lành với chư vị Lôi Bộ Chánh Thần trong Tam Giới, thực là một điều đáng quý.

Kim Quang Thần Chú:

*“Thiên Địa Huyền Tôn, vạn khí bốn căn
Quảng tu ức kiếp, chứng ngộ thần thông
Tam Giới nội ngoại, duy Đạo độc tôn
Thể hữu Kim Quang, phúc ứng ngộ thân
Thị chi bất kiến, thánh chi bất văn
Bao la Thiên Địa, dưỡng dục quần sanh
Tụng trì vạn biến, thân hữu quang minh
Tam Giới thị vệ, Ngũ Đế tư nghinh
Vạn Thần triều lễ, dịch sử lôi đình
Quỷ yêu tán đởm, tinh quái vong hình
Nội hữu tích lịch, Lôi Thần ẩn danh
Đông tuệ giao triệt, ngũ khí huy đăng
Kim Quang tốc hiện, phúc hộ thân hình.”*

Nam mô Cửu Thiên Cảm Ứng Lôi Thịnh Phổ Hóa Thiên Tôn

Người hành giả muốn hành trì Chú này sẽ cần trường trai giới sát, giữ thân tâm thanh tịnh. Nếu không được như vậy thì chính người trì chú sẽ bị câu chú ấy thanh tẩy các trược khí trong mình, khiến mệt mỏi khó chịu, sẽ uổng phí thời gian công sức vậy.



“Ánh hồng chiếu đường mây rờ rờ
Cõi Xích Thiên vội mở ải quan
Thiên Quân điều động linh phan
Cả miền Thánh vực nhận nhàn tiếp nghinh.

Đài Chiếu Giám cảnh mình nhẹ bước
Xem rõ ràng tội phước căn sinh
Lên vào Cung Ngọc Diệt Hình
Khai Kinh Vô Tự đặt nhìn quả duyên.

Đắc văn sách thông Thiên định Địa
Phép huyền công trụ nghĩa hóa thân
Kỳ Kim Quang kiến Lão Quân
Dựa Xe Như Ý oai thần tiễn thẳng.”

Kinh Đệ Ngũ Cửu – Ngũ Nương Diêu Trì Cung

NGŨ NƯƠNG ĐIỀU TRÌ CUNG

*“Liều yếu diệu còn ghen nét đẹp
Tuyết trong ngần khó phép so thân
Hiu hiu nhẹ gót phong trần
Đài sen mây lướt gió Thần đưa hương.”*

(Ngũ Nương giảng cơ ban thi)

Liễu Hạnh Tiên Tử là Ngũ Nương trong số Cửu Vị Tiên Nương nơi Điều Trì Cung của Đức Cửu Thiên Huyền Mẫu chương quản. Ngài còn được biết đến với các tôn danh như: Thượng Thiên Thánh Mẫu, Liễu Hạnh Thánh Mẫu, Hương Liễu Tiên Nương, Vân Cát Thần Nữ.

Ngũ Nương Điều Trì Cung thường thị hiện thân ảnh Tiên Nữ tuổi độ đôi mươi. Gương mặt thanh thoát hiền từ, tóc búi quả đào, hoặc xõa ra sau. Trên tóc có mấy cây trâm hình hoa cỏ thanh mảnh xinh đẹp.

Ngài thường thị hiện thân ảnh toàn thân khoác Đạo bào trắng, trên Đạo bào ấy có điểm xuyết những hoa văn ngũ sắc tường vân và hoa sen hàm tiếu, mãn khai. Trên hai tay Liễu Nương khoác những dải lụa màu trắng tinh khôi, hoặc màu vàng nhẹ như ánh nắng bình minh bông bênh theo gió.

Ngài thường mang theo bên mình Ngọc Như Ý, có hình cây gậy dài, giống như cây nấm linh chi bằng ngọc.

Trên con đường đi theo Cửu Thiên Thập Nhị Kinh

Liễu Hạnh Tiên Nương là vị Thánh Mẫu tiếp đón và dẫn dắt các chơn hồn được nhập vào cõi Xích Thiên đi đến các cung, động phủ nơi cõi này để gợi nhớ và học hỏi về các sự vận hành của huyền vi Trời Đất. Sau đó, chơn hồn sẽ được dẫn đến Minh Cảnh Chiếu Giám Đài để xem các nhân duyên nghiệp quả của mình.

Sau khi xem xong nhân duyên nghiệp quả của mình ở Minh Cảnh Đài, chơn hồn được dẫn đến Diệt Hình Cung, chơn hồn nhìn vào quyển Vô Tự Kinh trong chánh điện Cung này để hiểu nhiều hơn về nhân quả rồi quyết định mình sẽ chuyển sinh, định quả vị của mình trong Tam Giới.



Chân hồn nhìn thấy đầy đủ các lý sự, căn duyên nghiệp quả của họ từ nhiều đời nhiều kiếp, khởi nguyên của chơn hồn ấy hình thành ra sao, các hạt giống và những sợi dây duyên nghiệp liên kết giữa quá khứ, hiện tại và vị lai có khả năng kết thành quả gì. Lúc đó họ sẽ thấu suốt được thế nguyên, duyên nghiệp của mình, biết mình thực sự cần gì để chuẩn bị cho lần chuyển sinh thành một sự tồn tại kế tiếp trong Tam Giới thật chu đáo.

•

Các câu chuyện tiền duyên

Theo sử liệu huyền môn Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Ngũ Nương Diêu Trì Cung từng có kiếp giáng trần ở Việt Nam là Liễu Hạnh Công Chúa, được tin thờ trong văn hóa tín ngưỡng dân gian và thuộc hàng bậc nhất của nhóm Chánh Thần Tứ Bất Tử. Ngài còn được biết đến với các tên gọi cõi trần như là Phạm Tiên Nga, Lê Giáng Tiên.

Trong hệ thống Tam Phủ, Tứ Phủ, Đạo Mẫu Việt Nam thì Đức Thượng Thiên Thánh Mẫu hay Liễu Hạnh Thánh Mẫu luôn được tôn vinh là vị Thượng Đẳng Chánh Thần bậc nhất, vị trí cao trọng nhất trong văn hóa tín ngưỡng Mẫu hệ.

Đức tin về Đức Liễu Hạnh Thánh Mẫu kéo dài từ xa xưa cho đến ngày nay, ngày càng mãnh liệt, tín chúng rất đông nên các đền miếu thờ Ngài từ cấp tư gia cho đến làng xã, quận huyện đều có ở khắp nơi dọc từ Bắc chí Nam.

Ngài thường xuất hiện giữa hồng trần hóa độ chúng sinh, trừ gian dẹp loạn, cứu tế trợ nghèo, phổ độ chúng sinh bằng rất nhiều hình thức khác nhau. Trong đó, hẳn nhiên là việc dạy dỗ cho nữ nhi về phần Đạo Đức, lối sống nên Đạo giữa đời, đem lại hạnh phúc cho các gia đình hòa thuận ấm êm, xã hội bình an phúc lạc.

Trải qua nhiều lần xuất hiện độ duyên trong nhân gian qua nhiều thế hệ hoàng tộc, nên Đức Thánh Mẫu Liễu Hạnh được vua chúa tôn vinh bằng các danh hiệu như: Mẫu Nghi Thiên Hạ, Chế Thắng Bảo Hòa Diêu Đại Vương, Mã Hoàng Công Chúa, Thượng Đẳng Tồi Tôn Thần, Thượng Thượng Thượng Đẳng Tồi Linh, Vi Bách Thần Chi Thủ...

Ngày mùng 3 tháng 3 Nguyệt Lịch là ngày lễ kỷ niệm tưởng nhớ về công đức Đức Liễu Hạnh Thánh Mẫu.

•

Thi văn, kinh điển

*“Liễu yếu ớt những lo gió dội
Có mảnh thân e nổi khổ thân
Riêng lo tài sắc hồng quần
Không như bọn tục nợ trần lánh chơn.”*

*“Liễu chiều gió xung xăng màn hạnh
Như để lời cửa Thánh nhắn tin
Đạo tâm xin gắng vịn gìn
Đọa thẳng hai lẽ nơi mình liệu toan.”*

*“Phàm trần khá lánh cõi nhơ danh
Muôn kiếp trau thân phải chí thành
Để đức dịu tâm nên đức cả
Học đòi đạo hạnh giữa Thiên thanh.”*

HỒNG QUÂN LÃO TỔ

*“Đạo cao thâm, Đạo cao thâm
Cao bất cao, thâm bất thâm
Cao khả xạ hê thâm khả điều
Cao thâm vạn sự tại nhân tâm.”*

(Đức Lão Tổ giảng cơ ban thi)

Khởi nguyên vũ trụ từ khí Hư Vô phát xuất một khối ánh sáng vĩ đại mang năng lượng vô cùng vô tận gọi là khối Đại Linh Quang hay Thái Cực Quang, tạm gọi là Cội Đạo. Lúc bấy giờ, khối ánh sáng ấy phân tán hóa sanh, biến hiện nên thân ảnh ba vị tận thiện tận mỹ đầu tiên là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Đức Diêu Trì Kim Mẫu và Đức Hồng Quân Lão Tổ.

Đức Hồng Quân Lão Tổ xuất hiện chính là việc Đạo quang đại phát, chiếu diệu mạnh mẽ, lưu truyền từ Cội Đạo vi diệu đến những nơi vô minh tối tăm, chưa có ánh sáng trong vũ trụ bao la vô cùng tận.

Người còn được biết đến gần gũi nhất với tôn danh:
Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh Ứng Hóa Thiên Tôn
Hồng Quân Lão Tổ Cửu Thiên Cảm Ứng Từ Tôn

Đức Lão Tổ thường thị hiện thân ảnh lão nhân râu tóc bạc phơ, da dẻ hồng hào tươi sáng, ánh mắt từ bi hiền hòa, luôn nhẹ nhàng mỉm cười với muôn sinh. Toàn thân Người khoác Đạo bào bạch y, tỏa ra vàng bạch quang tinh khôi thuần khiết. Vàng minh khí ấy vừa dịu mát thân thiện lại làm ấm áp tâm hồn những ai hữu duyên được nhìn thấy Người. Ở giữa vàng hào quang ấy luôn biến hiện muôn đoá hoa sen ngũ sắc chớm nở từ hư vô, nhanh chóng đại phát mãn khai, rồi liền tiêu biến về hư không để rồi những nụ hoa mới lại đâm chồi xuất hiện, sinh động vô cùng.

Ngài thường mang theo bên mình một chiếc gậy gỗ mộc mạc đơn sơ và một bầu hồ lô chứa linh đơn bên trong.

Thuở Đức Lão Tổ xuất hiện trong vũ trụ truyền Đạo, để thuận duyên hóa độ muôn sinh khắp Tam Giới, Người đã tự mình phân tán hóa sanh, biến hiện nên Tam Thanh. Ba vị Tam Thanh này gọi bốn tôn của mình là Tôn Sư. Ba vị ấy chính là:



– Đức Thái Thanh Đạo Đức Thiên Tôn –

Ngài là Đức Lão Tử, từng có một kiếp giáng trần nơi cõi Hạ Giới này và truyền thừa quyền Đạo Đức Kinh, dạy người tu tâm dưỡng tánh, sống thuận theo thiên nhiên, hoà mình với Đại Đạo tự nhiên của Trời Đất.

Toàn thân Ngài tỏa ánh Đạo quang màu vàng tươi đẹp dễ.

– Đức Thượng Thanh Nguyên Thủy Thiên Tôn –

Ngài là Giáo Chủ của Xiển Giáo từ thuở hỗn độn sơ khai. Xiển Giáo truyền bá cho loài người phương thức tu tâm dưỡng tánh, rèn luyện thân thể hòa mình vào thiên nhiên, trở thành Thần Tiên, Tiên Nhân thoát tục, và cứu khổ chúng sinh.

Toàn thân Ngài tỏa ánh Đạo quang màu xanh da trời dịu mát.

– Đức Ngọc Thanh Linh Bảo Thiên Tôn –

Ngài chính là Thông Thiên Giáo Chủ, vị Tôn Sư của Triệt Giáo từ thuở hoang sơ. Triệt Giáo truyền dạy cách thức tu luyện thân tâm, hấp thụ tinh hoa Thiên Địa cho tất cả mọi loài kể cả cỏ cây, sắt đá, cầm thú và con người. Hành giả đắc Đạo sẽ đạt được trường sinh, hiển hóa thân thông trở thành Thần Tiên cứu độ muôn sinh.

Toàn thân Ngài tỏa ánh Đạo quang màu đỏ hồng rực rỡ.

Vạn Giáo Đồng Nguyên

Khắp các cõi giới trong Tam Giới có môn nhân của Xiển Giáo và Triệt Giáo tới hằng hà sa số. Hành giả, tín giả ngưỡng vọng tâm đức, học theo thiện hành của bậc tôn sư đáng kính, đều gọi ba vị Tam Thanh là tổ sư. Ba vị Tam Thanh lại có các đại đệ tử ưu tú là những bậc Thượng Tiên, Thiên Tiên đạt thành chánh quả viên mãn cũng không ít. Các vị ấy lại lập nên các giáo phái, pháp môn tu tập với phương thức và thiện hành theo con đường thế nguyện của họ. Nhưng Tam Thanh vốn lại từ một cõi nơi Đức Lão Tử mà ra.

Thế nên mới nói, chúng sinh tuy có nhiều tín ngưỡng tôn giáo, pháp môn tu tập nhưng rốt cuộc chung quy lại vẫn là người một nhà, được học Đạo từ Đức Lão Tử Từ Tôn với một phương thức cốt lõi là tu tâm dưỡng tánh, sống hòa đồng nhân ái với muôn vạn loại sinh linh trong khắp Tam Giới.

Sự nhầm lẫn giữa Đức Hồng Quân Lão Tổ và Đức Thái Thanh Lão Tử

Truyền thuyết và tài liệu thường nhầm lẫn Đức Hồng Quân Lão Tổ và Đức Thái Thanh Lão Tử là một. Ấy cũng bởi tôn danh hai vị gần giống nhau, hình ảnh thị hiện của cả hai vị lại đều là lão nhân râu tóc bạc phơ, mang bên mình gậy cùng hồ lô, khoác Đạo bào trắng, truyền Đạo hòa hiệp với Thiên Địa. Nhưng quả thực là hai nhân vật khác nhau,

một vị được gọi là Đức Lão Tổ, một vị được gọi là Đức Lão Tử. Mối quan hệ của hai vị vốn vừa là nguyên linh với chiết linh, lại vừa là sư tổ với đồ đệ.

Lễ kỷ niệm của Đức Hồng Quân Lão Tổ là ngày mừng 9 tháng 9 Âm Lịch. Lấy chu kỳ trùng Cửu, Chí Dương làm ngày thiết lễ tưởng nhớ Đức Từ Tôn, là vị thầy dạy Đạo từ thuở hỗn nguyên sơ khai của vũ trụ.

Còn ngày kỷ niệm Đức Lão Tử Đạo Đức Thiên Tôn giáng sinh là ngày 15 tháng 2 Âm Lịch, tưởng nhớ lúc hạ sanh của Ngài vào thời nhà Thương bên nước Trung Hoa.

Vị thầy từ ái nơi Cửu Thiên

Cửu Thiên Môn là một dòng pháp tu luyện xuất hiện từ khởi nguyên Tam Giới, được Đức Lão Tổ truyền Đạo thiết lập cho muôn vạn loại sinh linh khắp Tam Giới tu tâm dưỡng tánh để về với Cội Đạo, nguồn gốc phát sinh nên Tam Giới.

Bát Quái Cửu Cung tương quan với nhau, hóa sinh nên vạn loại. Cửu Thiên Môn dựa vào sự vận hành ấy mà thiết lập Cửu Thiên Cung.

Cửu Thiên Cung tọa lạc ở tầng Trời Phi Tướng Phi Phi Tướng Thiên, hay còn gọi là Phi Tướng Diệu Thiên, liên kết cảm ứng với các cung, các động và cõi giới khác để trợ duyên muôn linh hữu tình hữu hạnh tu tâm dưỡng tánh hồi hướng về Cội Đạo.

Chư tín giả, hành giả của Cửu Thiên Môn đều lấy tôn chỉ hòa đồng nhân ái, phụng sự muôn sinh linh làm đề mục trong quá trình tu tâm dưỡng tánh trở nên Chân Thiện Mỹ.

Thi văn, kinh điển

Tâm chú của Đức Từ Tôn:

“Nam mô Hồng Quân Lão Tổ Cửu Thiên Cảm Ứng Từ Tôn”

Tín giả, hành giả nào hữu duyên, có tín tâm với việc tu tập thì khi trì niệm câu chú này đều có thể mở lòng tạng trường hòa ái, từ bi, trí tuệ biết đối nhân xử thế hợp lẽ Đạo.

Cửu Thiên Tâm Kinh:

*“Cao thượng Cửu Trùng Thiên
Bồ đoàn liễu Đạo chân
Thiên Địa Huyền Hoàng ngoại
Lão đương Chương Giáo Tôn
Hư Vô sanh Thái Cực
Lưỡng Nghi Tứ Tượng tuần
Nhất Đạo truyền Tam Hữu
Nhị Giáo Xiển Triệt Phân
Huyền Môn Đô lãnh tụ
Nhất Khí hóa Hồng Quân.”*



“Bạch Y Quan mở dàng rước khách
Côi Kim Thiên nhẹ tách Tiên Xa
Vào Cung Vạn Pháp xem qua
Cho tường cựu nghiệp mấy tòa thiên nhiên.

Cung Lập Khuyết tìm duyên định ngự
Lãnh Kim Sa dặng dự Như Lai
Minh Vương Không Tước cao bay
Đem chơn thần đến tận Đài Huệ Hương.

Mùi ngào ngọt thơm luôn Thánh thể
Trừ tiêu tàn ô uế sinh quang
Thiên Thiều trời tiếng nhật khoan
Đưa linh thắng đến Niết Bàn mới thôi.”

Kinh Đệ Lục Cửu – Lục Nương Diêu Trì Cung

LỤC NƯƠNG ĐIỀU TRÌ CUNG

*“Huệ ngào ngạt đưa hơi vò dịu
Đáng tài ba chẳng thiếu tư phong
Nương mây như thả cánh hồng
Tiêu Diêu phát phươn côi tông đưa Tiên.”*

(Lục Nương giảng cơ ban thi)

Huệ Hoa Tiên Tử là Lục Nương trong số Cửu Vị Tiên Nương Điều Trì Cung, phụ trách dẫn dắt chơn hồn, giúp họ nhìn thấy được ánh sáng huyền vi Đạo Pháp để có thể lần tìm về Đạo, trở về với nguồn cội của mình.

Ngài thường mang theo bên mình một cành phướn linh Truy Hồn Phan, thế nên ngài còn được biết với tôn danh là Truy Hồn Sứ Giả.

Lục Nương từng có hai kiếp giáng trần nơi cõi Hạ Giới này, một kiếp được biết đến với thân phận là Thánh Nữ Jeanne d’Arc ở nước Pháp vào thế kỷ XV, và một kiếp là bà Hồ Thị Huê ở Việt Nam vào thế kỷ XVIII – XIX, là phối thất của vua Minh Mạng.

Huệ Hoa Tiên Tử thường thị hiện thân ảnh Tiên Nương, toàn thân khoác Đạo bào bạch y, trắng nhẹ tựa như mây trời. Mái tóc đỉnh đầu tết lại, búi thành quả đào ngả ra sau, đuôi tóc thông dài xuống lưng. Trên mái tóc của Ngài thường cài một nhánh huệ trắng nhỏ xinh. Toàn thân tỏa ra luồng thanh khí ôn nhu nhẹ nhàng tựa làn gió thu khê lướt trên mặt hồ, khiến cho những ai tiếp cận cũng đều cảm thấy vô cùng thanh tịnh bình yên như đang ở gần người mẹ hiền của mình vậy.

Tính tình Lục Nương ôn hòa nhã nhặn, lại cương trực sẵn sàng đương đầu với cường quyền tà quái để bảo vệ cho những thân phận nhỏ bé yếu đuối.

Thệ nguyện của Ngài là đem ánh sáng Đạo Pháp xoa dịu nỗi đau, xóa đi vô minh, tà tâm, chấp niệm cho những chơn hồn đang u mê lạc lối. Vì Ngài cũng làm công việc như một người đưa đò, dẫn duyên cho các chơn hồn đến đúng nơi họ cần phải đến, thế nên Ngài còn có tôn danh là Truy Hồn Sứ Giả. Ngài chỉ khiêm tốn nhận mình là một vị Sứ Giả giữa Tam Giới mà thôi.



Mỗi khi Huệ Nương phát phướn nhẹ nhàng trong không trung, từ thân phướn phát ra một quang Đạo quang chiếu diệu đủ các sắc Tam Thanh. Những chơn hồn khi còn đang u mê lạc lối, xung quanh họ chỉ toàn là bóng tối khổ đau, chấp niệm. Những hình ảnh của ác nghiệp họ từng gây ra vây hãm lấy họ làm họ bấn loạn thần trí, chẳng biết đi đâu về đâu, chơi vơi giữa dòng khổ hải nơi Trung Giới. Khi ấy, nhờ ánh sáng vi diệu của Truy Hồn Phan len lỏi vào tận góc ngách sâu thẳm của tâm hồn tối tăm lạnh lẽo ấy, xoa dịu nỗi đau của họ, làm cho chơn hồn đó cảm thấy nhẹ nhàng, được an ủi, được sưởi ấm, được thương yêu và tha thứ. Lúc bấy giờ, chơn hồn u mê ấy nương theo ánh sáng của lá phướn mà tụ hội về nơi Truy Hồn Sứ Giả.

Các chơn hồn vừa tụ hội về đây liền biến thành những đốm sáng nhỏ li ti nương tựa vào cảnh phướn, sau đó họ được Huệ Nương đưa đến các giảng đường, thuyết pháp trường, nơi có chư vị phù hợp với đức tin của họ, ở đây để dần tịnh tâm, định thần. Lúc bấy giờ, tùy theo ý nguyện thiện hành của họ mà họ sẽ đầu thai chuyển kiếp nơi Hạ Giới hay là chuyển sinh thành một sự tồn tại trong Trung Giới để tiếp tục tu dưỡng thêm tinh tấn, giác ngộ lẽ huyền vi Trời Đất, để rồi hành thiện nguyện bù đắp cho các nghiệp duyên của mình. Khi ấy, các chơn hồn mới có thể nhẹ nhàng giải thoát đặng mà nhập về cõi Thượng Giới.

•

Trên con đường đi theo Cửu Thiên Thập Nhị Kinh

Qua khỏi Xích Thiên, chư linh liền được nhập vào cõi Kim Thiên. Tầng Trời này có cảnh giới tên là Huệ Hương Đài nơi chư linh sẽ được Không Tước Minh Vương đưa đến. Huệ Hương Đài này do Lục Nương chủ quản. Đài có hình dạng một tòa tháp hình trụ tròn, cao to hùng vĩ giữa thiên không. Trên cùng tòa tháp là một khoảng sân rộng. Sân ấy có muôn ngàn loài hoa bốn mùa nở rộ sắc trắng tinh khôi và tỏa hương dịu ngọt. Không gian xung quanh luôn có những cánh hoa phiêu bồng trong làn gió nhẹ. Phía trên không trung lại có pháp bảo Hoa Cái Trường Phan với những dải lụa dài tung bay trong gió, lan tỏa ra vàng hào quang linh diệu tiếp rước và giúp tịnh hóa các chân hồn về Huệ Hương Đài này.

Các chân hồn khi đến đây được đắm mình trong ánh bạch quang từ lộng phướn chan rưới xuống, lại được những đóa hoa trắng kia ướp hương thơm ngào ngọt cho tâm hồn. Tất thấy những trược khí còn sót lại đều được thanh tẩy tịnh hoá. Lúc bấy giờ, khí quang của chư linh mới đủ thanh khiết để có thể tiến nhập vào Cực Lạc Thế Giới.

•

Truy Hồn Phan

Pháp bảo Truy Hồn Phan này còn được gọi là Chiêu Hồn Phan hay Tiêu Diêu Phướn. Truy Hồn Phan được kết tinh từ ánh sáng vi diệu của Tam Thanh nơi Thượng Giới, biểu trưng thành 9x9 lá phướn nhỏ trên thân phướn với ba màu vàng, xanh, đỏ sắp xếp theo

trật tự nhất định. Thái Thanh sắc vàng rực rỡ xua tan bóng tối u mê. Thượng Thanh sắc xanh da trời dịu mát thanh tịnh an yên. Ngọc Thanh sắc đỏ hồng ấm áp gần gũi.

Ở phần trên cùng của thân phướn có biểu tượng của Minh Triết Ấn, chính là Thiên Nhân của Cội Đạo. Chính Minh Triết Ấn này tạo nên ánh sáng vi diệu sáng soi, chiếu rọi khắp Tam Giới, đến tận những nơi sâu thẳm nhất bên trong các chơn hồn đau khổ, u mê mà độ duyên cho họ.

Phần giữa thân phướn có Lục Tự ghi bằng cổ ngữ là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (大道三期普度), nhắc nhở muôn sinh về thời kỳ hiện tại là thời kỳ thứ ba trong công cuộc diu dắt nhân duyên chúng sinh của chư vị Thiêng Liêng. Sáu chữ này tạo đường dẫn cho chơn hồn đến nơi cảnh phướn, và về với Đạo.

Phía cuối của thân phướn có biểu tượng Hoa Lam, tức giỏ hoa. Biểu tượng này là pháp ấn của chư vị Thái Hoa Thiên, dùng để gìn giữ những điều tốt đẹp, tinh hoa thần hồn của chúng sinh, nhờ đó mà các chơn hồn ấy hóa thành ánh sáng và nương tựa vào cảnh phướn để được độ duyên giải thoát khỏi đau khổ.

Nếu muốn thu hút, dẫn duyên cho ai, chủ nhân của lá phướn chỉ cần gọi đúng tên người ấy, nhờ vào lực Cảm Ứng, tức thì ánh sáng của lá phướn sẽ tìm đến đúng nơi họ đang ở, cho nên phướn mới có tên Truy Hồn Phan. Sau khi tìm được đúng đối tượng cần độ duyên, ánh sáng ấy xoa dịu nỗi đau của chơn hồn ấy, rồi thu hút dẫn dắt chơn hồn ấy đến được nơi lá phướn đang phát động, vì lẽ này mà phướn có tên là Chiêu Hồn Phan. Khi đến được chỗ lá phướn, chơn hồn lại hóa thành ánh sáng tá túc vào lá phướn này để được dẫn đến các nơi phù hợp với đức tin của họ. Về cơ bản thì lúc ấy họ đã được giải bớt sự khổ nơi chấp niệm của mình, cho nên cũng gọi là Phướn Tiêu Diêu.

•

Thi văn, kinh điển

Một số bài thơ Ngài từng giảng cơ:

“Huệ ân chan khắp toàn nhơn loại
Vào đường tu phi toại kiếp sanh
Lánh nơi tranh đấu giết giành
Nghiệt oan khỏi vương thân danh vẹn phần.”

“Huệ trí định Tiên-phàm đôi lẽ
Cửa không môn mới nhẹ tiền duyên
Phát phơ đưa phướn diệu huyền
Trông vui thấy khách Cửu Tuyền rậm chơn.”

“Huệ phong nguyệt nhập vào nhung thẳm
Diệu phong ba đã lặn màu trần
Xưa từng làm tướng cầm quân
Nay quen thói khách hồng quần phấn son.”

KHỔNG TƯỚC MINH VƯƠNG

“Om maha mayura vidya rajna svaha.”

– Khổng Tước Minh Vương Thần Chú –

Chu Khổng Tước là một vị Đại Tiên xuất hiện từ thời Thượng Cổ khi Vũ Trụ vừa hình thành nên Tam Giới. Là một chú chim công đặc biệt hiếm có với màu lông đỏ son sắc sỡ toàn thân nên Ngài có tên gọi là Chu Khổng Tước.

Chu Khổng Tước thuộc Hỏa Bộ, Khổng Tước Tộc trong đại tộc Càn Thất Bà.

Thân hình Chu Khổng Tước to lớn vĩ đại, lại có thể biến hóa thu nhỏ như một chú chim công bình thường, cao lớn vài thước. Toàn thân Ngài bao phủ lớp lông đỏ son tươi sáng, trông như ánh lửa đỏ rực. Vì là bậc Thiên Tiên Hồn xuất hiện từ thuở Khai Thiên Lập Địa nên thần thông của Ngài vi diệu chẳng thể nghĩ bàn.

Khi xòe đôi cánh và đuôi ra, Ngài có thể tạo nên vầng sáng như ánh hoàng hôn cháy bỏng rực rỡ, hoặc là phát ra cườm sắc như cầu vồng tuyệt đẹp. Hễ người nào nhìn thấy ánh sáng ấy có thể cảm thấy an vui lạc thú vô cùng, không còn nhớ đến những phiền não hiện tại. Cũng bởi nét đẹp hút hồn đó mà người nào kém vững tâm cũng có khả năng rơi lạc vào hôn trầm, lơ đãng thần thức vì mãi mê chiêm ngưỡng ánh sáng tuyệt mỹ ấy.

Khí quang của Chu Khổng Tước giống như tính chất của Tam Muội Chân Hỏa vậy, có khả năng tiêu trừ tà khí, ám khí và chữa lành thương tổn tâm thân.

Chu Khổng Tước dễ bị nhầm lẫn với Hỏa Phụng Hoàng. Có hai điểm đặc trưng khác biệt là chiều dài phần lông đuôi của Chu Khổng Tước ngắn hơn Hỏa Phụng Hoàng rõ thấy nhưng số điểm mắt sặc sỡ ở đuôi lại nhiều hơn nhiều so với của Hỏa Phụng Hoàng.

Chu Khổng Tước có thể tùy ý thị hiện thành nhiều hình dạng khác nhau, nam tử, nữ nhân hay lão nhân, nhân thú hoặc là pháp khí đều được. Nhưng thường thấy Ngài thị hiện hình dáng nam nhân tuổi chừng ba mươi, khuôn mặt thanh tú, lại toát ra khí chất cương trực mạnh mẽ. Toàn thân Ngài tỏa ra bầu chánh khí cương trực, hoả diễm lan toả ấm áp dễ chịu. Đôi mắt Ngài sáng ngời tinh tường và thấu triệt chân lý hiện tiền, cùng tình thương dịu dàng sâu sắc. Má tóc dài buông xoã bay mơ hồ trong không trung, bập bùng như ngọn lửa đang cháy, ngập tràn năng lượng vô cùng.



Chu Khổng Tước trong lịch sử Phong Thần

Vào thời Thương-Chu đại chiến khoảng 3300 năm trước, lúc bấy giờ bên Thương doanh có một vị tướng danh xưng Khổng Tuyền, do Chu Khổng Tước từ Thượng Cổ biến hóa giáng nhập vào võ tướng ấy. Lúc chiến đấu với doanh Chu, gặp những võ tướng có thần thông đặc biệt, Khổng Tuyền liền vận khí hóa phép. Toàn thân đại phát ánh hoàng kim rực rỡ, lại biến chuyển cửu sắc đầy mê hoặc khiến đối phương chói mắt thất thần. Khi ánh sáng vụt tắt thì võ tướng doanh Chu đã hôn mê bất tỉnh, pháp bảo của họ đều đã nằm gọn trong tay Khổng Tuyền.

Sự lạ như thế diễn ra liên tục, ngay đến cả Dương Tiễn và các vị võ thần tướng hùng dũng cũng bị bắt. Tuy là Khổng Tuyền không sát hại một ai, nhưng bất kì võ tướng cùng pháp khí nào cũng đều bị vàng sáng cửu sắc của Khổng Tuyền thu phục trong chớp mắt. Quân Chu chẳng thể nào vượt qua ải ấy.

Đang lúc bối rối, có Đức Chuẩn Đề Đạo Nhân từ xa xuất hiện. Bởi có duyên với Khổng Tuyền mà Ngài từ Tây Phương giáng đàn, bước đến thuyết giảng và thu phục Khổng Tuyền. Khi Khổng Tuyền vừa hóa phép, đại phát hào quang cửu sắc, tất thấy mọi người đều loá mắt chẳng thấy chuyện chi, chỉ nghe tiếng nổ long trời lở đất. Nhưng thoáng trong chốc lát, khôi giáp Khổng Tuyền lại rụng rời là tả, khí quang của Chu Khổng Tước cũng thoát ra thị hiện nguyên thân là một chú chim khổng tước đỏ rực to lớn vô cùng.

Chu Khổng Tước ấy kính phục trước đức độ, thanh tịnh của Đức Chuẩn Đề Đạo Nhân khi Ngài hoàn toàn vô nhiễm bởi cửu sắc tuyệt mỹ ấy. Kể từ đó, Chu Khổng Tước đi theo làm thị giả cho Ngài. Vị võ tướng Khổng Tuyền nay đầu hàng doanh Chu, trao trả các pháp bảo cũng như thả tự do cho các võ tướng đã bị bắt trước đó. Quân Chu theo duyên ấy mà tiến về Triều Ca.

Đức Chuẩn Đề Đạo Nhân thuyết minh cho mọi người hiểu về căn duyên của Chu Khổng Tước đã biến hóa giáng nhập Khổng Tuyền ra sao. Vì có duyên với Tây Phương Thế Giới nên Ngài đích thân đến tiếp dẫn Chu Khổng Tước về Tây Phương vậy. Sau giai đoạn Phong Thần đó, người ta mới biết đến Chu Khổng Tước ấy vốn là vị Đại Tiên với tôn danh Khổng Tước Minh Vương.

Trên con đường đi theo Cửu Thiên Thập Nhị Kinh

Khổng Tước Minh Vương là vị nắm trọn quyền chưởng quản tầng Trời Kim Thiên. Chư linh từ Xích Thiên, khi vừa bước về được cõi Kim Thiên sẽ đi qua Cung Lập Khuyết, sau, lại được khoác lên mình một lớp Kim Sa lung linh giúp bảo bọc che chở thần thức của mình. Bởi bầu khí các tầng Trời càng cao lại mang năng lượng càng mạnh mẽ, có những lớp Kim Sa như thế chư linh mới trụ lại và biến chuyển trong các cõi ấy được.

Kể đó, các chân hồn lại được Đức Khổng Tước Minh Vương đón rước. Ngài đưa chư linh đến nơi Huệ Hương Đài, ướp hương cho khí phách thêm thanh sạch an tịnh mà sửa soạn tiến nhập về cõi Niết Bàn.

Cõi Niết Bàn ấy là phạm vi của các tầng trời Hạo Nhiên Pháp Thiên, Phi Tướng Diệu Thiên, Tạo Hoá Huyền Thiên, Hư Vô Cao Thiên và Hồn Nguyên Thiên.

•

Thi văn, kinh điển

Nhắc về tích xưa Đức Chuẩn Đề
hoá duyên cho Đức Khổng Tuyền,
có bài kinh Chuẩn Đề Thiên Tôn
Tán Ca như sau:

“Đại Giác Kim Tiên bất nhị thời
Tây phương diệu pháp Tổ Bồ Đề
Bất sanh bất diệt tam tam hành
Toàn khí toàn thần vạn vạn từ.

Không tịch tự nhiên tùy biến hóa
Chân như bốn tính nhậm vì chi
Dữ Thiên đồng thọ trang nghiêm thể
Lịch kiếp Minh Tâm Đại Pháp Sư.

Thân xuất liên hoa thanh tịnh đài
Nhị thừa diệu điển Pháp Môn khai
Linh lung Xá Lợi siêu phàm tục
Anh lạc minh châu tuyệt thế hĩ.

Bát Đức Trì trung sanh tử diệt
Thất Trân Diệu Thụ trưởng kim đài
Chỉ nhân Đông thổ độ anh tuấn
Lai ngộ tiền duyên kết Thánh Thai.

Kim cung ngân kích phi phòng ngu
Bảo ngổ ngư tràng hào hữu phương
Mạn Đạo Khổng Tuyền năng biến hóa
Bà sa thụ hạ hào Minh Vương.

Bảo điểm kim quang ánh nhật minh
Tây phương diệu pháp tối vi tinh
Thiên thiên anh lạc vô cùng diệu
Vạn vạn tường quang trực thử sanh.

Gia trì thần xử nhân hãn kiến
Thất Bảo Lâm trung khởi dịch hành
Kim phiên đồng phó liên thai hội
Thử nhật phương tri đại Đạo thành.

Bát Đức Trì biên thường diễn Đạo
Thất Bảo Lâm hạ thuyết tam thừa
Đỉnh thượng thường huyền Xá Lợi Tử
Chương trung năng tả một văn kinh.

Luyện tựu Tây phương cư thắng cảnh
Tu thành vĩnh thọ thoát trần ai
Liên hoa thành thể vô cùng diệu
Tây phương thủ lĩnh Đại Tiên lai.”



*“Nhẹ phôi phôi dồi dào không khí
 Hạo Nhiên Thiên đã chỉ môn quan
 Đẹp xinh cảnh vật đôi ngàn
 Hào quang chiếu diệu khai đàn thẳng Thiên.*

*Cung Chường Pháp xây quyền Tạo Hóa
 Kiến Chuẩn Đề thạch xá giải thi
 Đà Lam dẫn nẻo Tây quy
 Kim Chung mở lối kịp kỳ kỳ Sen.*

*Động Phổ Hiền Thân Tiên hội hiệp
 Dở Kim Cô đưa tiếp linh quang
 Im lìm kìa cõi Niết Bàn
 Lôi Âm Trống thúc lên đàn thượng Thiên.”*

Kinh Đệ Thất Cửu – Thất Nương Diêu Trì Cung

THẤT NƯƠNG ĐIỀU TRỊ CUNG

*“Lễ Kinh để mấy chương tiết nghĩa
Vô Tự để cửa tía chứa hoan
Trăm cay là phép tạo nhân
Có phong ba mới dựa hàng trượng phu.”*

(Thất Nương giảng cơ ban thi)

Hương Lễ Tiên Nương là Thất Nương trong số Cửu Vị Tiên Nương ở Cung Điều Trị, nơi ngự của Đức Điều Trị Kim Mẫu.

Thất Nương Điều Trị Cung là vị giảng sư hướng Đạo, chia sẻ những nỗi đau khổ bởi vô minh, bởi chấp niệm của chúng sinh ở các cõi Âm Quang. Vì thương xót chúng sinh chưa thấu lẽ Đạo, Ngài nguyện đến các nơi u tối ở cõi Âm Quang, nhất là gần gũi với các âm hồn nữ tính để độ duyên cho họ hiểu được lẽ Đạo, hồi tâm chuyển ý về Đạo Pháp. Bởi thế nên Ngài được biết đến với tôn danh Âm Quang Tiếp Dẫn Đạo Nhân. Ngài còn mang Đạo Hiệu là Hương Lễ Tiên Nương, Hương Lễ Tiên Tử.

Hương Lễ Tiên Nương thường thị hiện thân ảnh Tiên Nương tuổi chừng đôi mươi, mái tóc dài búi cao thành quả đào trên đỉnh đầu, đuôi tóc xoắn dài phía sau lưng, trên búi tóc có giắt trâm là một nhánh sen trắng, trên đóa sen ấy có hình ảnh Thiên Nhân ẩn hiện. Ngài khoác Đạo bào trắng tinh khôi nhiều lớp, nơi hai tay bay bay những dải lụa trắng mỏng mảnh trong gió. Ngài thường mang theo bên mình quyển kinh văn hoặc là cành sen tinh khôi hàm tiếu.

Trên con đường đi theo Cửu Thiên Thập Nhị Kinh

Thời Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Thất Nương phụ trách dẫn duyên các chân hồn trên con đường tinh tấn thông qua Chín Tầng Trời trở về Cội Đạo. Trách nhiệm của Ngài trong Cửu Trùng Thiên là tiếp rước các chân hồn vừa từ tầng Kim Thiên nhập về tầng Hạo Nhiên Pháp Thiên. Các chân hồn được diu dắt đến các Thiên Cung, Tiên Động, trải nghiệm, học hỏi, tu dưỡng và thi cử. Để rồi, ai đủ điều kiện sẽ được thăng tiến lên tầng Phi Tường Diệu Thiên.

Ngài cũng là người đã giảng cơ ban cho bài Kinh Đệ Thất Cửu trong bộ 12 Kinh Cửu Thiên, giúp diu dắt chư linh tiến nhập về Thượng Giới.



Các câu chuyện tiền duyên

Theo lời thuật lại của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, thuở xa xưa, Thất Nương có một kiếp giáng trần là một công chúa tuyệt sắc giai nhân, được người người mến mộ. Có một vị quan trẻ đem lòng yêu mến sâu sắc, nhưng cả hai không đến được với nhau. Vị quan này vì thất tình nên lâm bệnh mà chết.

Đến năm 1900, Thất Nương từng giảng sinh làm con gái ông Vương Quan Trân và bà Đỗ Thị Sang ở Chợ Lớn, miền Nam Đại Việt. Ngài tên là Vương Thị Lễ, là một thiếu nữ khuê các hiền lương. Đang theo học Trung Học trường Sainte Enfance đến trình độ Brevet Elémentaire (Trung học Pháp) thì Ngài lâm bệnh ngặt nghèo. Gia đình chạy chữa khắp nơi đều không có kết quả. Thân mẫu của Ngài mới thông cáo khắp nơi ai có thể chạy chữa khỏi bệnh cho con gái mình thì sẽ gả cô ấy cho người đó.

Lúc bấy giờ, có một vị bác sĩ Tây Y vừa chuyển đến Sài Gòn nhận lời. Gia đình mời ông ấy về chữa cho con gái. Khi đó, ký ức tiền duyên quay về. Cô Vương Thị Lễ biết vị bác sĩ này chính là viên quan tiền kiếp đã từng yêu quý mình mà vong thân mạng. Tuy vị bác sĩ đã chữa khỏi bệnh cho cô, nhưng mẫu thân cô không giữ đúng lời hẹn, chỉ gửi tiền thù lao cảm tạ mà không gả cô cho vị bác sĩ ấy. Cô Vương Thị Lễ muốn gìn giữ lời hứa gả đó nên nhất định không chịu cưới một ai khác ngoài chàng bác sĩ kia. Cô Lễ tái phát bệnh, rồi mất khi tuổi chừng 18.

Đến năm 1925, nhân dịp mấy vị tri thức là Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang lập đàn cầu cơ, Thất Nương nhập cơ mượn danh Đoàn Ngọc Quế để dẫn dắt ba vị tri thức ấy vào lối Đạo Trời. Sau mấy lần đối đáp văn thơ, ba người họ và Thất Nương kết nghĩa huynh muội. Ngài gọi ông Cao Quỳnh Cư là Trưởng Ca, ông Phạm Công Tắc là Nhị Ca, ông Cao Hoài Sang là Tam Ca, còn Ngài tự xưng là Tứ Muội.

Một thời gian sau, Thất Nương giới thiệu cho ba ông các vị như: ông A Ằ Ằ, Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Cửu Vị Tiên Nương... và cho biết thân phận thật sự của mình là Thất Nương trong số Cửu Vị Tiên Nương ấy.

Nhờ có mối lương duyên đặc biệt của Thất Nương với nhóm tri thức bấy giờ, sau này các vị ấy trở thành những vị chức sắc tiên khai nơi nền Đạo Cao Đài của dân tộc Việt.

15 tháng 10 năm Bính Dần (1926) chính thức là ngày Khai Đạo của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Như vậy mới thấy, buổi Tam Kỳ Phổ Độ này, công đức của Thất Nương là vĩ đại dường nào khi Ngài là vị dẫn dắt mối duyên tu Đạo cho các vị Chức Sắc buổi đầu.

Trường thi Tình Ái - Thất Nương (1993)

“Người tình ái lòng thương như biển
Cả nước non hòa tiếng yêu đương
Thương hơi gió lá đương sương
Thương chim đỗ cội thương tường che hoa.

Thương tiếng dế như hòa khóc bạn
Thương hơi cây gió thoảng reo đồn
Thương bày thú nhẩy đầu sơn
Kết đôi chẳng hiểu tiếng hôn chia bầu.

Thương sông chảy như rầu nhẩn mặt
Thương gành khuya như bắc cầu Lam
Thương con thuyền bá nương buồm
Thương dòng nhi nữ chứa hồn Tương Giang.

Thương gió lạnh mây tan Trời rạng
Thương muôn sao nhấp nhóa bóng khuya
Thương mưa đổ giọt châu rìa
Cỏ cây như nước chan hòa đầm xuân.

Thương đến chốn gọi rừng Trước Từ
Chùa Hiền xưa đứng giữ Đạo Trời
Thương công ngư phủ đầm khơi
Đò nhơn rước khách lập đời an nguy.

Thương vạn vật cũng bị đồng loại
Thương nhơn sanh chẳng mối lòng thương
Thương người lạc bước lỡ đường
Tìm chơn Cung Tót, lạc đường Bích Cung.

Thương các Đấng anh phong vị chúng
Thương những trang bỏ sống vì nhà
Thương lùm mã ủ thân ma
Cốt căn bao Đấng san hà gầy nên.

Thương cửa Không chẳng bến mối Đạo
Thương nhà văn khó báo cơ văn
Đòi phen nắm viết muốn quăng
Đề danh chẳng kể đáng bằng ghi tên.

Thương những kẻ vì hiền khổ phận
Cửa tang du khó lẩn đầu hiền
Thương người đeo thảm chuốc phiền
Nỗi duyên lỡ dở hương nguyên lạnh tanh.

Thương những kẻ ôm dành cả nghĩa
Thương cho người cửa tía cầu ô
Bán thân vì chút từ cô
Đem duyên mà đổi liễu bỏ buồn may.

Thương nỗi bạn hằng ngày trông bóng
Kiếm người thương những ngóng tin sương
Tuyết khuya bữa lạnh then giường
Gối chẵn chia nửa bước đường lạnh tanh.

Thương nghe dế năm canh trỗi giọng
Tưởng như đường ướm giống dây loan
Thương ai thôn thức canh trăng
Vô phòng phòng vắng vên màn màn côi.

Thương cho kẻ ngậm ngùi lỡ phận
Tìm kiếm đôi lại vẩn vương oan
Thương người lánh tục tìm nhàn
Trễ chơn mà bị phụ phàng tình duyên.

Thương người giữ chẳng bền danh tiết
Vĩ thương nên khó biết trong mình
Thà cam chết sống với tình
Chia tay chẳng chịu sớm đành phụ nhau.

Thương Trời rạng lao xao cánh nhạn
Đến đưa tin cửa Hồn Chiêu Quân
Thương người lạc bước phong trần
Đem thân Hồ Hồn bỏ phận tơ duyên.

Thương người những chờ thuyền biển ái
Bồng con thơ ngần ngại trông chồng
Tắm trinh đổi mặt non sông
Đành đem thân đá hẹn cùng tuyết sương.

Thương mây toả như đường vẽ bóng
Chức Nữ kia ngồi ngóng Ngưu Lang
Trông vơi cánh thước nhộn nhàng
Cầu Ô chẳng đến đắp đàng hiệp đôi.

Thương Cung Quảng, Hằng ngôi ngó bé
Đợi tin chàng Hậu Nghệ đến thăm
Thương ai mến trộm nhớ thăm
Lựa duyên chẳng chịu ôm cầm thuyền ai.

Thương Tô Huệ hằng ngày dệt gấm
Dâng tâm trinh vào tận đền rồng
Thương người chịu nhục cùng chồng
Dầu xa ân ái còn nồng nghĩa nhàn.”

QUAN THÁNH ĐẾ QUÂN

*“Quan thành tài hiệp Hán triều phong
Thánh Đức mạc vong hám thể trần
Đế thất nhứt tâm trung khí đồng
Thanh y xích diện hảo vinh phong.”*

(Quan Thánh Đế Quân giảng cơ ban thi)

Đức Quan Thánh Đế Quân nguyên linh là một vị Hoả Long Thần từ Thượng Cổ. Vì cứu độ chúng sinh thoát cảnh lầm than, chiến tranh liên miên mà Ngài chuyển sinh nhập trần làm một vị võ tướng thời Tam Quốc Tranh Hùng ở Trung Hoa, khoảng 2200 năm trước. Thấm nhuần nhân nghĩa và triết lý của Khổng Giáo, Ngài trung thành phò vua dẹp loạn.

Quan Thánh Đế Quân còn được biết đến với các tôn danh như: Phật Già Lam, Hớn Thọ Đình Hầu, Cái Thiên Cổ Phật, Quan Thánh, Quan Công, Quan Vũ, Quan Vân Trường.

Ngài thường thị hiện thân ảnh võ tướng cao to, tuổi hơn tứ tuần, râu tóc dài đen, ánh mắt tinh anh sáng ngời. Sắc da Ngài ửng đỏ, toàn thân khoác chiến bào màu xanh ngọc đậm, choàng khinh giáp, đầu bịt khăn vải. Vì nguyên linh Ngài là Long Thần nên lúc chuyển sinh đầu thai, trên trán Ngài có gò nhô to là dấu tích sừng rồng.

Bên cạnh Ngài thường có các vị thị giả là Trương Phi, Quan Bình và Thần Mã Xích Thố. Ngài thường được thấy một tay cầm chặt Kinh Xuân Thu, một tay nắm Yên Nguyệt Long Dao. Long Dao ấy là nhiệt huyết cống hiến, trừ gian dẹp loạn, lại lấy lễ nhân nghĩa, trung hiếu của Kinh Xuân Thu làm lý tưởng cho thiện hành của mình, quả là văn võ song toàn. Tương truyền Yên Nguyệt Long Dao là loại vũ khí đặc trưng do Ngài tự tay thiết kế, về sau này được binh tướng sử dụng nhiều trên chiến trường.

Câu chuyện tiền duyên

Khi làm võ tướng ở trần gian, vì dính vào sát nghiệp nặng nề nên lúc mất đi thân mạng, Ngài thị hiện thành La Sát Quỷ, tiếp tục vương mắc vào sát niệm. Ngài thường theo ám, mãi miết đòi mạng những kẻ đã sát hại mình. Lúc bấy giờ, có Đức Phổ Tịnh Thiên Sư gặp được Ngài và thuyết giảng cho Ngài hiểu về nhân duyên nghiệp quả của mình.



Đức Quan Thánh liên giác ngộ lý nhân duyên ấy, Ngài hiểu bởi nghiệp sát đã quá nặng nề nên nay cũng phải chịu bị người ta giết chết tàn bạo. Ngài buông xả vương mắc của mình, tĩnh tâm quán chiếu nhân duyên, định tĩnh thần thức và nhớ lại được nguyên căn của mình vốn là một vị Long Thần Hộ Pháp, rồi quy hiệp về với nguyên linh.

Sau vài chục năm, Ngài hiển linh giúp bá tánh tiêu trừ tà linh khắp nơi trong giai đoạn loạn lạc, chúng quỷ cùng oán linh quấy phá thời bấy giờ. Nổi danh trong cõi hữu hình, bá tánh truyền miệng nhau về sự linh ứng nhân nghĩa, cùng ngợi khen tin thờ và lập đền miếu cho Ngài khắp nơi. Năm tháng trôi qua, niềm tin kính và tôn thờ Ngài trong dân gian ngày càng sâu dày, Thánh Đức dần cao trọng, cũng là chính chúng sinh suy tôn Ngài đến bậc quả vị cao của hàng Phật vị trong Tam Giới, nên mới có Đạo Hiệu là Phật Đà Lam hay Cái Thiên Cổ Phật.

•

Trên con đường đi theo Cửu Thiên Thập Nhị Kinh

Vào thời Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Cái Thiên Cổ Phật Quan Thánh Đế Quân là một vị Cổ Phật trấn Pháp cho nền Thánh Đạo. Trọng trách của Ngài là hộ trì và dìu dắt Thánh Đạo Nho Giáo của Khổng Tử hiệp quy về Tam Giáo của chung nền Đại Đạo. Buổi này, Ngài được xưng tán với tôn danh đầy đủ là: “Tam Trấn Oai Nghiêm Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân”.

Chư linh bước đến tầng Hạo Nhiên Thiên lại được Đức Quan Thánh đưa đón đến các cung động đặc trưng nơi Cực Lạc cảnh này, được gặp mặt các vị chưông quản, tham dự Pháp hội và nghe thuyết giảng. Ấy cũng chính là được gột rửa các chấp niệm, trước khi còn tiềm tàng trong chân linh của mỗi người vậy.

•

Lễ Vía Đức Quan Thánh Đế Quân

Ngày 24 tháng 6 Nguyệt Lịch được dùng làm ngày vía Đức Quan Thánh Đế Quân ở khắp các đình, miếu thờ Ngài. Ngày này, người ta thường làm đám rước diễu hành quanh phố phường, mang theo ảnh tượng Đức Quan Thánh cùng với hai vị thị giả và Ngựa Xích Thố, tái hiện cảnh tượng Ngài tuần du khắp cõi, bảo vệ bá tánh trước tà linh quấy nhiễu. Lễ vật cúng Ngài cũng toàn chay tịnh chứ không chiết thịt. Nơi nào giết mạng để tế Ngài người ta đều bị hành bệnh, đau nhức cơ thể, nằm mê man mơ thấy Ngài xuất hiện quở trách. Bởi lẽ, chính Ngài đã từng phải nhận quả đắng của những ác nghiệp giết mạng sinh linh.

•

Thi văn, kinh điển

Cơ bút, thi văn của Ngài giảng cơ:

*“Quang minh huệ nhãn chiếu Càn Khôn
Thánh Đức lưu tâm quốc bảo tồn
Đế Việt san hà chung hạnh đạt
Quân tranh thế giới Đạo khai môn.”*

“...Đời mộng ảo này, sự còn mất như bọt nước mây bay, khá qui chánh cải tà, nắm giữ lòng thiện niệm thì một mai mới tránh khỏi bể vô thường của Quỷ Vương đương giành xé. Tánh kiêu căng tự đại là hang thẳm chôn lấp trọn thân hình hồn phách đó. Nên ghi nhớ mà lập tâm sửa mình. Khá gắng nhớ bài này:

*Khuôn đời chưa dễ tạo nên hình
Tóc bạc còn mờ lối nhục vinh
Hòn ngọc khó đem trau Thánh chất
Cân vàng khôn lấy nện chày kinh
Phước Trời gieo sẵn còn giao kết
Lợi thế chưa nên xúm giựt giành
Thời cuộc tuần hoàn tai ách khởi
Liệu mà xông lướt, liệu đua tranh.*

Các Đạo hữu Thiên phong nên giảng bài này cho chúng sanh. Thăng.”

Trích Bài Tán Tụng Công Đức Phật Tiên Thánh Thần:

*“...
Cơ huyền diệu Đạo Cao minh chánh
Hiển phép màu ma lánh quỷ kiêu
Trừ yêu có Thánh, Thần, Tiên
Độ duyên sanh chúng về miền Tây Phương*

*Oai bốn hướng Thần nhường quỷ sợ
Đức ba giềng tế trợ thương sanh
Hán Triều Quan Thánh bia danh
Trung can, nghĩa khí, hiếu sanh giúp đời*

*Tuần ba cửa, cõi Trời đều dụng
Xét bốn phương dân chúng dữ lành
Linh Tiêu Thái Bạch Trường Canh
Vận hành Thiên Luật, dữ lành nhân gian...”*

(Đức Thái Thượng Lão Quân giảng cơ ban kinh tại Tam Tông Miếu)

CHUẨN ĐỀ ĐẠO NHÂN

— Om Chale Chule Chundi svaha. —

*“Chuẩn tác từ bi chân pháp truyền
Đề cao trí tuệ giải oan khiên
Đạo tâm sau trước gìn trong sạch
Nhân đức trau dồi hướng Đạo Nguyên.”*

(Chuẩn Đề Đạo Nhân giảng cơ ban thi)

Thuở khởi nguyên vũ trụ, Khí Hư Vô phát sinh nên một khối Đại Linh Quang vĩ đại vô cùng vô tận, gọi là Khôỉ Thái Cực. Từ khối ánh sáng Thái Cực này phát sinh ra một số vị Đại Thiên Tiên và Cổ Phật. Trong số ấy có một vị tôn danh là Chuẩn Đề Đạo Nhân. “Chuẩn Đề” hay “Chundi” phiên âm từ tiếng Phạn cổ, mang nghĩa là “Cực kỳ trong lành thuần khiết”.

Chuẩn Đề Đạo Nhân còn được biết đến với nhiều tôn danh khác như là Chuẩn Đề Bồ Tát, Chuẩn Đề Phật Mẫu, Bồ Đề Tổ Sư, Bồ Đề Lão Tổ, Minh Tâm Đại Pháp Sư...

Các vị Thiên Liêng vốn thanh khiết tận thiện tận mỹ, và là ánh sáng chân như nhiệm màu huyền vi nên thực sự không mang hình tướng nam hay nữ, mà lại tùy duyên thị hiện. Vì lòng từ bi, quan tâm, thương xót chúng sinh và cứu độ chúng sinh như tình thương của người mẹ rộng lớn vô cùng tận nên chúng sinh thường gọi Ngài là Đức Chuẩn Đề Phật Mẫu vậy.

Tôn danh “Chuẩn Đề Phật Mẫu” cũng có ý nghĩa nhắc nhở chúng sinh về việc tu dưỡng tâm tính của mình theo chân pháp, gìn giữ giới luật, hiếu kính song thân cùng Thiên Địa, hành thiện nguyện từ bi, hỉ xả để thân tâm luôn được thanh tịnh an nhiên.

Đức Chuẩn Đề thường thị hiện thân ảnh nam nhân độ chừng ba mươi, sắc da trắng ngà tươi sáng. Gương mặt Ngài nghiêm trang, từ bi phúc hậu. Mái tóc búi cao quả đào, phía sau thả dài bông bênh qua thắt lưng.

Ngài thường thị hiện mặc áo lụa mỏng nhẹ màu trắng khoác chéo xuống eo, hoặc quần vải chéo một bên vai để cổ và ngực trần. Ngài cũng thường thị hiện thân ảnh khoác Đạo bào trắng tinh trải dài toàn thân. Mang theo bên mình Ngài thường có Trí Huệ Kiếm cùng Như Ý Bảo Châu.



Khi thị hiện hình tướng Tu La Vương, Ngài có 3 đầu và 18 tay, sắc da vàng tươi sáng hoặc vàng cam, phát xạ hỏa quang rực rỡ quanh mình. Đôi tay nơi giữa ngực kết Tam Muội Chân Hỏa Ấn tức là Thánh Hỏa Ấn. Các tay còn lại xòe ra xung quanh, thường kết các thủ ấn như: Cát Tường Ấn, Kim Cang Ấn, Vô Úy Ấn, Thí Nguyện Ấn, Tam Muội Ấn, Phần Nộ Ấn, Bảo Châu Ấn, Huệ Kiềm Ấn...

Hoặc các cánh tay ấy cầm theo pháp khí như là: Ngọc Sách, Chân Kinh, Thiên Thư, Linh Phù, Linh Phan, Kim Câu, Kim Cung, Kim Phủ, Kim Khuyên, Kim Thăng Tử, Ngân Kích, Tịnh Bình, Trí Huệ Kiềm, Lệnh Kỳ, Như Ý Bảo Châu, Ngọc Như Ý, Thất Bảo Linh Thụ Chi, Pháp Luân, Pháp Loa, Chân Hỏa, Tuệ Đăng, Liên Hoa, Càn Khôn Khuyên, Anh Lạc, Phát Trần, Bảo Phiến, Bảo Tháp, Bảo Tán, Bảo Cái, Linh Chung.

Số lượng tay cùng với thủ ấn Tam Muội Chân Hỏa đặc trưng đó cũng là điểm nhận dạng để phân biệt được Ngài với Đức Quán Âm khi thị hiện phần nộ tướng.

Thời Thương - Châu đại chiến khoảng 3200 năm trước, Ngài là một vị Đại Giác Kim Tiên từ Tây Phương Cực Lạc Quốc giáng hạ bên Trung Hoa, hóa độ nhân duyên cho các vị có căn tu sâu dày mà chưa thành chánh quả. Khi ấy, Ngài thu phục Chu Khổng Tước và Ngao Ngư Tinh về Bát Đức Trì nơi Cực Lạc Quốc, không vương bận hồng trần thế sự nữa. Khổng Tuyên trở thành vị Hộ Pháp và thường đi theo thị giả cho Đức Chuẩn Đề. Về sau Đức Khổng Tuyên được tín ngưỡng với tôn danh Khổng Tước Minh Vương.

Chuẩn Đề Đạo Nhân từng thị hiện lão nhân đại pháp sư toàn thân khoác bạch y, tay cầm quyền trượng là cành Thất Bảo Linh Thụ và ngọn đèn Tuệ Đăng. Đó là lần lịch kiếp ở Hạ Giới Đông Thắng Thần Châu, Ngài hóa thân thành Minh Tâm Đại Pháp Sư ngự tại Thánh Hỏa Cung, tuyển chọn Thánh Hỏa Sứ lưu truyền Đạo Pháp trong Tam Giới.

Trên con đường đi theo Cửu Thiên Thập Nhị Kinh

Khi rời cõi Kim Thiên, đặt chân đến cõi Hạo Nhiên Pháp Thiên, chư linh được đưa đến diện kiến Đức Chuẩn Đề. Chuẩn Đề Bồ Tát là một vị đồng Chương Quân cõi Hạo Nhiên Pháp Thiên trong Cửu Trùng Thiên cùng với Phổ Hiền Bồ Tát. Cõi Thiên này có khí quang ngũ sắc thanh nhẹ, màu trời ứng hồng, sơn xuyên hà hải trùng điệp lung linh, cỏ cây muôn vật khoe sắc. Đức Chuẩn Đề Bồ Tát ngự ở Chương Pháp Cung, truyền Đạo chân phổ hóa chúng sinh, cứu độ chư linh thoát khỏi các tai ách, ma chướng.

Ngài thường thuyết pháp, và lại là giám khảo ra đề thi về giải khổ, giúp chúng sinh giác ngộ về vô thường, vô nhiễm, vô niệm, vô khổ, vô ngã và thanh tịnh. Nhờ phỉ sạch phiền não vương chấp nơi tâm, chư linh mới chứng đắc Bồ Đề tâm, dần hòa cùng Chân Như hư không. Các chân hồn nhờ vậy thêm tinh tấn và tiếp tục đi đến các cõi giới khác trong Cửu Trùng Thiên, lần trở về được ngọn nguồn của mình là Đạo.

Ngoài ra, Đức Chuẩn Đề cũng thường an ngự từ ở hướng Tây Cực Lạc Thế Giới, nơi Linh Đài Phương Thôn Sơn cao xa vời vợi. Trên núi thiêng ấy có Tà Nguyệt Tam Tinh Động, có Bát Đức Trì và Thất Bảo Linh Thụ. Linh Đài Phương Thôn chiết tự tiếng Hán là chữ Huỳnh, nghĩa là sáng tỏ rõ rệt. Tà Nguyệt Tam Tinh khi chiết tự lại chính là chữ Tâm tức tâm ý. Như thế, nơi Ngài đang an trú này chính là Huỳnh Tâm Cung, là tấm lòng minh bạch, tâm trí minh triết thấu đáo.

Nơi động thiêng ấy có ánh sáng vàng trắng rực rỡ, bên trong là kim sa ngọc điện cùng hương thơm dịu nhẹ ngào ngạt. Đức Chuẩn Đề an tọa dưới gốc Thất Bảo Linh Thụ, là một cây thần nở ra hoa quả đủ loại đẹp lung linh như ngọc quý. Huỳnh Tâm Cung này có các vị Linh Thú như Khổng Tước Minh Vương, Phụng Hoàng, chư Điều Tộc, Hòa Tộc thường xuyên lui tới dẫn duyên chư linh cũng như đến để nghe Ngài thuyết Pháp.

Thi văn, kinh điển

Chuẩn Đề Tâm Chú:
“Namma saptanam samyaksam buddha kotinam tadyatha:
Om Chale Chule Chundi svaha.”

Câu chú nghĩa là biến chuyển dần trở nên thuần khiết. Nhắc người hành trì lòng sạch thân tâm ngày càng trong lành, hành tàng trong cuộc sống cũng dần chân thật, đến mức tinh khiết giống như Đức Chuẩn Đề. Lại cũng để tạo mỗi cảm ứng liên thông, nhờ đó mà người hành trì được níu gần về với Ngài, không xa rời quá trình tự tịnh hoá bản thân mình đến khi Thuần Khiết thực sự.

Đức Chuẩn Đề thời xa xưa từng giáng cơ ban bản kinh “Sám Cầu Siêu” cho Minh Lý Đạo ở Tam Tông Miếu. Sau này được dùng với tên là Kinh Cầu Siêu:

Kinh Cầu Siêu

“Đầu vọng bãi Tây Phương Phật Tổ
A Di Đà Phật độ chúng dân
Quán Thế Âm lân mẫn ân cần
Vớt lê thử khổ trần đọa lạc
Đại Thánh Địa Tạng Vương Bồ Tát
Bổ từ Bi tế bạt vong hồn
Cứu khổ nạn Thái Ất Thiên Tôn
Miền Âm cảnh ngục môn khai giải
Ơn Đông Nhạc Đế Quân quảng đại
Độ kẻ lành chế cải tai ương

Chón Dạ Đài Thập Điện Từ Vương
Thấy hình khổ lòng thương thăm thiết
Giám hình phạt bớt đường lụy tiết
Xả linh quang tiêu diệt tiền khiên
Đặng nhẹ nhàng thẳng đến cung Tiên
Nơi phước địa ở yên tu luyện
Xin Trời Phật chứng lòng sở nguyện
Hộ thương sanh u hiển khương ninh.”

PHỔ HIỀN BỒ TÁT

*“Quảng trí minh tâm đắc thức thì
Hành tàng huyền diệu thể nan tri
Kỳ tâm sở hướng tà hồi chánh
Đắc cảnh Thiên Bang quá dạ tri.”*

(Đức Từ Phụ giảng cơ ban thi)

Đức Phổ Hiền Bồ Tát là một phân tánh hóa thân của Đức Diêu Trì Kim Mẫu, mang hạnh nguyện đặc biệt của Từ Mẫu mà phổ hóa mọi điều tốt đẹp, giúp chúng sinh trở nên trợn lành, tận thiện tận mỹ, có thể trở về Cội Đạo. Ngài thường ngự tại Phổ Hiền Cung, Động Phổ Hiền thuộc cõi Hạo Nhiên Pháp Thiên nơi Cực Lạc Thế Giới. Ngày 21.02 và 23.04 Nguyệt Lịch được chọn làm ngày lễ vía để nhớ về Ngài.

Ngài thường thị hiện thân ảnh nam nhân tuổi chừng ba mươi, sắc thân vàng nhẹ như ánh bình minh, gương mặt thiện lành phúc hậu. Tóc Ngài một phần búi trái đào, một phần buông xoã, trên tóc ấy giắt trăm hình một đóa liên hoa xanh lục.

Ngài để ngực trần, Đạo bào dài rộng, quanh thân có mấy dải lụa trắng bay mơ màng, điểm tuyết ngũ sắc tường vân và những cảnh trúc mảnh. Toàn thân Ngài toả hào quang xanh lục nhẹ nhàng, dưới chân là Liên Đài xanh lá mạ tươi xinh dịu mát hoặc đôi khi ánh lên sắc trắng hồng nhẹ nhàng.

Ngài thường mang theo Ngọc Như Ý, Kinh Văn, Liên Hoa, Như Ý Bảo Châu, biểu trưng của từ bi, trí tuệ và bố thí. Thủ ấn thường dùng của Ngài là Thí Nguyên Ấn, Vô Úy Ấn và Bảo Châu Ấn. Thị giả theo Ngài có Lục Nha Bạch Tượng, cùng với chư Thiên Ca, Thiên Nhạc, Dạ Xoa, Kim Cang Hộ Pháp.

Câu chuyện tiền duyên

Ngài từng có một kiếp hạ sinh ở cõi này này cách đây hơn 3200 năm. Lúc ấy, Ngài là Phổ Hiền Đạo Nhân, một trong số đại đệ tử của Đức Nguyên Thủy Thiên Tôn bên Triệt Giáo. Ngài tu ở Cửu Công Sơn, Bạch Hạc Động, có nhận một đệ tử là Lý Mộc Tra con trai của Lý Tịnh. Khi Thương Triều và Tây Kỳ xảy chiến, các vị Tiên nhân Đạo sĩ ủng hộ hai bên cũng thành ra xung đột, chính là cuộc đối đầu giữa Xiển Giáo và Triệt Giáo.



Trong Vạn Tiên Trận, Đức Phổ Hiền từng đối đầu cùng Linh Nha Tiên, giải nguy cho quân Tây Kỳ. Ngài thu phục được Linh Nha Tiên và từ đó Linh Nha Tiên theo làm hộ pháp thị giả cho Ngài để học hạnh từ bi phổ tế chúng sinh, thị hiện nguyên thân là Lục Nha Bạch Tượng.

Đức Phổ Hiền trong văn hoá tâm linh từ xưa được thờ cùng với Văn Thù Bồ Tát ở hai bên Phật Thích Ca, gọi là Thích Ca Tam Tôn, hàm ý trụ vững Bi, Trí, Dũng trong một người hành giả.

Trong La Sát Đồ nơi U Minh Giới, Đức Phổ Hiền bởi quán chiếu thấu suốt nỗi thống khổ cùng cực ở chốn Âm Quang ấy, Ngài đã phân tánh biến thân thành một vị Minh Vương tôn danh Hàng Ma Phục Thiện Phổ Tịnh Minh Vương. Vị ấy chính là Giáo Chủ cõi La Sát, thị hiện là một vị Chúa Quý, lại cũng là một vị Bồ Tát giữa cõi ác đạo, độ dẫn chư La Sát trở về thiện lành, giải thoát. Ngài hiện thân sáu tay. Hai tay kết Liên Hoa Ấn Mãn Khai, một tay cầm Lục Liên Hàm Tiểu, một tay cầm Trí Huệ Kiếm, một tay cầm Pháp Loa và một tay cầm Chiêu Hồn Phan.

Đức Phổ Hiền luôn thấy đi chung với Đức Văn Thù từ xưa nay như hai người anh em thân thiết. Thế nhưng trong thời kỳ khai mở Đại Đạo phổ duyên lần ba này chẳng thấy bài cơ nào giảng của Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát. Bởi lẽ, Đức Văn Thù đã thân chinh đầu sinh vào Hạ Giới lúc bấy giờ, giữ một vị trí hữu hình trong hệ thống vận hành cơ phổ độ lúc tiên phong.

.

Trên con đường đi theo Cửu Thiên Thập Nhị Kinh

Ngài là một vị đồng chứng quản tăng Hạo Nhiên Pháp Thiên cùng với Chuẩn Đề Bồ Tát. Sau khi từ giả Đức Chuẩn Đề, nương theo liên đài, chư linh đến được Phổ Hiền Động diện kiến Ngài, nghe Ngài thuyết pháp vô ưu vô nhiễm và được trao truyền Kim Cô. Kim Cô trông như một vòng sáng quanh đầu, nhưng thực lại là một lớp hào quang bao bọc toàn thân, che chở cho chư linh thêm phần thanh khiết, hữu duyên mà nhập vào được các cõi sâu xa hơn.

.

Thi văn, kinh điển

Trích Di Lặc Chân Kinh:

“Hạo Nhiên Pháp Thiên hữu
Diệt Tướng Phật, Đệ Pháp Phật, Diệt Oan Phật, Sát Quái Phật, Định Quả Phật, Thành Tâm Phật, Diệt Khổ Phật, Kiên Trì Phật, Cứu Khổ Phật, Xá Tội Phật, Giải Thê Phật, như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật từng lịnh Chuẩn Đề Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát thường du ta bà thế giới độ tận vạn linh.

Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân tín ngã ưng đương phát nguyện: “*Nam mô Chuẩn Đề Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, năng trừ ma chướng quỷ tai, năng cứu khổ ách nghiệp chướng, năng độ chúng sanh qui ư Cực Lạc.*”, tất đắc giải thoát.”

Cầu nguyện 9 lần:
“*Nam mô Chuẩn Đề Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, năng trừ ma chướng quỷ tai, năng cứu khổ ách nghiệp chướng, năng độ chúng sanh qui ư Cực Lạc.*”
(Dành cho những ai mong cầu được các Đấng cứu giúp khỏi những tai ách, quĩ nạn hoành hành.)

Ngài từng giảng cơ ban thi:

*“Phổ hóa hoài tâm hạ tác thành
Hiển khai trực thượng độ nhơn sanh
Bồ đoàn linh diệu cơ huyền mạng
Tác ái diệt tàn cầm đắc minh.”*



*“Hơi Tiên Tửu nức nồng thơm ngọt
 Phi Tướng Thiên để gót tới nơi
 Mùi trần khí đã xa khơi
 Say sưa bầu khí bồi hồi chung phong.*

*Cung Tận Thức thân thông biến hóa
 Phổ Đà Sơn giải quả Tỳ Hàng
 Cỡi Kim Hẩu đến Tịch San
 Đẩu Vân nương phép Niết Bàn đến xem.*

*Cung Diệt Bửu ngọc rèm đã xủ
 Nghiệp hữu hình tượng đủ vô vi
 Hồ Tiên vội rót tức thì
 Nước Cam Lô rửa ai bi kiếp người.”*

Kinh Đệ Bát Cửu – Bát Nương Diêu Trì Cung

BÁT NƯƠNG ĐIỀU TRỊ CUNG

*“Sen Trắng vóc tinh vi đánh Hón
Nêu tiết trong soi sáng tài hoa
Để lời nhủ bạn quần thoa
Kiên trình liệt nữ phẩm nhà chớ quên.”*

(Bát Nương giảng cơ ban thi)

Hón Liên Bạch hay Bạch Liên Tiên Tử là Bát Nương trong nhóm Cửu Vị Tiên Nương nơi Điều Trị Cung của Đức Phật Mẫu. Ngài được biết như là hiện thân của đóa sen trắng tinh khôi, thuần khiết nơi ao Điều Trị ở tầng trời Tạo Hoá Huyền Thiên.

Ngài là một vị Hỷ Lạc Thiên Tử chuyên phụ trách đào luyện văn chương, nghệ thuật, đem trí thức tinh thần phổ hóa cho chúng sinh khắp Tam Giới. Ngài cùng chư vị Thái Hoa Thiên thu thập những đóa hoa kết tinh từ thiện ý tinh khôi thuần khiết của các chơn hồn cao thượng hoặc chư nhân sĩ có những tài năng nghệ thuật văn chương thiện mỹ.

Ngài lại cùng chư vị Bồ Hoa Thiên đem những tinh hoa của Đất Trời rải khắp nơi, khiến cho muôn sinh an lạc, yên vui, gần gũi các vị thiện Thần, thường hướng về con đường tu tâm dưỡng tánh. Thế nên Ngài còn được biết đến với tôn danh Phổ Lạc Thiện Sư.

Bạch Liên Tiên Tử thường thị hiện thân ảnh Thiên Nữ, toàn thân khoác Đạo bào bạch y trắng tinh khôi thuần khiết, điểm xuyết trên ấy là những đường nét nhẹ nhàng thanh mảnh của những đóa bạch liên hàm tiếu có, mãn khai có. Trên đầu, tóc búi cao, chính giữa cài chiếc trâm hình đóa sen hàm tiếu, giữa đóa sen ấy lại có một ảnh hình Tuệ Nhãn tượng trưng cho Minh Triết, phát ánh Đạo quang minh khí lấp lánh rạng ngời. Khắp thân ảnh Ngài lan tỏa một vàng bạch quang diệu mát, thanh nhẹ khiến cho những ai tiếp cận đều cảm thấy thân tâm an lạc, hoan hỷ, dễ dàng nảy sinh những phát kiến, ý tưởng vi diệu.

Tính tình ngài thẳng thắn, hoạt bát, tùy cơ ứng biến linh hoạt. Ngài luôn đem những niềm vui, tiếng cười ngập tràn ý vị sâu sắc đến cho những ai được hữu duyên tiếp cận, khiến họ mở mang tâm trí, tầm hiểu biết ngày càng sâu rộng, tinh tấn thêm ít nhiều.

Ngài thường mang theo bên mình pháp bảo Hoa Lam, là một giỏ hoa lúc nào cũng đầy ắp muôn loài hoa đủ sắc màu, hương thơm vi diệu. Những đóa hoa trong Hoa Lam này



chính là tinh hoa của những ý tưởng, các giá trị của Đạo Đức tinh thần, văn hóa nghệ thuật của muôn sinh khắp nơi được chư vị Thái Hoa Thiên cùng nhau đi thu nhặt được.

Vì Ngài thường đem tinh hoa nghệ thuật, trí thức tinh thần gieo truyền khắp nơi cho muôn sinh được tinh tấn về mặt Đạo Đức lẫn trí tuệ, thế nên ngài tuy là một vị Hỉ Lạc Thiên Tử nhưng Ngài cũng là vị Thiên Tướng tiên phong trong trận chiến với vô minh, đem lại ánh sáng Đạo Pháp nhiệm màu cho muôn loại.

•

Các câu chuyện tiền duyên

Theo tư liệu được ghi chép của thư viện Cao Đài, Bát Nương từng có hai kiếp giáng trần là Hồ Đề, một nữ tướng dưới trướng của Hai Bà Trưng có tài ba thao lược dũng mãnh phi thường, được nhân dân xưng tụng là Thần Tướng, Thiên Sứ Nhà Trời khi một mình tay không thuần hóa Bạch Tượng uy dũng mạnh mẽ, lại đem tài sức của mình bảo vệ non sông đất nước. Một kiếp khác Ngài từng giáng trần là Hồn Liên Bạch bên Trung Hoa vào đời Tiền Hán xa xưa.

•

Trên con đường đi theo Cửu Thiên Thập Nhị Kinh

Bát Nương là vị giáng cơ ban cho bài Kinh thứ 8 trong bộ kinh Cửu Thiên Thập Nhị Kinh. Bản kinh này của Ngài giúp đưa tiếp chư linh rời tầng trời Hạo Nhiên Thiên mà tiến nhập đến tầng Phi Tướng Diệu Thiên, được chương quản bởi Đức Từ Hàng Bồ Tát. Chư linh theo chân các vị liên Thần, Linh Thú du hành khắp cõi, đến dự Pháp đàn của Đức Từ Hàng nghe Ngài thuyết về nhân duyên, lại vào Cung Diệt Bửu mà chứng kiến tường tận những nghiệp tiền khiên cùng với trái đắng hay quả ngọt tùy theo nghiệp ác hay thiện của mình. Để rồi lại bước tiếp đến tầng Tạo Hoá Huyền Thiên cao xa vời vợi.

•

Thi văn, kinh điển

Một đôi bài thi Bát Nương từng giảng:

“Đào Nguyên lại trở trái hai lần
Ai ngờ Việt Thường đã thấy Lân
Cung Đẩu vít xa gương Xích Quỷ
Thềm Cung mở rộng cửa Hà Ngân
Xuân Thu định vững ngôi lương tử
Phát Chủ quét tan lũ nịnh thần
Thổi khí vĩnh sanh lau xã tắc
Mở đường quốc thể định phong vân.”

“Nhẹ bước nhàn du để về hồng
Sấn tay nước Việt dặm non sông
Châu về đất Bắc dời Kim Khuyết
Ngọc rạng thành Nam chuộc ải đồng
Mở lối Đài Văn mời trí sĩ
Dọn đường Hồng Lạc dắt anh phong
Động Đào quen thú mai chiều ngắm
Hỏi khách tao nhân có mặn nồng.”

“Hồ Hồn hoa sen nở trắng ngày
Càng gần hơi đẹp lại càng say
Trêu trăng hằng thối dấu mây
Cột mây tranh chức Phật Đài thêm hoa.”

Bài thi khuyên dạy nữ nhân của Bát Nương:

“Một mây liễu trong ngần đóa ngọc
Hai má đào phải trọng tiết trinh
Mảnh thân trọn hiếu thâm tình
Phải hình thực nữ phải gìn căn duyên.

Ba yếu diệu thuyền quyền vóc hạc
Bốn mỹ miều đài các trâm anh
Khi vui bóng nguyệt rọi mảnh
Khi dòng bích thủy khi cảnh hoa xuân.

Năm phận gái hồng quân đáng mặt
Sáu vẹn toàn quốc sắc Thiên hương
Vào ra phụng trướng loan đường
Vào ra ngọc các cấm tường xem hoa.

Bảy trau chuốt thân nga mặt ngọc
Tám, chín phần rèn tập nữ nhi
Chung lo mối Đạo Tam Kỳ
Giúp nhà Nam Việt kịp thì Long Hoa.”

KIM MAO HẦU

*“Một ngày thôn môn một ngày qua
Tiên Phật nơi mình chẳng ở xa
Luyện đặng tinh thông muôn tuổi thọ
Cửa Thiên xuất nhập cũng như nhà.”*

(Đức Từ Phụ giảng cơ ban kinh)

Kim Hầu hay Kim Mao Hầu là loài linh thú thuộc Lôi Bộ, được sinh ra bởi điện quang Thái Dương. Ở Bạch Ngọc Kinh, Linh Tiêu Điện, Kim Quang Cung nơi Thượng Giới có rất nhiều Kim Mao Hầu làm việc trấn giữ Thiên Môn. Cùng với Bạch Hạc, Phụng Hoàng, Thiên Long và các loại Tiên Xa khác, Kim Mao Hầu cũng thường làm việc đưa đón các chân hồn ngao du ở cõi Thiên, trợ duyên cho chư linh đến được các Cung các Động để gặp các vị Thiêng Liêng học hỏi tinh tấn.

Hình dạng Kim Mao Hầu rất tương đồng với chó ngao Tây Tạng, vừa giống sư tử vừa giống chó lông xù, bộ lông vàng óng toả ánh kim rực rỡ. Phần đuôi phía sau dài như đuôi ngựa, lại cuộn tròn thành lọn xoáy kiêu kỳ lân. Thân hình to lớn không lồ, mắt sáng, tai thính nghe thấu suốt các âm thanh rung động từ tâm thức của chúng sinh hữu tình, răng và móng vuốt bén nhọn. Tiếng gầm của Kim Mao Hầu vang vọng như tiếng sấm rền chấn động cả thiên địa.

Kim Mao Hầu tuy mang hình hài Linh Thú nhưng vốn thuộc các phẩm chân hồn bậc cao nên có thể thị hiện thân ảnh nam tử nữ nhân tùy ý. Khi hiện thân nhân dạng, Kim Mao Hầu mang sắc thân trắng hồng, tóc dài vàng óng, thân khoác Đạo bào bông bành pháp phới hay chiến bào khinh giáp hoàng kim rực rỡ.

Tánh tình họ cương trực, dũng mãnh, thích làm việc nghĩa, thường giúp kẻ yếu thế cô, thích ngao du sơn thủy. Kim Mao Hầu có thể ngưng thần, vận khí đại phát kim quang rạng rỡ như ánh Thái Dương, soi rọi nơi tối tăm, tiêu trừ tà khí ác trược, lại cũng có thể nhuần hóa sắc bén như ngàn vạn mũi kim tấn công đối phương. Kim Mao Hầu cũng là một chủng tộc Linh Thú uy dũng thường làm Hộ Pháp, canh giữ các cảnh giới trang nghiêm bên cạnh chư Thiên Long.

Lịch sử tâm linh kể Kim Mao Hầu từng theo làm thị giả cho Từ Hàng Bồ Tát. Vào thời Thương Châu đại chiến bên Trung Hoa, bên Thương có Tiên Nhân Triệt Giáo giúp sức, còn nhà Châu lại được Tiên Nhân Xiên Giáo yểm trợ. Bây giờ, trong Vạn Tiên Trận có vị Kim Quang Tiên của Triệt Giáo xuất chiến với thần thông quảng đại, biến hóa vô cùng, không ai ngăn được. Đức Từ Hàng bèn ứng chiến, hàng phục được Kim Quang Tiên. Vị Tiên ấy liền hiện nguyên hình là một vị Kim Mao Hầu, từ ấy nguyện theo đỡ gót cho Đức Từ Hàng, lại để tu dưỡng, học hỏi về đức độ, thiện nguyện của Ngài.



TỰ TẠI THIÊN TỬ

*“Tự Tại an nhiên chốn tịnh không
Thiên Tử thương sinh chẳng cam lòng
Quán Âm cứu khổ nơi trần thế
Bồ Tát hóa duyên kẻ thiện lòng.”*

(Tự Tại Thiên Tử Quán Âm Bồ Tát giáng cơ đề thi)

Thuở khởi nguyên vũ trụ, từ Hư Vô Chi Khí phát sinh ra chỉ một khối Thái Cực Quang vĩ đại. Khối Thái Cực Quang ấy lại hoá thành Hai Nghi là Âm Quang và Dương Quang. Lúc Cội Đạo khởi nguyên ấy hiện thân nên 3 phương diện khác nhau của cùng một Đấng Tạo Hoá, ấy chính là: Đức Từ Phụ Ngọc Hoàng Thượng Đế, Đức Từ Mẫu Diệu Trì Kim Mẫu, Đức Từ Tôn Thái Thượng Đạo Quân.

Khi Âm Dương Lưỡng Nghi ấy xoay vần sinh biến vạn vật thì ba Đấng Tam Tôn Khởi Nguyên cũng phân tánh chính mình để hóa độ chúng sinh. Lúc bấy giờ, Đức Từ Phụ hóa sinh thành Brahma Phật, Đức Từ Mẫu phân tánh nên Shiva Phật, Đức Từ Tôn hóa hình nên Vishnu Phật.

Brahma Phật còn gọi là Đấng Đại Phạm Thiên Vương. Vishnu Phật còn được gọi là Đấng Na La Diên Thiên Vương. Và, Shiva Phật còn được gọi là Đấng Đại Tự Tại Thiên Vương hay Tự Tại Thiên Tử.

Đức Đại Tự Tại Thiên Tử thường thị hiện thân ảnh nam nhân dạng, vóc dáng vừa vặn, tuổi độ ba mươi, tóc dài gọn sóng búi gọn gàng. Dung mạo Ngài thanh tú, vô ưu vô ngại, tuyệt mỹ, nghiêm trang. Trên thân phục sức Nhật Nguyệt Tinh, tượng trưng cho tâm nguyện cứu độ chúng sinh của Ngài theo năm tháng xoay vần, tinh tú lưu chuyển mà không bao giờ ngừng nghỉ. Ngài khoác Đạo bào lụa mỏng trắng tinh khôi, để ngực trần khoan thai, lại có thêm mấy dải lụa nhẹ nhàng bông bồng trong gió.

Khi cần thị hiện phần nộ tướng, Ngài hiện thân Atula dạng nước da xám đen hoặc đỏ cam của chiến thần với nhiều đầu, nhiều thân, và nhiều tay chân. Trên mỗi tay đều cầm pháp khí giúp tịnh hóa các sự hỗn loạn, tiêu trừ ô uế, ác trược.

Gọi là Tự Tại Thiên Tử bởi Ngài là một vị Cổ Phật xuất hiện từ xa xưa, lại luôn trụ vững niềm tự tại an yên trong mọi hoàn cảnh, dù là khi thị hiện tướng phần nộ. Thông dong điềm nhiên là bản tính của Ngài vậy.



Linh Thú thường đi chung với Ngài là Huyền Long, Kim Mao Hẫu, Huyền Vũ, Giao Long, Cá Sấu, Linh Xà... Ngài thường mang theo bên mình các pháp khí Trí Huệ Kiếm, Tịnh Bình, Hồ Tiên, Pháp Loa, Pháp Luân, Liên Hoa, Bảo Châu, Tam Tiêm Mâu.

Ngài cũng xuất hiện trong hình ảnh nữ nhân dịu dàng hiền hoà, khoác bạch y mỏng nhẹ như sương mai thanh khiết, tay cầm Tịnh Bình Dương Liễu, với tôn danh Quán Âm Như Lai, bởi bản tánh luôn lắng nghe sự khổ của chúng sinh và tìm phương giải thoát mọi loài khỏi cơn khổ nạn, nổi danh trong chúng sinh khắp Tam Giới.

Là hóa thân của Đức Từ Mẫu, Ngài kế thừa lòng từ bi, yêu thương chúng sinh vô cùng vô tận như của chính Đức Từ Mẫu đối với con cái mình vậy.

Câu chuyện tiền duyên

Một lần, trong một pháp hội của Đức Phật Thích Ca khi xưa, giữa Thiên Chúng cũng có sự xuất hiện ẩn thân của Ngài mà chẳng ai hay biết. Đức Phật Thích Ca bèn khéo léo thuyết cho đại chúng cả khát sĩ hữu hình lẫn chư linh vô hình về đại nguyện của Đức Tự Tại Thiên Tử Quán Âm Như Lai. Phật thuyết Đức Tự Tại vì tình thương vô bờ mà nguyện hành Bồ Tát hạnh mãi mãi, cứu giúp chúng sinh bất kể nơi đâu, bất kể mọi loài, không phân biệt, đến khi nào không còn khổ đau trên đời mới nhận lãnh phẩm Phật vị.

Hạnh ấy quả là một hạnh nguyện không có giới hạn, nên mới thấy lòng Tự Tại Thiên Tôn cũng không biên giới y như thế nguyện của Ngài vậy. Lúc bấy giờ, Ngài mới bước ra giữa pháp hội đại chúng, ngay lập tức hoá hiện thân ảnh Quán Âm Thiên Thủ Thiên Nhân Thập Nhất Diện, tức mười một đầu với ngàn mắt ngàn tay, nước da trắng ngà như Nguyệt Tinh toả sáng đẹp đẽ an lành. Ngàn mắt ngàn tay ấy để thấy nghe và giúp duyên cho vạn loại sinh chúng mà chẳng muốn để sót một ai đó vậy.

Phân tán hóa thân thành Từ Hàng Đạo Nhân.

Cách đây 3200 năm, tại đất Trung Hoa đời nhà Thương, Ngài từng phân tán hóa sinh trong tôn danh Từ Hàng Đạo Nhân, làm môn đệ của Xiển Giáo, do Đức Nguyên Thủy Thiên Tôn chấp chương. Ngài tu luyện ở Phổ Đà Sơn Hạ Giới, có đồ đệ là Long Cát Công Chúa, là vị Long Nữ con gái của Long Vương Ta Kiệt La.

Trong Vạn Tiên Trận thời ấy, Ngài thu phục được Kim Quang Tiên của Triệt Giáo, là một vị Linh Thú loài Kim Mao Hẫu. Từ đó về sau, hình tượng Đức Từ Hàng bên cạnh Kim Mao Hẫu xuất hiện nhiều trong văn hóa Đạo Giáo lẫn Phật Giáo Á Đông.

Thời Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Ngài thị hiện hình tướng Quán Âm Nữ Phật, khoác Đạo bào màu vàng, tay cầm Tịnh Bình Dương Liễu. Ngài trấn Pháp cho Phật Giáo, dìu dắt hành giả Phật Tông trở về quy hiệp Tam Giáo. Bởi thế nên Ngài mang tôn danh đầy đủ là “Nhị Trấn Oai Nghiêm Thường Cư Nam Hải Quán Âm Như Lai”.

Trên con đường đi theo Cửu Thiên Thập Nhị Kinh

Đức Từ Hàng ngự ở Phổ Đà Sơn nhìn ra bao quát biển Nam Hải nơi tầng trời Phi Tướng Phi Phi Tướng Thiên, còn gọi tắt là Phi Tướng Diệu Thiên. Khi chư linh rời khỏi Hạo Nhiên Thiên liền được đón tiếp bởi bầu khí thư thái tự tại nơi tầng trời này. Mọi mùi vị đau khổ của kiếp trần đã cách xa vô vàn như không còn nữa khi gặp được Đức Từ Hàng nghe Ngài giáo hoá giải khổ. Lại nhập vào Cung Diệt Bửu, thấy biết các nghiệp duyên mình đã từng làm, lương tâm mỗi kẻ trôi dạt những hồi tiếc, đau lòng trước những oan trái phải nhận. Rũ rượi muôn phiền, chư linh liền được Đức Từ Hàng tắm rưới Cam Lồ Tịnh Thủy mà rũ bỏ oan khiên ấy, tiếp tục chuyển hành trình của mình tìm về Cội Đạo.

Thi văn, kinh điển

Tự Tại Thiên Tử truyền lại nhiều bài kinh chú quan trọng trong Phật Giáo, điển hình có: Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh (Prajnaparamita Dharani), Kinh Cứu Khổ (dành cho ai tín tâm, hành thiện, cầu nguyện chuyển duyên giải nghiệp),...

Thần chú Lục Tự Đại Minh: “*Om mani padme hum.*”

Câu chú gồm 6 chữ nên gọi Lục Tự Đại Minh Chân Ngôn, có nghĩa là gieo mầm hoa sen cát tường nở rộ khắp chốn, nhắc nhở hành giả gieo thiện lành trong mọi hành tàng của mình giữa đời, lại có thể cảm ứng với thần lực của Tự Tại Thiên Tử. Nhờ trì niệm thần chú và phát tâm hồi hướng, giữ giới và thiện hành từ bi mà người hành trì được diệt trừ vô minh, tự giải thoát mình khỏi tất cả ma chướng, tật bệnh khổ ách, tự nhiên an lạc và thông dong tự tại như Ngài vậy.

Một số bài thi Ngài giảng cơ:

*“Thuyền Bát Nhã đưa linh khá giữ
Khéo tay chèo, vạn sự không không
Một lòng gắng sức nên công
Xây cơ tận độ khởi dòng thiện lương
Miền Cực Lạc soi đường dẫn bước
Đem hình hài đến trước Thiên Cung
Hong ân Phật Thánh khoan dung
Độ linh khắp chốn về mừng Chí Tôn.”*

*“Quang minh Nam Hải trấn thiên môn
Âm cảnh năng tri độ dẫn hồn
Bồ đoàn mạc hám liên huê thất
Tác thể tâm ưu khởi đạo tông.”*



“Vùng thoai khí Bát Hồn vận chuyển
Tạo Hóa Thiên sanh biến vô cùng
Hội Bàn Đào Diêu Trì Cung
Phục sinh đào hạnh rượu hồng thưởng ban.

Cung Bắc Đẩu xem căn quả số
Học triều nghi vào ở Linh Tiêu
Ngọc Hư Cung sắc lệnh kêu
Thường phong, trừng trị, phân điều đọa thăng.

Nơi Kim Bàn vàn vàn nguơn chất
Tạo hình hài các bậc Nguyên Nhân
Cung Trí Giác trụ tinh thần
Huần hư mầu nhiệm thoát trần đăng Tiên.”

Kinh Đệ Cửu Cửu – Cửu Nương Diêu Trì Cung
Diêu Trì Kim Mẫu

CỬU NƯƠNG ĐIỀU TRÌ CUNG

*“Khiết kỳ tu chơn duyên quả định
Xả thân vị Đạo đắc Thiên ân
Lâng lâng giữ sạch bụi trần
Cứu nhân độ thế phước phần hậu lai.”*

(Cửu Nương giảng cơ ban thi)

Hương Khiết Tiên Nương là Cửu Nương trong số chín vị Tiên Nương thường hành thiện nghiệp theo Đức Từ Mẫu nơi Cung Điều Trì. Ngài là thị giả của Phật Mẫu Điều Trì, phụ trách chung việc kết nối các hoạt động của chư vị giữ gìn Cơ Sinh Hóa cho được tận thiện, tận mỹ.

Cung Điều ở tầng Tạo Hóa Huyền Thiên là nơi sản sinh ra chơn hồn muôn linh, thế nên việc kết nối các mối duyên giữa Tam Giới với nơi này là việc hệ trọng vô cùng. Nhờ duyên lành ấy mà chư Nguyên Nhân (tức các vị chân linh khi vừa sinh ra đã là phẩm Nhân Hồn với đầy đủ thiện lương thuần khiết) mới về được với Đức Từ Mẫu, và cũng nhờ đó mà chúng sinh mọi loại tinh tấn ngày thêm tận thiện tận mỹ sớm về với Cội Đạo. Ngài mang trong mình chức phẩm Điều Trì Cung Sứ Giả giữa Tam Giới cũng bởi nhân duyên ấy.

Ngoài ra, Cửu Nương Điều Trì Cung cũng còn được biết đến với tôn danh khác là Ngọc Vạn Tiên Tử.

Khiết Nương thường thị hiện thân ảnh thiếu nữ đôi mươi, gương mặt thanh tú trắng hồng. Mái tóc để dài, búi quả đào gọn gàng, giắt thêm cành hoa trầm, giữa đóa hoa ấy có biểu tượng Thiên Nhân Minh Triết chiếu diệu ánh sáng.

Toàn thân Ngài khoác Đạo bào màu trắng tinh nhiều lớp, thanh thoát như gió mát trong lành của mùa xuân, hai cánh tay khoác lụa mảnh như sương khói trắng tinh lung linh, tung bay trong gió.

Cửu Nương thường mang theo bên mình Kinh Thư và Ngọc Tiêu. Ông Ngọc Tiêu này có bảy lỗ gọi là Thất Không Ngọc Tiêu, tượng trưng cho sự hoà dịu bảy loại tình cảm của chúng sinh: Hỷ, Nộ, Ái, Ố, Ai, Lạc, Dục.



Hễ chúng sinh nào nghe thấy âm thanh du dương từ ống tiêu vi diệu ấy phát ra, tự nhiên thất tình trong lòng được an tĩnh chan hoà, không còn vướng mắc các nhân duyên phát sinh bởi thất tình ấy nữa. Nhờ âm thanh vi diệu đó mà chư linh làm chủ được thần thức của mình, không bị thất tình lục dục lôi kéo dẫn đến những nghiệp duyên thất Đạo. Định tĩnh thần trí, vững lòng trước những cảm xúc nảy sinh, chư linh thấy biết bản thân mình mà tỉnh táo trên con đường tiến hoá của một chân linh thiện lành.

•

Trên con đường đi theo Cửu Thiên Thập Nhị Kinh

Ngài là vị đã ban cho 2 khổ đầu bài kinh thứ 9 - Kinh Độ Cửu Cửu. Khổ cuối của bài kinh ấy Ngài nhượng bút lại cho Đức Từ Mẫu tiếp diễn ban kinh.

Rời khỏi tầng Phi Tường Diệu Thiên, chư linh được Ngài tiếp đón đến tầng trời Tạo Hoá Huyền Thiên và dẫn dắt đến các cung các động nơi này. Đến đây chư linh mới thực sự được dự hội Bàn Đào nơi Diêu Trì Cung. Thượng Đào Tiên cùng Tiên Tửu trong Hội Yên, chư linh dần hồi phục lại những đức hạnh nguyên bản mà mỗi linh hồn có được từ khi sinh ra, vốn đã bị vùi lấp quá lâu giữa tham luyến của bụi trần. Các hạnh đức đó là Hiếu, Đễ, Trung, Tín, Lễ, Nghĩa, Liêm, Sĩ.

Sau đó, các chân hồn lại được nhập vào Bát Cảnh Cung, chứng kiến sự vi diệu, biến hoá vô cùng của 8 cấp bậc chân hồn trong vũ trụ, thấy đều nằm gọn nơi Kim Bàn huyền diệu của Đức Từ Mẫu.

•

Các câu chuyện tiền duyên

Theo kinh điển cơ bút Cao Đài Đại Đạo và tư liệu do Đức Thượng Sanh chia sẻ, Cửu Nương Hương Khiết từng có một kiếp chiết linh giáng trần là Ngọc Vạn Công Chúa, sinh vào đầu thế kỷ XVII, mất khoảng giữa thế kỷ XVII.

Cô tên đầy đủ là Nguyễn Phúc Ngọc Vạn, Ngài được gả cho vua Chân Lạp Chey Chetta II. Đây là cuộc hôn nhân chính trị để xứ Chân Lạp và nhà Nguyễn lúc ấy trở thành đồng minh, có thêm lực lượng hùng mạnh hơn đối phó với các thế lực đối kháng khác. Về sau, Công Chúa Ngọc Vạn trở thành Bà Chúa Xứ Chân Lạp, được nhân dân Đại Việt yêu mến và di dân về đất Chân Lạp ngày càng đông, sau này chính là vùng Gia Định, Đồng Nai, Bà Rịa.

Vào năm 1895, Cửu Nương lại chiết linh đầu thai vào nhà họ Cao ở Tân Hưng, Bạc Liêu, tên là Cao Thị Khiết. Cô Khiết được gả cho ông Nguyễn Bá Tính vào năm 21 tuổi. Do không vướng nợ hồng trần nên cô đăng Tiên năm 1920, không có con cháu nối dõi. Bởi nhân duyên đã gieo trồng nơi đất Bạc Liêu, nên Cửu Nương cũng đã dẫn độ cho người dân Bạc Liêu tu tập theo nền Đại Đạo Tam Kỳ rất đông.

Thi văn, kinh điển

Một số bài thi Khiết Nương từng giáng:

*“Khiết sạch duyên trần vẹn giữ
Bạc Liêu ngôi cũ còn lời
Chính chuyên buồn chẳng trọn đời
Thương người noi Đạo, Phật Trời cũng thương.”*

*“Khiết tính nét thanh liêm là trọng
Phép tu thân nhớ lòng là hơn
Chuông mai dập thức mê hồn
Cung Tiên mới dựng rửa hồn kiếp sanh.”*

*“Khiết tính thân đẹp phong hình bóng
Trọn hình soi phải lòng nước trong
Gương xưa vì chút tình nồng
Không ai biết vợ gọi chồng chi chi.”*

DIÊU TRÌ KIM MẪU

*“Cửu kiếp Hiên Viên thọ sắc Thiên
Thiên Thiên Cửu Phẩm đắc cao huyền
Huyền hư tác thể Thần Tiên Nữ
Nữ hảo thiện cần đoạt Cửu Thiên.”*

(Cửu Thiên Huyền Nữ giáng cơ ban thi)

Khởi nguyên vũ trụ từ khí Hư Vô phát xuất một khối ánh sáng vĩ đại mang năng lượng vô cùng vô tận gọi là khối Đại Linh Quang hay Thái Cực Quang, chính là Cội Đạo vậy. Lúc bấy giờ, khối ánh sáng ấy phân tách hóa sanh, biến hiện nên thân ảnh ba vị tận thiện tận mỹ đầu tiên là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Đức Diêu Trì Kim Mẫu và Đức Hồng Quân Lão Tổ.

Đức Diêu Trì Kim Mẫu xuất hiện tượng trưng cho sự hóa sinh muôn vật khắp cả Tam Giới từ sự vận hành kết hợp của Bát Quái Cửu Cung. Người ngự tại Diêu Trì Cung, nơi tầng Tào Hóa Huyền Thiên của Cửu Trùng Thiên. Tào Hóa Huyền Thiên là tầng Trời chuyên phụ trách công việc của cơ Tào Hóa, dưỡng dục vạn linh. Nơi ấy lại có hàng hà sa số các vị Thánh, Tiên, Phật gìn giữ cho vòng xoay chuyển luân hồi nhân quả của muôn sinh được đúng trật tự, thuận theo Thiên lý. Trong khu vực Diêu Trì Cung rộng lớn còn có Bát Cảnh Cung. Tại Cung này vận hành Kim Bàn - Bát Quái Cửu Cung Đồ Hình, nơi sinh ra muôn linh vạn loại toàn Vũ Trụ vậy.

Về Bát Quái Cửu Cung,

Thuở hỗn độn sơ khai khi chưa có vật chi, có một tiếng nổ lớn liền đó xuất hiện khối Thái Cực Quang vi diệu. Khối Thái Cực lại hình thành hai lần khí Âm khí Dương, gọi là Lưỡng Nghi. Âm Dương khí tương hiệp, sinh thành Tứ Tượng là Thái Dương, Thái Âm, Thiếu Dương, Thiếu Âm. Tứ Tượng kết hợp, điều hòa mà định hình Bát Quái, gồm Càn, Khâm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài.

Bát Quái bên ngoài cùng với trung ương là Hư Vô ở trung tâm nên gọi là Cửu Cung. Bát Quái Cửu Cung sinh biến không ngừng, hóa thành cả Càn Khôn Vũ Trụ. Muôn vạn loại hữu hình vô hình, từ cỏ chí kim cũng đều do đó biến thành.

Khí thanh nhẹ ở gần khối Đại Linh Quang hóa nên các cõi vô hình thanh khiết, gọi là Thượng Giới. Khí trọng trược lắng đọng xa Cội Đạo, kết tụ thành các tinh cầu, cõi giới hữu hình, gọi là Hạ Giới. Giữa Hạ Giới và Thượng Giới là khoảng không gian dung hòa giữa thanh tịnh, trược trược, gọi là Trung Giới.



Về Kim Bàn,

Tại nơi Bát Cảnh Cung có Kim Bàn, vốn là một đồ hình Bát Quái Cửu Cung trông như một chiếc mâm rộng lớn, chiếu diệu thành cột ánh sáng rực rỡ. Nơi đó, Đức Từ Mẫu kết hợp hai khí Âm Dương trong Thiên Địa tạo nên Thần Thức, thể trí của vạn loại sinh linh. Phần thể trí này còn gọi là “Khí” trong Tam Bảo “Tinh, Khí, Thần”.

Việc tạo nên Thần Thức từ hai khí Âm Dương kết hợp, rồi lại lấy một điểm sáng từ khối Đại Linh Quang mà nung kết thành thần trí của muôn sinh là công nghiệp vĩ đại của Người từ thuở Khai Thiên Lập Địa.

•

Lễ kỷ niệm Đức Phật Mẫu được chọn là ngày Rằm tháng 8, tức ngày 15 tháng 8 Âm lịch.

Tùy theo nhân duyên thiện quả của một cá thể, nhóm hội hay dân tộc mà Đức Từ Mẫu xuất hiện dạy Đạo, thông qua giảng linh nhập thần, hay thông linh qua cơ bút dạy Đạo. Đi theo làm thị giả cho Người có Cửu Vị Tiên Nương Diêu Trì Cung, là 9 vị Nữ Phật lo cơ Tạo Hóa, dưỡng dục và duy trì vòng tuần hoàn sinh diệt của Tam Giới. Tùy theo văn hóa, ngôn ngữ, từng vùng miền, dân tộc mà Người có những tôn danh khác nhau.

– Cửu Thiên Huyền Nữ, Cửu Thiên Huyền Mẫu, Cửu Thiên Nương Nương –
Nghĩa là người mẹ, người phụ nữ huyền diệu nơi chín tầng trời ở Thượng Giới.

– Tây Vương Mẫu –

Theo vận hành Nhật Nguyệt, tứ phương tám hướng trong tự nhiên, mặt trời xuất hiện là Đông, tượng trưng cho Dương, mặt trời lặn hướng Tây, tượng trưng cho Âm. Người chủ quản khối Âm Quang nên được gọi là Tây Vương Mẫu.

– Đức Phật Mẫu, Đức Từ Mẫu, Đức Lão Mẫu –

Phật là từ ngữ chỉ về sự quang minh, tuệ giác, vô nhiễm như nhiên, vi diệu chẳng thể nghĩ bàn. Người lại sinh thành muôn vạn loài từ thuở hỗn nguyên, lại thương tất cả con cái bằng toàn bộ sự hiền từ của mình, nên chúng sinh gọi Người bằng các tôn danh ấy.

– Diêu Trì Kim Mẫu –

Nơi Tạo Hóa Huyền Thiên có một ao sen được kết tinh từ khí chất huyền ảo lấp lánh, trân quý như ngọc gọi là Diêu Trì Cung. Người chủ quản hướng Tây, ngự nơi Dao Trì, nên được muôn sinh tôn kính gọi là Đức Diêu Trì Kim Mẫu hay Diêu Trì Thánh Mẫu.

•

Khi thị hiện thân ảnh là Đức Diêu Trì Kim Mẫu,

Người mang dáng dấp một phu nhân trung niên, gương mặt phúc hậu đầy nét từ bi của người mẹ hiền từ, khiến ai đối diện cũng đều có cảm xúc thân thương mãnh liệt. Toàn thân Người khoác Đạo bào màu hoàng kim như ánh bình minh sáng trong ấm áp. Trên Đạo bào ấy lại điểm xuyết họa tiết đẹp xinh ẩn hiện. Mái tóc đen tuyền Người bới gọn gàng, trên đầu giắt trâm hoàng kim khắc hình Phụng Vũ Cửu Thiên. Người thường xuất

hiện với Cửu Vị Tiên Nương Diêu Trì Cung và chư vị Hỷ Lạc Thiên, có Thanh Loan và Phụng Hoàng đi cùng hộ giá.

Khi thị hiện thân ảnh là Đức Từ Mẫu,

Người mang dáng dấp của một lão bà đầu tóc bạc phơ, trên đỉnh đầu là búi tóc quả đào, giắt một chiếc trâm hình đoá sen mãn khai, giữa đoá sen ấy là hình ảnh biểu tượng Thiên Nhân quang mang ẩn hiện. Gương mặt Người hiền từ phúc hậu, toàn thân tỏa ra an lạc khí từ ái, khiến cho những ai hữu duyên nhìn thấy đều cảm động mãnh liệt. Nhìn vào gương mặt ấy, chúng sinh liền thấy những nét gần gũi giống với mẹ ruột thân thương đã sinh thành, dưỡng dục mình nơi thế gian. Đó là cảm tình của sự tái ngộ người mẹ hiền từ bao năm xa cách.

Đạo bào Người khoác màu trắng tinh khôi thuần khiết, tỏa ra một vàng minh khí an lạc dịu dàng, muôn hoa liên tục biến sinh trong vàng sáng vi diệu ấy. Người mang theo chiếc gậy gỗ mộc mạc, trên ấy có giắt một bầu hồ lô chứa linh dược của Diêu Trì Cung.

•

Nhầm lẫn giữa Đức Diêu Trì Kim Mẫu và chư Thánh Mẫu Ngũ Hành

Trong dân gian những nơi tin thờ các vị Thánh Mẫu Ngũ Hành, người ta dễ nhầm Đức Diêu Trì Kim Mẫu với Thổ Địa Thánh Mẫu hoặc Kim Ngọc Thánh Mẫu.

Thánh Mẫu là từ chung chỉ về các nhóm Nữ Chánh Thần thuộc hành Hoả, Thổ, Kim, Thủy, Mộc, bởi người đời tôn kính nên gọi bằng tên ấy. Các vị ấy thường ở bốn phẩm vị là Địa Thần, Nhân Thần, Thiên Thần, Địa Thánh cai quản một vùng lãnh thổ nhỏ. Ngũ Hành Thánh Mẫu này cũng giống như chư vị Thổ Công, Phúc Lộc Thần, Môn Thần, Xí Thần, Táo Thần vậy. Mỗi vị sẽ phụ trách cai quản độ duyên, tương tác với chúng sinh ở một khía cạnh cuộc sống nhất định như:

Thổ Địa Thánh Mẫu giữ gìn sự trù phú của cuộc đất nơi mình cai quản, thường chăm lo sức khỏe, thọ mạng, sinh tử của muôn sinh nơi đó.

Thủy Triều Thánh Mẫu gìn giữ mực nước được ổn định điều hòa, nguồn nước trong sạch tinh khiết cho muôn sinh được sống đủ đầy an toàn.

Kim Ngọc Thánh Mẫu là các vị Phúc Thần giữ gìn an lạc khí, phúc lộc của chư linh nơi mình hộ duyên.

Hòa Diễm Thánh Mẫu gìn giữ hơi ấm gia đình, quan hệ tình cảm, âm thực có liên quan đến bếp núc. Cũng có thể hiểu quý vị này là Bà Táo hoặc Nữ Táo Thần.

Thảo Mộc Thánh Mẫu giữ gìn sự sinh trưởng, phát triển của cây cối thảo mộc trong khu vực mình cai quản để có phần lương thực nuôi dưỡng và thảo dược chữa bệnh cho muôn sinh nơi ấy.

Như vậy, Đức Diêu Trì Kim Mẫu quả không thể bị nhầm lẫn với các vị Thánh Mẫu Ngũ Hành khác. Người là Mẹ tạo hoá muôn loài, và Người chỉ có một mà thôi.

Trên con đường đi theo Cửu Thiên Thập Nhị Kinh

Bước về đến Diêu Trì Cung nơi Hạo Hoá Huyền Thiên, chư linh đã qua được cổng Huỳnh Kim Khuyết, đã vào đến kinh đô Bạch Ngọc. Ở đây, Đức Từ Mẫu hằng đợi mong con cái Người trở về dự Bàn Đào Yến Hội cùng mình.

Đào Tiên Quả được ban cho chư linh cùng với các loại rượu Tiên quý giá, tinh luyện từ khí quang thanh khiết nhất nơi Cung Diêu. Dùng các món trân phẩm này, chư linh sức tinh dậy những tánh chất Thiên lương mình hằng có sâu thẳm trong tâm thức, vốn chỉ bị bụi trần che lấp, nay lại chiếu diệu quang minh. Chư Hỷ Lạc Thiên tấu lên những bản Thiên thiêu thúc nhặt, bao oan khiên, vọng niệm, trược khí đều hoá về với hư không, thần thức ai cũng nhẹ nhàng an yên tự tại.

Nhập vào Bát Cảnh cung, chứng kiến các đẳng chân hồn từ Thạch Kim, Thảo Mộc, Cầm Thú, Nhân, Thần, Thánh, Tiên cho đến Phật hồn, tất thấy chuyển biến nhanh chóng vì diệu, lại đều nằm gọn trong tay chưởng quản của Lão Mẫu, chư linh mới một lần thấy được huyền nhiệm của Tạo Hoá.

Nhưng giữa muôn vàn rõ ràng màu nhiệm ấy, điều kỳ diệu nhất mà mỗi kẻ thấy được lại chỉ đơn thuần là đã về được với Mẹ Hiền Từ Mẫu, những cảm xúc thân thương sâu thẳm cùng sức sống tươi mới trỗi dậy trong mỗi chân linh đã trải xiết bao héo mòn nơi biển khổ.

Thấp thoáng tiếng Trống Lôi Âm cùng Chuông Bạch Ngọc vang vọng đến Diêu Trì Cung, kêu gọi chư linh tạm biệt Tạo Hoá Thiên mà tiếp bước lần tìm về tầng trời cao sâu hơn nữa.

•

Thi văn, kinh điển

Câu tâm chú niệm danh Đức Từ Mẫu:

“Nam mô Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn.”

Đức Từ Mẫu xa xưa từng ban cho một bộ kinh Ngọc Lộ Kim Bàn, dạy lẽ phải, khuyên người thiện hành, sửa trau tâm tánh mình cho thuần lương lẽ Thiên Điều mà hữu duyên với Đạo.

Sau này, Đức Từ Mẫu có giảng ban một bài thi khi bộ kinh Ngọc Lộ Kim Bàn hoàn thiện việc biên soạn lại, mừng con cái Người hữu duyên lại được nghe lời vàng Người khuyến thiện:

*“Ngọc ẩn kỳ thư ngọc ẩn quang
Lộ thiên chiếu diệu lộ thiên đường
Kim quang tương đắc kim quang hiển
Bàn Đạo diệu ngôn Bàn Đạo an
Cửu kiếp cư trần cửu kiếp tu
Thiên thu quy Đạo thiên thu nhân
Huyền Linh ngự giảng Huyền Linh thuyết
Mẫu thuyết Chân Kinh Mẫu thuyết hoàn.”*

Đức Từ Mẫu ban thi:

*“Gắng sức trau dồi một chữ tâm
Đạo đời muôn việc khỏi sai lầm
Tâm thành ắt đạt đường tu vững
Tâm chánh mới mong mới Đạo cầm
Tâm ái nhân sanh an bốn biển
Tâm hòa thiên hạ trị muôn năm
Đường tâm cửa Thánh dầu chưa vẹn
Có buổi hoài công bước Đạo tâm.”*

*“Lượng sóng đời kia khó định chừng
Vườn Xuân khô lá khó trông Xuân
Hiên mai gió tạt nghiêng rèm hạnh
Giậu tối trăng soi đổ bọt trần
Tiếng hạc kêu vui xa thăm thẳm
Hơi quỳên chào thăm lóng gần gần
Chờ xem thế cuộc tùy duyên phận
Đừng tính đeo mang gánh nợ trần.”*

*“Chờ về vắng bật tiếng thu qua
Tiếng nhạn kêu sầu tiếng thiết tha
Vườn trước ngơ trông cây liễu rủ
Non xưa chạnh nhớ bóng trăng tà
Thi đề thăm lóng hơi oanh thán
Cầm trối buồn nghe tiếng dế hòa
Dặm thẳng lương nhân xin khá gắng
Đường dài nghĩa nợ dễ đâu xa.”*



*“Tịnh niệm phép Nhiên Đăng tướng tín
 Hư Vô Thiên đến thánh Phật điều
 Ngọc Hư đại hội ngự triều
 Thiều quang nhị bá Thiên Kiều để chơn.*

*Bồ Đề Dạ dẫn hồn thượng tán
 Cực Lạc Quan đẹp phận Tây quy
 Vào Lô Âm kiến A Di
 Bộ Công Di Lạc Tam Kỳ độ sanh.*

*Ao Thất Bửu gọi mình sạch tục
 Ngôi liên đài quả phúc Đà Lam
 Vạn linh trời tiếng mắng thâm
 Thiên Thor Phật tạo độ phàm giải căn.”*

Kinh Tiểu Tường – Diêu Trì Kim Mẫu

A DI ĐÀ PHẬT

*“Thiên đàng như thế biến Lôi Âm
Tận độ nhơn sanh thoát tục phàm
Thánh Giáo phát khai Thiên Thế mỹ
Thâu hồi nhập nhưt Đạo Kỳ Tam.”*

(Đức Từ Phụ giảng cơ ban thi)

Sau khi Vũ Trụ Tam Giới hình thành, chư linh khắp nơi xuất hiện và sinh trưởng, nhưng tâm tính còn hoang sơ và gây bao lỗi lầm nghiêm trọng. Vì thương sinh, Đức Từ Phụ và Từ Mẫu bèn phân tánh hoá thành 100 ức vị Nguyên Nhân, tức là những chân linh ngay khi sinh ra đã là Người, đủ phẩm chất thiện lành của một “người” thực sự đó vậy. 10.000.000 vị Nguyên Nhân ấy đi đến khắp nơi trong vũ trụ, gieo mầm thiện lành vào lòng chúng sinh.

Tạo Hoá lại hoá sinh nên các Đấng Trọn Lành vận hành vũ trụ và dìu dắt chúng sinh tiến hoá, trở về với Cội Đạo. Trong số đó, phát xuất từ khối Thái Cực Quang ấy, có một vị mang tên Amitabha Buddha, tức A Di Đà Phật. Cũng còn gọi là Di Đà Cổ Phật bởi Ngài là một trong số các Đấng xuất hiện từ rất sớm rất xa xưa. Chữ “Amitabha” ấy có nghĩa là khối ánh sáng vĩ đại không bao giờ cạn kiệt, Ngài chính là Vô Lượng Quang Phật đó vậy.

Cũng còn có các tôn danh khác chỉ về Ngài như:
Tây Phương Tiếp Dẫn Đạo Nhân A Di Đà Phật
Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật

Trong đó, tôn danh đầy đủ của Ngài là:
“Nhị Hội Long Hoa Hồng Dương Đại Hội Di Đà Cổ Phật Chương Giáo Thiên Tôn”
(Tức là vị chủ trì trong đợt đại giáo hoá lần 2 của lịch sử, dìu dắt chư linh thức tỉnh mà về lại Tây Phương Cực Lạc, trở về Cội Đạo.)

Đức Di Đà Cổ Phật thường thị hiện thân ảnh nam nhân, tuổi độ trung tuần. Đầu búi quả đào, tóc gáy buông thông thoải mái. Toàn thân Ngài toả ánh Đạo Quang vàng trắng dịu dàng, nước da trắng ngà, thân khoác Đạo bào vàng cam gấp nếp nhiều lớp. Áo Ngài để ngực trần, chiếu diệu ánh sáng từ Pháp Luân đang xoay nhanh như chong chóng, mà người đời hay minh hoạ bằng chữ Vạn (卐) rực rỡ.



Hai tay Ngài thường kết Thí Nguyên Ân, Vô Úy Ân, hoặc Chuyển Pháp Luân Ân... Khi tiếp rước chân hồn về cõi Di Đà Tịnh Thổ, Ngài cũng dùng một đặc ân trong bộ Cửu Phẩm Liên Hoa Ân, tương thích với bậc chân hồn của kẻ được dẫn duyên ấy.

•

Cõi Giới Di Đà Tịnh Thổ nơi Cực Lạc Quốc

Cực Lạc Quốc thuộc về Thượng Giới. Chúng sinh về được Thượng Giới cần đắc được Thánh Quả cho đến hàng Trọn Lành. Thấy đây là một lối về rất xa và cần quá nhiều công sức hơn khả năng của chư linh, Đức Phật Di Đà đã sáng tạo nên một cảnh giới đặc trưng của Ngài là Di Đà Tịnh Thổ, ở hướng Tây Cực Lạc Thế Giới. Cõi giới Di Đà Tịnh Thổ này lại đặc biệt ở chỗ có thể dung chứa mọi chúng sinh mang niềm tin to lớn nơi Ngài dù mới chỉ ở Quả Thân Vị, dù vẫn còn nhiều vương mắc thường tình.

Nhưng muốn về được, chư linh cần tin hiểu nhân quả, tin tưởng sâu dày vào Đức Phật A Di Đà, có mong mỏi thực sự cụ thể rằng mình sẽ về được Di Đà Tịnh Thổ. Đã tin nơi Ngài, cũng phải thiện hành giống Ngài về lòng từ bi tế độ muôn loài, tha thứ và an lạc. Làm như vậy, vốn chư linh tự nhiên cũng đã đạt Đạo quả cao trọng hơn bình thường.

Có thiện hành lúc sống, lại nhờ kinh chú và nguyện cầu của thân nhân mà khi mạng chung, chân linh sớm định thần tĩnh trí. Lúc ấy, chính Đức Di Đà Cổ Phật hoặc các Đấng khác thị hiện thân ảnh Ngài đến đón rước về cảnh giới Di Đà Tịnh Thổ.

Ở nơi đây, chư linh sống trong cảnh thanh nhàn an tịnh, được tạm gác lại những trả vay tiền khiên vốn lẽ ra đã làm mình đảo điên hỗn loạn. Nhờ được trợ duyên như vậy mà chư linh dần thức tỉnh, lại được gần gũi các Đấng nghe giáo hoá nơi ấy, dần dà tịnh hoá được thân tâm, có duyên hành thiện nghiệp nơi ấy mà cao trọng dần chân hồn mình. Thêm cao trọng dần cũng là giúp mình bước gần hơn vào trung tâm thực sự cõi Cực Lạc Quốc. Ấy chính là con đường theo nẻo Tịnh Độ mà Đức Di Đà truyền dạy.

•

Trên con đường đi theo Cửu Thiên Thập Nhị Kinh

Chư linh đi theo con đường dẫn dắt của bộ Kinh Cửu Thiên này, khi đủ khả năng vượt qua tầng trời Tạo Hoá Thiên sẽ nhập vào được tầng Hư Vô Cao Thiên. Trong tầng trời này có cảnh giới tên là Lô Âm Tự. Lô Âm Tự nơi Cực Lạc Quốc là một khuôn viên chùa tháp rộng lớn ở Thượng Giới, có chánh điện là Kim Sa Đại Điện. Trong Kim Sa Chánh Điện đó, Đức Phật A Di Đà đang an ngự, khắp không gian lấp lánh chiếu diệu ánh sáng. Ngài thuyết pháp về huyền vi Đất Trời cùng Đạo tâm để hoà nhập vào Càn Khôn Vũ Trụ, cũng chính là gột rửa những lần niệm vương mắc vi tế trong bầu khí của mỗi chân hồn.

Đức hạnh của Đức Di Đà Cổ Phật

Ngài mang đại nguyện từ bi phổ tế chúng sinh vĩ đại chẳng thể nghĩ bàn. Đến đời Ngài có thể tạo tác nên một cảnh giới đặc biệt, dung chứa hết thảy chúng sinh dù còn chưa đủ tinh tấn. Ngài kết duyên tiếp rước, chấp nhận cùng mang cộng nghiệp bất thiện, dung chứa cả những năng lượng loạn động của chúng sinh, để rồi phải dày công tịnh hóa chính mình, vô cùng nặng nhọc, nhưng cũng vô cùng vĩ đại bao dung.

•

Ngài thường được họa hình và tạc tượng chung với Đức Quán Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát, gọi là Tây Phương Tam Thánh, hoặc Di Đà Tam Tôn. Đức Phật A Di Đà cũng thường bị đánh đồng với Đức Đại Nhật Như Lai. Nhưng thực tế, hai vị hoàn toàn khác biệt và an trụ ở hai nơi khác nhau trong Vũ Trụ Pháp Giới. Đức Di Đà ngự ở phương Tây, còn Phật Tỳ Lô Giá Na tức Đại Nhật Như Lai lại ngự ở phương nam, là hiện hoá của vàng Thái Dương. Tuy nhiên, nếu chúng sinh đặt niệm tin và có thiện hành tốt thì việc phân biệt hai vị cũng không phải là vấn đề thiết yếu nữa.

•

Thi văn, kinh điển

Đức Phật A Di Đà từng được Đức Phật Thích Ca nhắc đến khi thuyết Pháp cho chư tăng lữ khát sĩ cùng các vị A-la-hán, buổi đó Đại Đức Sariputta làm người vắn Đạo. Bài thuyết giảng ấy kể về đại nguyện, thiện hành, cùng con đường đi theo lối của Đức Phật Di Đà, định hình thành pháp môn tên là Tịnh Độ. Trong đó, nổi tiếng linh diệu qua bao đời có bài Chú Vãng Sanh - Vãng Sanh Quyết Định Chân Ngôn:

*“Nam mo Amitabhaya tathagataya, tadyatha:
Amrita bhava Amrita siddam bhava
Amrita vikrante Amrita vikranta
Gamine gagana kritagare svaha.”*

Kinh Cầu Siêu của Đức Chuẩn Đề Thiên Tôn giảng cơ bản có đoạn mở đầu:

*“Đầu vọng bãi Tây Phương Phật Tổ
A Di Đà Phật độ chúng sanh
Quán Thế Âm lân mẫn ân cần
Vớt lê thứ khổ trần đoạ lạc...”*

NHIÊN ĐĂNG CỔ PHẬT

*“Nhiên Đăng Cổ Phật giáo từ đa
Dục đắc chơn truyền nguyện Thích Ca
Nhứt bất ly kinh vô thể sự
Tây phương đắc ngộ lạc như hà.*

(Đức Nhiên Đăng giảng cơ ban kinh)

Nhiên Đăng nghĩa là ngọn đèn thiên nhiên cháy sáng mãi. Đức Nhiên Đăng Cổ Phật là một trong những hóa thân hiện tượng đầu tiên của khối Thái Cực Đạo Quang, khởi nguyên của vạn loại, nên mới có tôn danh như thế.

Các tôn danh khác của Ngài là: Nhiên Đăng Đạo Nhân, Đỉnh Quang Phật, Đỉnh Quang Như Lai.

Ngài thường thị hiện thân ảnh nam nhân dạng với gương mặt thanh thoát trẻ trung độ khoảng chừng hơn ba mươi tuổi, tóc nhiều dôi dào, búi cao thành quả đào trên đỉnh đầu gọn gàng. Toàn thân khoác Đạo bào màu trắng tinh khôi rộng rãi, bay bổng mềm rũ, dôi dào năng lượng, trên tay cầm Chuỗi Từ Bi và Chuông đồng nhỏ tròn như một chiếc bát.

Ngay giữa ngực để trần của Ngài toả sáng một Pháp Luân đang xoay nhanh vun vút như chong chóng, biểu thị sự xoay chuyển vận hành Đạo Pháp trong Tam Giới. Bởi lẽ, Đức Nhiên Đăng là vị Chương Giáo, nắm trong tay vận hành cuộc đại giáo hoá lần thứ nhất trong lịch sử Tam Giới. Ấy nên Ngài mới còn được biết với tôn danh đầy đủ là: “Sơ Hội Long Hoa Thanh Dương Đại Hội Nhiên Đăng Cổ Phật Chương Giáo Thiên Tôn”.

Toàn thân Ngài phát ra ánh sáng ngũ sắc linh diệu. Từ trong đạo hào quang ấy liên tục xuất hiện những nụ hoa tươi thắm, đơm chồi rồi nở rộ mãn khai, lại nhanh chóng tiêu biến để những chồi non khác tiếp tục nở rộ biến hiện liên tục không ngừng nghỉ. Đó là đặc trưng về hào quang của các Đấng giữ phẩm vị Phật Hồn lâu đời, dày công giáo hoá, giúp Vũ Trụ Tam Giới tươi xinh đẹp đẽ. Mỗi khi Đức Nhiên Đăng xuất hiện sẽ có Bạch Hạc Đồng Tử cùng chư Hỷ Lạc Thiên rải hoa thơm và tấu lên những khúc nhạc thanh thoát, mở đường cung nghinh Ngài quang lâm. Ngài thường du hành cùng một vị Hộ Pháp thuộc Linh Điều Tộc là Chim Thần Garuda.



Từ hỗn độn sơ khai, khi trời đất chưa phân định rõ ràng, Ngài cùng chung sức với Ngọc Hoàng Thượng Đế và Diêu Trì Kim Mẫu dùng từ ái thanh tịnh của mình giúp phân lập Vũ Trụ, an định ba cõi Tam Giới, định hình Thiên Địa và luật điều trật tự của luân hồi nhân quả công bằng.

Ngài là một vị tôn sư truyền Đạo, đem ánh sáng Đạo Pháp nhiệm màu chiếu sáng khắp Tam Giới mãi mãi, thấu suốt tận những nơi tối tăm nhất, dạy cho muôn sinh hiểu Đạo vô vi, hiểu lẽ vô thường và sự Khổ. Nhờ ánh sáng của Ngài mà chư linh khắp nơi lần theo tìm về được ngọn nguồn của mình. Ngài quả là hiện thân của ngọn đèn Thái Cực rực rỡ trên tay Đức Từ Phụ vậy.

Đức Nhiên Đăng Cổ Phật Chương quản tằng Hư Vô Cao Thiên, là tằng Thiên thứ 8 trong Cửu Trùng Thiên, gần sát với cõi Đạo. Ở tằng Thiên này chư vị cao trọng hội họp, định phân tạo lập Luật Thiên Điều, Nhân Quả, vận hành Tam Giới.

Câu chuyện tiền duyên

Ngài Xuất hiện khắp cõi nhiều phen trong lịch sử, trong đó gần gũi nhất được truyền lại là lần xuất hiện thọ ký cho Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Chuyện kể rằng thời đó Phật Thích Ca trong kiếp của một vị sa môn tên Thiện Tuệ. Sa môn mến Đạo, hữu duyên gặp được pháp hội của Đức Nhiên Đăng thời bấy giờ. May duyên nhưng nghèo nàn chẳng có gì để cúng dường, sa môn lại hữu duyên gặp được cô bé bán sen. Sen của nàng đẹp thanh khiết nhất nhưng giá đắt lắm. Sa môn Thiện Tuệ bèn bày tỏ lòng mến mộ Đạo Pháp của anh, và mong cô bán rẻ để được cúng dường cho Đức Nhiên Đăng.

Thương người mến Đạo, lại cảm tình với sa môn Thiện Tuệ mà cô bé đã tặng sen cho chàng nhưng với nguyện vọng được kết duyên vợ chồng với chàng trong kiếp ấy và cả những kiếp sau. Nàng nguyện làm người trợ duyên cho chàng thành Đạo và sẵn sàng để chàng rời đi khi chàng cảm thấy đến lúc phải rời đi.

Cả hai sau đó cùng nhau đem toàn bộ sen ấy dâng cho Đức Nhiên Đăng Phật. Đức Nhiên Đăng thoáng thấy nhân duyên sâu dày của chàng Thiện Tuệ mà ngay lập tức thọ ký cho chàng, lại tuyên thuyết trước mọi người rằng nhiều kiếp sau này, Thiện Tuệ sẽ làm một vị Chuyển Luân Pháp Vương, giáo hoá chúng sinh thức tỉnh bước về được Niết Bàn Cực Lạc. Cô bé bán sen từng hẹn ước với Thiện Tuệ lúc bấy giờ chính là nàng Yasodara, vợ của Thái Tử Gotama trong dòng họ Sakyamuni (Thích Ca Mâu Ni), chính là Bụt Thích Ca đó vậy.

Trong lịch sử, văn hóa, tâm linh, ba vị Phật Nhiên Đăng, Phật Thích Ca và Phật Di Lặc là bộ ba Tam Thế Phật tượng trưng cho Phật Giáo thời kỳ quá khứ, hiện tại và vị lai.

Lấy mốc thời hiện thế của Phật Thích Ca là hiện tại, Đức Nhiên Đăng Cổ Phật chính là vị Phật của quá khứ. Sự xuất hiện của Ngài vô cùng quan trọng, là vị chứng đắc cho sự giải thoát khi thực hành Phật Đạo từ xa xưa đến nay.

Trên con đường đi theo Cửu Thiên Thập Nhị Kinh

Đức Nhiên Đăng Cổ Phật chương quản tằng Hư Vô Cao Thiên. Khi nhập được vào cõi Trời ấy, chư linh được thực chứng các sự vận hành điều đình vũ trụ. Trong đó, Đức Nhiên Đăng mang vị trí chủ chốt. Các cuộc họp thượng đẳng của chư Phật diễn ra thường xuyên, cùng kiến tạo, điều chỉnh Thiên Luật, mở các lối dẫn dắt chư linh tinh tấn về linh hồn, đạt quả trong lành, hầu sớm có ngày về lại Phật vị của mình, về lại được Cực Lạc Cảnh nơi Thượng Giới.

Thi văn, kinh điển

Phật Giáo Tâm Kinh được lưu truyền từ xa xưa kể về thiện hành, giáo hoá của Đức Nhiên Đăng, đại diện cho Phật Giáo:

“Hỗn Độn Tôn Sư
Càn Khôn Chủ Tổ
Quy Thế Giải ư nhưt khí chi trung
Ốc trần hoàn ư song thủ chi nội
Huệ Đăng bắt diệt chiếu Tam Thập Lục Thiên chi quang minh
Đạo Pháp trường lưu khai Cửu Thập Nhị Tào chi mê muội
Đạo cao vô cực
Giáo xiển hư linh
Thổ khí thành hồng nhi nhưt trụ xang thiên
Hóa kiếm thành xích nhi tam phân thác địa
Công tham Thái Cực phá nhưt khiêu chi Huyền Quan
Tánh hiệp vô vi thống Tam Tài chi bí chỉ
Đa thi huệ trạch
Vô lượng độ nhân
Đại Bi Đại Nguyện Đại Thánh Đại Từ
Tiên Thiên Chánh Đạo Nhiên Đăng Cổ Phật
Vô Vi Xiển Giáo Thiên Tôn.”

Nam mô Nhiên Đăng Cổ Phật Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.



“Hồn Ngươn Thiên dưới quyền Giáo Chủ
 Di Lặc đương thâm thủ phổ duyên
 Tái sanh sửa đổi chơn truyền
 Khai cơ tận độ Cửu Tuyền diệt vong.

Hội Long Hoa tuyển phong Phật vị
 Cõi Tây Phương đuổi quỷ trừ ma
 Giáng linh Hộ Pháp Vi Đà
 Chuyển cây Ma Xứ đuổi tà trừ tịch.

Thâu các Đạo hữu hình làm một
 Trường thi Tiên Phật dượt kiếp khiên
 Tạo đời cải dữ ra hiền
 Bảo sanh nắm giữ diệu huyền Chí Tôn.”

Kinh Đại Tường – Thích Ca Mâu Ni Văn Phật

THÍCH CA MÂU NI VÂN PHẬT

*“Lời vàng nhắn hỏi khách trần gian
Một nẻo đường Tiên đáng mấy ngàn
Bụi đất của trần là của tục
Chưa ai đem đổi cánh an nhàn.*

(Đức Từ Phụ giảng cơ ban kinh)

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni hay Sakyamuni là một chiết linh phân tánh của Đức Hồng Quân Lão Tổ. Trong ba vị Tam Tôn Khởi Nguyên, Đức Hồng Quân là hiện thân của sự giáo hoá, diu dắt vạn linh quay về với bản thể Nguyên Linh của Đại Vũ Trụ. Ngài còn được biết đến với tôn danh Thần Vishnu trong cổ văn Bà La Môn Giáo. Trong đó, Thần Vishnu hoá sinh nên muôn vạn thị hiện tướng khác nhau, được biết đến nhiều có Thần Krishna. Krishna cũng lại phân tánh hoá sanh nhiều hiện tướng khác nữa, mà Siddhartha Gotama thuộc hoàng tộc Sakya (Thích Ca) là một trong số đó.

Thần Vishnu ngủ yên giữa biển Vũ Trụ, chuyển mình chậm rãi giữa mỗi chu kỳ sáng tạo của Thần Brahma. Đến cuối chu kỳ sáng tạo, khi cuộc sống lũng đoạn, cái thiện lành mất dần và bị đảo lộn bởi cái ác, cũng là lúc Thần Visnu thức dậy, chuyển sinh để giáo hoá và thay đổi đại cuộc cho trở lại tốt đẹp. Cách nay hơn 2500 năm trước, khi đức Phật Thích Ca ra đời cũng chính là một lần thức dậy của Thần Vishnu - Hồng Quân Lão Tổ đó vậy. Ngày ấy là ngày mùng 8 tháng 4 Nguyệt Lịch.

Dành 6 năm dài tìm Đạo, trải qua 49 ngày thiền định, cuối cùng Ngài đã thức tỉnh hoàn toàn giữa cõi Hạ Giới. Ngài bước trên con đường trung đạo mà giáo hoá chúng sinh, không thái quá dư thừa nhưng cũng không khổ hạnh hành xác, bởi cả hai chiều hướng thái quá ấy đều chẳng đưa con người ta thức tỉnh.

Sau khi đã thức tỉnh chân tánh trọn vẹn, Đức Phật Thích Ca thị hiện hình tướng giản dị mộc mạc như bản thể của Ngài nơi Thượng Giới. Dáng hình Người cân đối, tóc xoắn đẽ dài, búi trái đào gọn gàng, gương mặt uy nghiêm, lại thanh thoát khiến người tiếp cận cảm thấy dễ mến dễ gần. Dáng đi, cử chỉ hành động đều có chừng mực cùng nét thư thái ung dung vô ngại.

Ngài quấn 1 mảnh vải thô màu vàng đất, để lộ một vai hoặc có khi quấn vải rộng rãi để lộ ngực trần. Toàn thân toả ra ánh sáng vàng trắng quang mang dịu nhẹ, chiếu tỏ



tường tâm thức của những người kề cận, giúp mọi người thấu suốt những vướng mắc của mình. Xung quanh Ngài luôn có hương thơm lan toả cùng âm nhạc của chư Hỷ Lạc Thiên ẩn hiện xướng ca trong không trung.

•

Câu chuyện tiền duyên

Cách đây khoảng hơn 2500 năm trước, từ Cung Thiên Đẩu Suất có một đoá sen trắng được Bạch Tượng 6 Ngà Linh Nha Tiên đưa xuống Hạ Giới. Hoàng hậu Maya vô tình nằm mộng thấy Bạch Tượng ấy đem nhành sen trắng đến trước mặt bà, đoá sen trắng nhẹ nhàng bay vào lòng bà và bà tỉnh mộng. Nghe trong không trung như có tiếng nhạc du dương cùng những hương thơm lạ kỳ, ngỡ như bà còn ngủ mơ. Đoá sen ấy giáng nhập thai bào của hoàng hậu Maya thành Kapilavastu (Ca Tỳ La Vệ), nước Ấn Độ cổ lúc ấy, sinh ra chàng thái tử Siddhartha chính là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vậy.

Đức Thế Tôn khi tại thế từng thuyết một câu chuyện tiền duyên của mình được gặp và thọ ký với Đức Nhiên Đăng Cổ Phật. Thuở ấy Ngài là một vị sa môn tên Thiện Tuệ, mến mộ Đạo Đức lại có nhân duyên sâu dày. Sau khi cùng cô bé bán sen cúng dường hoa cho Đức Nhiên Đăng Cổ Phật, Đức Nhiên Đăng nhìn thấu nhân duyên mà thọ ký cho Ngài trước công chúng bấy giờ, rằng trong tương lai vị sa môn Thiện Tuệ này sẽ là một vị Chuyển Luân Thánh Vương xuất chúng, đưa chúng sinh thoát khỏi vòng u tối của thời đại lúc bấy giờ. Cô bé cùng sa môn dâng hoa sen cho Đức Nhiên Đăng sau này chính là Yasodhara, vợ Thái tử Siddhartha, hỗ trợ chàng thành Đạo và cũng xuất gia thực hành Đạo lý thức tỉnh của Ngài.

Phật Giáo được Đức Thế Tôn thuyết đã có từ rất lâu đời, nhưng theo thời gian dần mất chân truyền mà sai lạc, đưa con người vào vòng u tối, nên sự xuất hiện của Ngài mang trọng trách phục hưng Phật Giáo cổ xưa từ thời Nhiên Đăng Cổ Phật, thuyết lại những lý thuyết căn bản tất yếu của vũ trụ đã từng được thuyết như là Luật Nhân Quả, sự Vô Thường, Vô Ngã, sự Khổ...

•

Theo con đường Cửu Thiên Thập Nhị Kinh

Đức Thế Tôn ngự nơi hướng Tây Cực Lạc Thế Giới thuộc tầng trời Hư Vô Cao Thiên, với tôn danh đầy đủ “Tây Phương Giáo Chủ Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn”.

Ngài an tọa trước cổng Lôi Âm Tự ở Lộc Uyển là vườn nai. Cõi giới ấy đẹp xinh với muôn vàn sinh linh ghé đến, đặc trưng bởi nhiều hươu nai vui đùa, cùng chư linh điệu ca hát lãnh lót. Nơi ấy có ánh sáng vàng dịu nhẹ, mây lành ngũ sắc, cỏ cây hoa lá tươi tắn sinh động, bốn mùa đều nở rộ. Chư linh nhập được vào Cực Lạc Quốc, khi ghé đến đây được Ngài thuyết giảng, giáo hóa để có thể tiến nhập vào Lôi Âm Tự mà gặp gỡ Đức Phật A Di Đà.

Thi văn, kinh điển

Thuở tại thế, Đức Thế Tôn để lại di sản lý thuyết Đạo giải thoát vô cùng to lớn, đặc biệt là những vấn đề cơ bản gồm: Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo, Nhân Quả, Luân Hồi, Vô Thường, Vô Ngã, Duyên Sinh...

Cách đây gần 100 năm, vào thời kỳ các Đấng Thiêng Liêng mở Đạo giáo hoá lần thứ 3, Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni ít khi hiện thân giáng cơ. Nhưng Ngài có để lại một bản kinh tận độ cực kỳ quan trọng của thời kỳ này, chính là bản “Di Lạc Chân Kinh”. Bản chân kinh súc tích này thuyết nội dung về cấu trúc Vũ Trụ cùng các vị mang trọng trách vận hành mỗi tầng trời và thiện hành diu dắt chư linh về lại Cội Đạo.

Còn một bài kinh nữa hiếm hoi được Ngài giảng truyền cũng là bài cuối cùng của bộ 12 Kinh Cửu Thiên, chính là bản “Kinh Đại Tường” này.

VI ĐÀ HỘ PHÁP

*“Kim triều dĩ đảo Thiên Trung Quang
Am hiệu thể tình tánh đức nan
Chỉ đãi thời lai quang minh tự
Tả ban thiếu đức hữu ban mang.”*

(Đức Từ Phụ giảng cơ ban thi)

Vi Đà Hộ Pháp là một vị Thiên Quân làm thị giả cho Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế đã từ rất xa xưa. Ngài là vị Đại Nguyên Soái thống lãnh tất thảy chư Thần Tiên của Bát Bộ hộ trì Chánh Pháp khắp Tam Châu. Tôn danh đầy đủ của Ngài là:

“Tam Châu Bát Bộ Tam Thiên Thế Giới Vi Đà Hộ Pháp Thiên Tôn”

Tam Châu là nói về Nam Thiệm Bộ Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Đông Thắng Thần Châu. Bát Bộ là nói về Bát Bộ Chánh Thần cai quản sự vận hành Tam Giới gồm: Lôi Bộ, Thủy Bộ, Hỏa Bộ, Thái Tuế Bộ, Ôn Bộ, Đậu Bộ, Phúc Bộ, Đẩu Bộ.

Ngài thường ngự trên Kim Mã, đi trước mở đường vệt lối cho Đức Từ Phụ du hoá khắp nơi, chiếu diệu ánh sáng của Đạo Pháp khắp Vũ Trụ Tam Giới. Thế nên Ngài còn được biết đến với tôn danh Ngự Mã Thiên Quân.

Như thế, quyền năng của Ngài chỉ chưa mỗi Bắc Câu Lưu Châu là không quản mà thôi. Vì Bắc Câu Lưu Châu là khu vực tự trị của chư vị Quỷ Vương ở các cõi nơi Châu ấy.

Đức Vi Đà Thiên Tôn được chúng sinh Tam Giới tôn kính bởi đức độ, uy dũng và quyền năng vi diệu của Ngài. Ngài sử dụng Bảo Pháp là Giáng Ma Xử hàng ma phục yêu, hộ trì Chánh Pháp. Đây là cây gậy có ba khía, chín khúc, gần giống với Kim Tiên của Đức Huyền Thiên Quân.

Ngài thường thị hiện thân ảnh Thiên Tướng Chiến Thần Dạng, gương mặt nam nhân trung niên, nét mặt trang nghiêm lại thuần lương đôn hậu, mắt sáng, mày rậm. Toàn thân khoác hoàng kim khôi giáp, sau lưng là Bát Lệnh Kỳ, tức 8 lá cờ lệnh, tượng trưng cho phẩm vị Đại Nguyên Sứ thống lĩnh Bát Bộ Hộ Pháp Chánh Thần. Hào quang hỏa diễm kim quang toả ra rực rỡ.

Khi hiển hiện thân ảnh an ngự trên Thất Đầu Xà, Ngài biểu trưng cho trì giới trang nghiêm, làm chủ bản thân trước thất tình Hỷ, Nộ, Ái, Ố, Ai, Lạc, Dục. Thất Đầu Xà phủ phục 4 đầu chính là chế ngự Nộ, Ố, Ai, Dục tình mà trỗi dậy 3 đầu còn lại tức là nuôi dưỡng tâm tình Hỷ, Ái, Lạc trong sự thanh tịnh.



Các câu chuyện tiền duyên

Ngài từng có kiếp giáng thế ở Hạ Giới vào thời Thương Chu đại chiến khoảng 3300 năm trước, mang tên Vi Hộ, là đệ tử chân truyền của Đức Đạo Hành Thiên Tôn bên Xiển Giáo. Sau khi giúp nhà Chu chiến thắng nhà Thương, Ngài được phong Thánh, là một trong Thất Thánh lúc bấy giờ.

Ngài từng chiết linh giáng trần chuyển thế một lần nữa vào cuối thế kỷ 19 ở Việt Nam, thế danh là Phạm Công Tắc. Sau kỳ ngộ với Đức Cao Đài Ngọc Đế, Ngài trở thành một trong các môn đệ đầu tiên trong Hội Thánh, giúp khai mở nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Cao Đài vào năm 1926. Ngài đắc phong Hộ Giá Tiên Đồng Tá Cơ Đạo Sĩ, trở thành một đồng tử đặc biệt giúp truyền thừa Đạo Pháp qua cơ bút.

Ngài được Đức Từ Phụ hành pháp Trục Chân Thần, giúp cho phần thần thức dễ dàng xuất ra trọn vẹn mà đi học hỏi trong Tam Giới. Việc ấy đồng thời giúp cho thân xác Ngài Phạm Công Tắc tinh khiết thanh tịnh để Đức Vi Đà Thiên Tôn giáng linh nhập thế trọn vẹn vào được thân xác chiết linh ấy, đồng thời chân linh của Đức Di Lặc Vương Phật cũng có thể giáng điển độ duyên.

Như thế, sau khi Đức Từ Phụ hành pháp Trục Chân Thần thì phần thân xác Ngài Phạm Công Tắc có ba phần linh thể cùng nhau luân phiên thị hiện ở các thời điểm khác nhau trong quá trình hành Đạo.

Ngài Hộ Pháp Phạm Công Tắc đăng tiên ngày mùng 10 tháng 4 năm 1959 âm lịch ở Phnôm Pênh - Cam Pu Chia. Trong nội ô Tòa Thánh Tây Ninh có Hộ Pháp Đường, là nơi gìn giữ những kỷ vật của Ngài, có pho tượng Ngài đứng ở bao lơn đang tay ban phép lành cho muôn sinh.

•

Thi văn, kinh điển

Hai bài thơ Đức Lý Giáo Tông Thái Bạch Kim Tinh giáng điển tặng cho Đức Hộ Pháp:

*“Viết thường hữu phúc xuất chơn Quân
Chuyển thế Chí Tôn dĩ định tuần
Trị loạn Nam phương trừ mãnh hổ
Thừa bình Bắc địa kiến Kỳ Lân
Hoàng triều hậu nhật nghi từng cổ
Văn hiến tương lai khả hoán tân
Thánh chúa hiền thần phò Tổ nghiệp
Khải ca định phận tại thu phân.”*

*“Hộ giá Chí Tôn trước đến giờ
Pháp Luân thường chuyển máy Thiên Cơ
Chương quyền Cực Lạc phân ngôi vị
Quản suất Càn Khôn định cõi bờ
Nhị kiếp Tây Âu cầm máy tạo
Hữu duyên Đông Á nắm Thiên Thor
Hình hài Thánh Thể chừ nên tướng
Đài trọng hồng ân gắng cật nhờ.”*

Các thư tịch Đức Vi Đà Hộ Pháp để lại trong kiếp hữu hình gần nhất này rất đồ sộ gồm: 10 bài Kinh Thế Đạo trong Kinh Cao Đài, Phương Tu Đại Đạo, Phương Luyện Kỷ. Đặc biệt là tác phẩm Thiên Thai Kiến Diện, đây là tập trường thi kể về những sự mắt thấy tai nghe khi Ngài xuất Thần vân du các cõi Thiên.

DI LẶC VƯƠNG BỒ TÁT

*“Hỗn Ngươn Thiên dưới quyền Giáo Chủ
Di Lặc đương đầu thủ phổ duyên
Tái sanh sửa đổi chân truyền
Khai cơ tận độ, Cứu Tuyền diệt vong.”*

(Thích Ca Mâu Ni Văn Phật thuyết kinh)

Di Lặc Vương Phật là một vị Cổ Phật xuất hiện từ rất lâu đời. Ngài là chiết linh hóa thân của Đức Từ Tôn Hồng Quân Lão Tổ, kế thừa thiện hành cứu độ chúng sinh từ thưở loài người vừa đắm chìm trong vòng dục lạc ở khắp cõi. Chữ “Di Lặc Phật” xuất xứ từ phiên âm Phạn ngữ cổ “Maitreya Buddha”.

Ngài là vị Giáo Chủ nơi Cực Lạc Thế Giới ở cõi Thượng Thiên Hỗn Nguyên, an ngự tại Vườn An Lạc, dưới cội cây Dương Liễu Đại Linh Thụ. Tán cây Dương Liễu ấy bao phủ một vùng rộng lớn khắp Tam Giới, xum xuê cành lá. Trên mỗi chiếc lá lại có một hạt sương long lanh. Mỗi hạt sương như thế tượng trưng cho một chân hồn đang nương tựa vào giáo pháp siêu việt và đức độ vô lượng của Ngài.

Từ tầng trời Hỗn Nguyên cao xa nhất, ánh Đạo quang vi diệu của Ngài bao trùm khắp các cõi, xuyên suốt trong Tam Giới. Mang tình thương rộng lớn cùng thiện nguyện phổ tế vạn linh vô cùng vĩ đại, nên tuy là một vị Cổ Phật, Ngài lại cũng mang thiện hành của một bậc Đại Bồ Tát nên mới có tôn danh Di Lặc Vương Bồ Tát.

Trải qua hai thời kỳ Đại Đạo Phổ Độ, chỉ có 8 ức Nguyên Nhân cùng một số chúng sinh khác tinh tấn giải thoát. Như vậy vẫn còn 92 ức Nguyên Nhân đang chìm trong khổ hải. Các Đấng Thiêng Liêng bèn khai mở thời kỳ cứu rỗi thứ ba, gọi là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, quyết tận độ chúng sinh, dẫn dắt 92 ức Nguyên Nhân còn sót lại quy hồi về cố hương. Thời kỳ này, Đức Ngài chấp chương vị trí Giáo Chủ nên mang tôn danh đầy đủ: “Tam Hội Long Hoa Bạch Dương Đại Hội Di Lặc Cổ Phật Chương Giáo Thiên Tôn”.

Ngài thường thị hiện thân ảnh nam nhân dạng trẻ trung độ hơn ba mươi. Tóc búi quả đào, nét mặt thanh thoát hiền hoà, lại luôn mang vẻ an lạc thanh tĩnh, thỉnh thần sáng tươi đầy nhiệt huyết.

Ngài khoác Đạo bào trắng tinh xếp lớp, lấp lánh ánh kim sa, lan tỏa bạch quang là an lạc khí nhẹ nhàng. Giữa ngực trần của Ngài thấy hình bánh xe Pháp Luân đang xoay



vun vút như chóng chóng, bởi Ngài là một trong số các vị Chương Giáo Long Hoa Hội, nắm quyền vận hành Đạo Pháp trong tay. Vàng hào quang quanh thân Ngài có đủ cửu sắc lung linh. Trong ánh hào quang ấy luân chuyển xuất hiện muôn vàn loại hoa, chớm nở, mãn khai, tiêu biến rồi lại chớm nở, biến hiện tuần hoàn liên tục không ngừng. Liên đài đỡ gót Ngài cũng là đài sen có đủ cửu sắc, tầng tầng lớp lớp cánh bung toả, lấp lánh những đốm sáng như sương trong trẻo lúc ban mai.

Bên mình, Ngài thường giắt một chiếc túi nhỏ là Cổ Pháp Càn Khôn Đại-Túi Càn Khôn. Túi này có thể thu hút vạn sự nhân duyên, tinh tú trong Đại Vũ Trụ này rồi chuyển hóa, xoay vần nó theo nhân duyên thiện lành. Trên tay Ngài cầm xâu chuỗi Từ Bi nhỏ kết 36 hạt niệm châu. Chuỗi Từ Bi này trong suốt như pha lê, lấp lánh cửu sắc. 36 hạt này tượng trưng cho đức Từ Bi của chư Thiên 36 cõi Thiên Giới, cùng nhập trần độ rồi muôn sinh.

Thủ Ấn mà Ngài thường dùng là Vô Úy Ấn, Thí Nguyện Ấn, Cát Tường Ấn, Chuyển Pháp Luân Ấn.

.

Trên con đường đi theo Cửu Thiên Thập Nhị Kinh

Bước đến được tầng trời Thượng Thiên Hồn Nguyên này đã là tầng cuối cùng trong chuyến du hành kỳ công của mỗi chân hồn. Vùng thoát khỏi xác thân trói buộc, bước lên được Cung Thiềm nơi Nguyệt Tinh, rồi nhập vào Thượng Giới. Trong Thượng Giới lại du hành qua bao cõi, gặp gỡ bao vị Thiêng Liêng Chương Quân mỗi tầng trời, lại được thuyết giảng và thanh tẩy cho thêm trong sạch, được trao tặng bao lớp ánh sáng bảo bọc và được trợ duyên đưa đón bởi bao phương tiện, bao vị Linh Thú. Trải qua muôn khảo duyệt để bản thân thêm cao trọng thanh tịnh, cuối cùng mỗi kẻ cũng đến được tầng Trời nơi cội nguồn của mình.

Ở đây, chứng kiến bao sự vận hành vi diệu của Vũ Trụ, nơi đó sẽ thấy Đức Di Lặc Vương Phật đang điều đình, hội họp chư vị Thiêng Liêng khác cùng trụ vững Càn Khôn Vũ Trụ, lại mở bao lối về cho chư linh khắp nơi Tam Giới quy hồi Cực Lạc.

.

Thi văn, kinh điển

Thời Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, chư Phật có giảng cơ tại Cung Đạo Đền Thánh ban cho Kinh Tận Độ là bản Di Lặc Chân Kinh. Bản Di Lặc Chân Kinh này là một bài kinh súc tích, kể rõ về các tầng Trời đặc trưng của Vũ Trụ, về công việc mà các Đấng Thiêng Liêng đang thực hiện nhằm giúp Vũ Trụ xoay vần an định, lại dìu dắt chúng sinh khắp nơi thức tỉnh, thoát khỏi mọi vương mắc mà quay về với nguồn cội ban đầu của mỗi kẻ. Chính là dìu dắt vạn linh trở về với Nguyên Linh, với Tạo Hoá, là về với Đạo vậy. Trong bản Kinh này, có phần nói về Đức Di Lặc và các thiện hành của Ngài như sau:

“...

Hội Nguyên Thiên hữu:
Trụ Thiện Phật, Đa Ái Sanh Phật, Giải Thoát Khổ Phật, Điều Chơn Hành Phật, Thắng Giải Ác Phật, nhứt thiết chư Phật từng linh Di Lặc Vương Phật, năng chiếu diệu quang tiêu trừ nghiệt chướng.

Nhược hữu chúng sanh văn ngã ung đương thoát nghiệt, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng từng thị Pháp điều Tam Kỳ Phổ Độ, tất đắc giải thoát luân hồi, đắc lộ Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề thị chi chứng quả Cực Lạc Niết Bàn.

Nhược nhơn đương sanh, nhược nhơn vị sanh nhược nhơn hữu kiếp, nhược nhơn vô kiếp, nhược nhơn hữu tội, nhược nhơn vô tội, nhược nhơn hữu niệm, nhược nhơn vô niệm, thính đắc ngã ngôn, phát tâm thiện niệm, tất đắc A Nậu Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề, tất đắc giải thoát.

Nhược hữu nhơn thọ trì khủng kinh ma chướng, nhứt tâm thiện niệm: “*Nam mô Di Lặc Vương Bồ Tát, năng cứu khổ ách, năng cứu tam tai, năng cứu tật bệnh, năng độ dẫn chúng sanh thoát chư nghiệt chướng.*”, tất đắc giải thoát.
...”

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ

*“Hữu văn hữu vũ hữu phong ba
Nhật Nguyệt Âm Dương tứ quý hòa
Thiên Địa Càn Khôn kiêm vạn loại
Nhân quần thảo mộc cập chư hoa
Ly kỳ cảnh vật cao nhân thưởng
Đáo để san hà thượng khách ca
Ngã văn chư Nhu hà thủ tạo
Kính ngô vi chủ, Đạo như hà.”*

(Đức Từ Phụ giảng cơ ban thi)

Khởi nguyên vũ trụ từ Khí Hư Vô phát xuất một khối ánh sáng vĩ đại mang năng lượng vô cùng vô tận gọi là khối Đại Linh Quang hay Thái Cực Quang, còn gọi là Cội Đạo. Lúc bấy giờ, khối ánh sáng ấy phân tách hóa sanh, biến hiện nên thân ảnh ba vị tận thiện tận mỹ đầu tiên là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Đức Diêu Trì Kim Mẫu và Đức Hồng Quân Lão Tổ.

Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế xuất hiện chính là việc các dòng khí Âm, khí Dương, năng lượng thanh nhẹ, năng lượng trọng trước được phân định rõ ràng cụ thể. Khí thanh nhẹ hình thành nên các cõi giới vô hình thuần khiết, được gọi là Thượng Giới. Khí trọng trước kết tụ lại tạo nên các tinh cầu, tinh vân, thiên thạch hữu hình trong vũ trụ, được gọi chung là Hạ Giới. Bầu khí quyển của các cõi Hạ Giới, hay nơi tiếp giáp giao nhau giữa hai cõi Thượng Giới và Hạ Giới được gọi là Trung Giới, có năng lượng Âm Dương hỗn độn.

Các cõi trong khắp Tam Giới này tồn tại theo quy luật vận hành của Âm Dương luân chuyển thường biến, vô thường nhưng theo một trật tự chặt chẽ nghiêm ngặt. Nhờ vậy, chu kỳ chuyển động của các tinh tú, tinh cầu đều ổn định theo đúng quỹ đạo của nó, không bị rối loạn mà phát sinh những sự cố va chạm và hủy diệt.

Tam Giới khởi nguyên có các cõi giới sau:

Thượng Giới có 36 cõi, phân lập thành 9 tầng Trời, gọi là Cửu Trùng Thiên.

Hạ Giới có 3000 tinh tú cùng 72 trái Địa Cầu. Nơi chúng ta sống là quả Địa Cầu thứ 68, gần chót nhất trong số các cõi Hạ Giới.

Trung Giới phân làm Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Nam Thiệm Bộ Châu và Bắc Câu Lưu Châu.



Đức Từ Phụ là vị cha lành đã đưa Tam Giới vào trật tự từ thuở sơ khai hỗn độn. Mỗi cõi giới khi vừa hình thành được Ngài phân tánh hóa sanh, biến hiện nên một vị Thượng Đế cai quản cõi giới ấy. Trong số đó có 7 tôn danh lớn thường được dùng để chỉ về Người:

– Đại La Thiên Đế Thái Cực Thánh Hoàng –

Nghĩa là vị Vua, Hoàng Đế cai quản tầng trời Đại La Thiên, chính là cõi Thiên Giới đầu tiên xuất hiện xung quanh khối ánh sáng Thái Cực.

– Ngọc Hoàng Thượng Đế –

Nơi cõi Thái Cực có Bạch Ngọc Kinh là kinh đô được hình thành bởi khí chất thanh nhẹ, thuần khiết như ngọc. Để vào Bạch Ngọc Kinh phải đi qua một cánh cổng hoàng kim, gọi là Huỳnh Kim Khuyết. Vậy nên muôn sinh tôn kính, gọi vị cai quản nơi đây là Ngọc Hoàng Thượng Đế.

– Đức Từ Phụ hay Đức Chúa Cha, Đức Chúa Trời –

Người chính là vị đã thiết lập nên trật tự vận hành trong Tam Giới, được hiểu như là Đấng Sáng Tạo nên muôn vật loại, nuôi dưỡng cho muôn loài phát triển tinh tấn. Thế nên muôn sinh thương mến, gọi Người là vị Cha lành đáng kính, Đức Đại Từ Phụ đó vậy.

– Đức Chí Tôn –

Người là hiện thân của khối năng lượng Thái Cực vĩ đại, tối cao tối thượng. Vậy nên Tam Giới xưng tán, tôn bái Người là Đức Chí Tôn đầy lòng từ bi hòa ái.

– Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn –

Khung nghĩa là không, chỉ về khoảng không gian sâu thẳm, cao vợi, vĩ đại vô cùng. Huyền Khung Cao Thượng chỉ về nơi hư không tịch mịch, vắng lặng thanh tịnh, lại tối cao tối trọng, huyền diệu chẳng thể nghĩ bàn.

Đại Thiên Tôn nghĩa là vị đáng kính được khắp các cõi Trời quý mến bậc nhất.

– Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát –

Vào thời Tam Kỳ Phổ Độ, chư vị trọn lành nguyện đưa vạn loại sinh linh hữu tình trở về với Đạo, hiệp quy vạn giáo về một gốc với tôn chỉ Vạn Giáo Đồng Nguyên, bởi muôn vật loại vốn đều từ Hư Vô mà biến hiện nên. Đức Từ Phụ dùng huyền nhiệm cơ bút, giảng diễn cho Đồng Tử là phạm nhân nơi thế gian thuyết giảng về việc tu Chân Đạo mà trở nên tận thiện tận mỹ, sớm ngày quy hồi nguồn cội.

Nơi Hạ Giới, chúng sinh chỉ bởi tôn giáo khác biệt mà dễ dàng tranh đấu cùng nhau. Nên nay Người dùng danh hiệu Cao Đài tượng trưng cho Nho Giáo, Tiên Ông tượng trưng cho Tiên Giáo, Đại Bồ Tát Ma Ha Tát tượng trưng cho Phật Giáo làm tôn danh chung quy tụ vạn giáo, để gọi về vị đã hóa sinh nên muôn loài muôn vật, lưu truyền Đạo Pháp từ thuở Khai Thiên Lập Địa. Làm như thế để chúng sinh hiểu rằng mọi tôn giáo đều xuất phát từ một gốc mà cùng hiệp đức tin về một nhà thực sự, chính là Cội Đạo vậy.

Khi thị hiện thân ảnh là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Người mang dáng dấp của một vị nam nhân hơn năm mươi với vẻ ngoài vừa nhân từ phúc hậu, lại vừa oai nghiêm cương trực. Toàn thân Người lan tỏa ánh Đạo quang trắng, vàng đan xen, ấm áp nhẹ nhàng, thuần khiết vô cùng. Người khoác trên mình Đạo bào hoàng kim óng ánh, rực rỡ như ánh bình minh vừa ló dạng nơi chân trời.

Trên đầu, Người đội Cửu Trọng Quan, là vương miện bằng vàng ròng có những sợi châu ngọc lấp lánh buông xuống phía trước, biểu trưng cho quyền uy tuyệt đối trong Tam Giới.

Người thường mang bên mình chiếc Thiên Bình, là một cái cân hoàng kim với hai bàn cân nhỏ nhắn đại diện cho thiện-ác nghiệp, nằm gọn trong lòng bàn tay. Cân này tượng trưng cho sự công bình, uy nghiêm và công chánh của Người khi gìn giữ sự vận hành cân bằng của Vũ Trụ.

Khi hữu sự cần giúp cho một chân hồn quán chiếu được nhân duyên nghiệp quả của mình, Thiên Bình này sẽ biến thành to lớn trước mặt họ, bao điều thiện ác hành tàng họ đã từng làm trong một kiếp sinh đều được tái hiện rõ ràng cụ thể. Trong thoáng chốc, cán cân ấy sẽ nghiêng về phía thiện nghiệp hay ác nghiệp để chân hồn ấy hiểu về nghiệp quả của mình, từ đó mà tự quyết định vận mệnh của mình sẽ chuyển sinh, tồn tại ra sao.

Một bảo vật trân quý khác mà Người thường để trong tay áo Đạo bào của mình, chính là quyển trục Thiên Thư. Thiên Thư này chỉ vòn vẹn có bốn chữ “Bác Ái Công Bình”, thể hiện quy luật vận hành của Đạo. Nhờ vậy, mọi thứ được giữ gìn theo đúng chu kỳ trật tự nhất định mà chúng sinh gọi là Luân Hồi Nhân Quả. Tuy đơn giản là thế nhưng Luật Thiên Điều, Thiên Thư đã định chẳng sai chạy bao giờ.

Khi thị hiện thân ảnh là Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ, Người mang dáng dấp của vị lão nhân, gương mặt nhân từ độ lượng, lan tỏa ánh sáng dịu dàng chan hòa khắp muôn nơi. Nhìn vào gương mặt ấy, chúng sinh sẽ nhìn thấy những nét gần gũi giống với người cha ruột thân thương đã sinh thành, dưỡng dục mình nơi dương thế.

Người để tóc xỏa tự nhiên, hoặc trên đỉnh đầu búi tóc gọn gàng, có giắt một chiếc trâm cài hình đoá liên hoa hàm tiếu. Ở giữa liên hoa là biểu tượng Thiên Nhân, tượng trưng cho ánh sáng Minh Triết từ bi và trí tuệ. Thiên Nhân ấy sáng soi, chan chứa làn minh khí an lạc ấm áp vô cùng. Toàn thân Đức Từ Phụ khoác Đạo bào trắng, nơi ngực áo ẩn tàng hai sắc bạch kim đan xen, lập lòe ẩn hiện. Đó là biểu tượng của từ bi tâm thuần khiết nhân hậu, là tình yêu thương bao la vô cùng vô tận, luôn tha thứ độ lượng với con cái của mình là vạn loại sinh linh trong Tam Giới.

Lễ kỷ niệm Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế được dân gian chọn ngày mùng 9 tháng Giêng Âm lịch để thiết lễ cúng Trời, thành kính tri ân Đấng Tạo Hóa dưỡng dục muôn sinh. 9 là số thuần dương tối cao, 1 là số thuần dương đầu tiên nên chọn 9 tháng Giêng làm ngày vía Đức Từ Phụ đó vậy.

Người có tín tâm thiện lành, ý hướng tu tập trở nên Chân Thiện Mỹ, hữu duyên có thể được nhìn thấy Ngài. Lúc bấy giờ, nhờ an lạc khí từ Ngài dịu dàng lan tỏa khiến cho người ấy cảm ứng được, liền thấy gần gũi thân thương, an yên bình lặng. Tâm tình cũng từ đó mà lương thiện, hiền lành trong đối nhân xử thế.

•

Trên con đường đi theo Cửu Thiên Thập Nhị Kinh

Qua hết thảy các tầng Trời cao xa vời vợi, trải muôn vàn cố gắng nhọc nhằn. Nay chư linh đã bước chân vào đền Thánh Thiêng Liêng, nơi cung vàng điện ngọc. Tươi sáng nhất và cũng âm áp nhất, chiếu rọi sâu trong tâm hồn mỗi kẻ, là hình bóng của Đức Từ Phụ hiền hoà.

Về nơi này, gặp được Cha Mẹ Hiền sinh ra mình, mỗi kẻ đều như một đứa trẻ vỡ oà nỗi niềm xúc động. Những nhớ thương trong tiềm thức trỗi dậy vô cùng tận. Về được đến đây, nhìn lại bao lâu nay trải qua muôn vàn sự sinh diệt, mới thấy thực sự những gì mình đã qua quả là một giấc mộng ngắn ngủi, chỉ như vừa chớp mắt đã kết thúc. Lúc ấy mới vỡ lẽ, phép màu huyền diệu nhất của Thượng Đế lại đơn thuần chỉ là gìn giữ trọn vẹn sự sinh tồn của vạn linh. Quả chưa hề là một điều gì hão huyền và sâu xa khó hiểu.

Có lẽ đến đây rồi, sẽ để dành lại cho mỗi người tự rung động những cảm xúc thiêng liêng vi diệu của riêng chính mình khi được gặp lại cố nhân vậy.

Rồi thì, ta sẽ là ai giữa Vũ Trụ này? Sẽ làm gì tiếp sau đó để kế thừa những thiện duyên từng có? Lại tiếp tục chuyển hành trình của mình khắp nơi Tam Giới, nhúng tay vào việc bảo bọc sự sống và hạnh phúc của vạn loại, y như phép màu rực rỡ của Đấng Tạo Hoá.

•

Thi văn, kinh điển

Các bài thơ tiêu biểu Đức Từ Phụ từng giảng cơ dạy Đạo:

*“Day mặt Hồng Quân ngó Địa Hoàn
Rưới chan vạn vật khối sinh quang
Cõi Tiên mở rộng cung Đâu Suất
Nước Phật sữa an cảnh Niết Bàn
Cứu thế quyết ngưng quyền Địa Phủ
Độ đời cố tạo phước nhơn gian
Thần thông trời chắt Ma Vương Quái
Dù bước vạn linh đến cảnh nhân.”*

*“Bạch Ngọc từ xưa đã ngự rồi
Đâu cần Hạ Giới vọng cao ngôi
Sang bản trời mặc, tâm là quý
Tâm ấy tòa sen của Lão ngôi.”*

*“Ngọc ẩn thạch kỳ, ngọc tự cao
Hoàng Thiên bất phụ chí anh hào
Giáng ban phúc hạnh nhân đồng lạc
Thế tạo lương phương thế cộng giao
Giáo hóa nhân sinh cầu triết lý
Đạo truyền Thiên hạ ái đồng bào
Nam nhân tình cảm sanh cao khí
Phương tiện tu tâm kế diệt lao.”*

Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế:

*“Đại La Thiên Đế
Thái Cực Thánh Hoàng
Hóa dục quần sanh
Thống ngự vạn vật
Diệu diệu Huỳnh Kim Khuyết
Nguy nguy Bạch Ngọc Kinh
Nhược thiết nhược hư, bất ngôn nhi mặc tuyên đại hóa
Thị không thị sắc, vô vi nhi dịch sử quân linh
Thời thừa Lục Long du hành bất tức
Khí phân Tử Tượng hoát truyền vô biên
Càn kiện cao minh, vạn loại thiện ác tất kiến
Huyền phạm quảng đại, nhất toán họa phước lập phân
Thượng chương Tam Thập Lục Thiên, Tam Thiên Thế Giới
Hạ ốc Thất Thập Nhị Địa, Tứ Đại Bộ Châu
Tiên Thiên, Hậu Thiên, tịnh dục Đại Từ Phụ
Kim ngưỡng, cổ ngưỡng, phổ tế tổng pháp tông
Nãi Nhật, Nguyệt, Tinh, Thần chi Quân
Vi Thánh, Thần, Tiên, Phật chi Chủ
Trạm tịch Chân Đạo
Khôi mịch tôn nghiêm
Biến hóa vô cùng, lũ truyền Bửu Kinh dĩ giác thế
Linh oai mạc trắc, thường thi Thần Giáo dĩ lợi sanh
Hồng Oai Hồng Từ
Vô Cực Vô Thượng
Đại Thánh Đại Nguyện
Đại Tạo Đại Bi
Huyền Khung Cao Thượng Đế
Ngọc Hoàng Tích Phước Hựu Tội Đại Thiên Tôn.”*

(Đức Lữ Động Tân giảng cơ ban kinh)

Lời kết

Ai rồi cũng sẽ cảm thấy lạc lõng ít nhất một lần giữa vũ trụ rộng lớn thế này. Nhưng lạc lõng rồi cũng sẽ tìm được cho mình lối đi.

Có kẻ từng nói:

“Nếu không biết mình đang đi đâu, thì bạn đi đường nào cũng vậy mà thôi.”

Bởi lẽ, đi mà không có điểm đến thì lối nào cũng là lối đi lạc.

Nếu không có ý niệm về nơi nào, sẽ chẳng bao giờ mình nghĩ đến việc tìm về nơi đó. Trải bao rong ruổi của cuộc sống đời thường, chúng ta cũng vô tình vùi lấp mất những bản năng linh thiêng màu nhiệm của chính mình, và nơi mình xuất xứ ấy vốn cũng đã thành ra khuyết niệm. Đã khuyết niệm sao có thể hồi thúc mình trở về được nữa?

Ấy nên đã lũ lượt bao phen các vị Thiêng Liêng dẫn đường mở lối cho chư linh trở gót. Ngặt nỗi, chư linh vẫn chưa muốn bước tới.

Mọi thứ đều có thời hạn. Nếu đã là hữu Duyên sức nhớ về bản tính linh thiêng của mình, hãy đừng để chậm trễ thêm một phút giây nào nữa.

“Chư linh có biết

Tạo Hoá đang ngóng trông con cái Người trở về lăm chãng...”





THẦN TIÊN TRÍCH LỤC

Trình bày HUN
Thiết kế bìa HUN
Minh hoạ HUN

Nội dung sưu tầm và biên khảo chính từ
TAM GIỚI TOÀN THƯ CỬU THIÊN MÔN
và nhiều nguồn tài liệu khác.